

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 233 – Chúa nhật 12.10.2014

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

| | |
|---|--------------------------------------|
| Cách Tham Dự Phong Trào Hiệp Nhất | Vatican 2 |
| DỰ NGÔN TIỆC CƯỚI HOÀNG GIA | Lm FX Vũ Phan Long, ofm |
| Y PHỤC XỨNG KỲ ĐỨC | Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD. |
| Sứ điệp ngày Thế giới Truyền giáo 2014 của Đức Thánh Cha Phanxico..... | |
| Bản tiếng Việt của Ủy ban Loan báo Tin Mừng / HĐGM Việt Nam | |
| Tuyên bố của Đức hồng y Thang Hán về tình hình ở Hong Kong | Minh Đức (WHĐ) |
| BÀI GIÁO LÝ 7 CỦA ĐTC PHANXICÔ VỀ HỘI THÁNH: HỘI THÁNH CÔNG GIÁO VÀ TÔNG TRUYỀN | Phaolô Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ |
| PHẢI SỐNG SONG ĐẠO THỂ NÀO ĐỂ ĐƯỢC CỨU RỒI ? | Lm. PX. Ngô Tôn Huân |
| Minh triết dân gian Việt Nam theo cái nhìn của cố Cả (Léopold Cadière) - Việt Nam có triết lý hay không ? | Gs. Trần Văn Toàn. |
| CUỘC CHIẾN THIÊNG LIÊNG THEO THÁNH KINH, TRONG HỘI THÁNH & NƠI CÁC THÁNH - ONWARD CATHOLIC SOLDIER | Lm. Minh Anh chuyển ngữ |
| TÂN PHÚC ÂM HÓA BẢN THÂN TU SĨ - TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC..... | |
| | Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss. |
| BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT EBOLA | Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD. |
| SAU LỪNG ANH ĐỜN ÔNG | Chuyện Phiếm của Gã Siêu |

Cách Tham Dự Phong Trào Hiệp Nhất

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

**Sắc Lệnh
Về Hiệp Nhất
Unitatis Redintegratio**

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Chương II

Cách Tham Dự Phong Trào Hiệp Nhất

5. Mọi người phải lưu tâm đến sự hiệp nhất. Mỗi bận tâm tái lập hiệp nhất liên hệ đến toàn thể Giáo Hội, tín hữu cũng như chủ chăn, mỗi người đều phải lưu tâm tùy theo sức riêng của mình, hoặc trong đời sống Kitô hữu thường nhật, hoặc trong các công trình khảo cứu thần học và sử học. ^{19*} Nỗi bận tâm này chứng tỏ một phần nào sự liên kết huynh đệ vốn tiềm tàng giữa các Kitô hữu và dẫn đưa tới sự hiệp nhất đầy đủ và toàn hảo theo lòng nhân hậu của Thiên Chúa.

6. Canh tân Giáo Hội. Vì mọi việc canh tân Giáo Hội ¹ cốt yếu nhằm sống trung thành với ơn gọi của Giáo Hội hơn, nên chắc chắn đó là lý do giải thích tại sao có phong trào hiệp nhất. Trên đường lối hành, Giáo Hội được Chúa Kitô mời gọi canh tân luôn mãi, một sự canh tân mà Giáo Hội vì là một định chế nhân trần, bao giờ cũng cần đến. Do đó, nếu vì hoàn cảnh mà tuân giữ ít chu đáo một vài điểm hoặc về luân lý hoặc về kỷ luật Giáo Hội hoặc cả trong cách trình bày giáo lý - cách trình bày này phải được thận trọng phân biệt với chính kho tàng đức tin - thì phải lo cải tổ cho đúng mức khi thuận tiện ^{20*}.

Vì thế, sự canh tân này có giá trị rất lớn đối với công cuộc hiệp nhất. Giáo Hội thực hiện cuộc canh tân ấy bằng nhiều hình thức khác nhau của đời sống Giáo Hội như phong trào Thánh Kinh và phụng vụ, việc rao giảng lời Chúa và giáo lý, hoạt động tông đồ giáo dân, những hình thức mới trong đời tu trì, nền đạo đức hôn nhân, học thuyết và hoạt động xã hội của Giáo Hội; phải coi những hình thức ấy như là đảm bảo và là điềm báo những tiến bộ tương lai của phong trào hiệp nhất.

7. Hoán cải tâm hồn. Không thể có phong trào hiệp nhất chính danh mà không có sự hoán cải nội tâm. Thật vậy, những ước vọng hiệp nhất bắt nguồn và chín mùi nhờ sự đổi mới tâm trí ², từ bỏ chính mình và bác ái một cách hết sức quảng đại. Vì thế, phải nguyện xin Chúa Thánh Thần, ban cho chúng ta ơn thành thật quên mình, khiêm nhượng và hiền hòa trong khi phục vụ, quảng đại trong tình huynh đệ đối với tha nhân. Vị Tông Đồ dân ngoại đã nói: "Tôi đây tù nhân trong Chúa, tôi khẩn khoản nài xin anh em hãy tiến bước đàng hoàng theo ơn kêu gọi mình đã được với tất cả lòng khiêm nhượng và hiền hậu, hãy nhẫn nại chịu đựng nhau trong đức ái; hãy lo lắng duy trì sự hiệp nhất của Chúa Thánh Thần trong mối dây hòa bình" (Eph 4,1-3). Lời khuyên nhủ ấy trước hết liên hệ đến những ai được nhắc lên chức thánh để tiếp tục sứ mệnh Chúa Kitô, Người đến giữa chúng ta "không phải để được phục vụ, nhưng để phục vụ người ta" (Mt 20,28).

Lời chứng sau đây của Thánh Gioan vốn còn giá trị trước những lỗi lầm hủy hoại hiệp nhất: "Nếu ta nói rằng mình vô tội, ta kẻ Người là kẻ dối trá và Lời của Người không ở trong chúng ta" (1Gio 1,10). Vậy chúng ta hãy khiêm nhượng xin lỗi Chúa và xin lỗi những anh em ly khai, cũng như chúng ta tha kẻ có nợ chúng ta ^{21*}.

Hết mọi Kitô hữu hãy nhớ luôn là càng cố gắng sống trong sạch hơn theo Phúc Âm, càng cố võ và thực hiện sự hiệp nhất các Kitô hữu cách hữu hiệu hơn. Càng kết hiệp mật thiết với Chúa Cha, Chúa Con và Thánh Thần, họ càng dễ dàng thắt chặt tình tương thân tương ái với nhau hơn ^{22*}.

8. Hiệp nhất trong lời nguyện. Sự hoán cải tâm hồn và đời sống thánh thiện làm một với những lời khẩn cầu chung hay riêng cho sự hiệp nhất các Kitô hữu phải được coi như là linh hồn của tất cả phong trào hiệp nhất và xứng đáng mệnh danh là "sự hiệp nhất thiêng liêng".

Người công giáo thường có thói quen hội nhau để cầu nguyện cho Giáo Hội được hiệp nhất, lời cầu nguyện mà chính Đấng Cứu Thế trước ngày tử nạn đã khẩn khoản dâng lên Chúa Cha: "Xin cho tất cả nên một" (Gio 17,21).

Trong vài trường hợp đặc biệt, chẳng hạn như những dịp được chính thức tổ chức để cầu nguyện "cho hiệp nhất" và trong các buổi hội thảo về hiệp nhất, chẳng những người công giáo được phép mà còn phải được khuyến khích hiệp nhau cầu nguyện với anh em ly khai. Những kinh nguyện chung như thế là phương tiện rất hữu hiệu để xin ơn hiệp nhất và tiêu biểu thực sự

mối dây còn đang liên kết người công giáo với anh em ly khai: "Vì đâu có hai ba người nhân danh Thầy hội họp lại, Thầy sẽ giữa họ" (Mt 18,20) ^{23*}.

Nhưng không được phép áp dụng bừa bãi việc "thông dự vào sự thánh" ^{24*} như phương thế để tái lập hiệp nhất các Kitô hữu. Việc thông dự ấy đặc biệt tùy thuộc hai nguyên tắc: biểu hiệu sự duy nhất của Giáo Hội và tham dự các phương tiện ban ân sủng. Nhiều khi, việc biểu hiệu sự duy nhất của Giáo Hội ngăn trở sự hiệp thông, nhưng đôi khi nhu cầu ban ân sủng lại khuyến khích sự hiệp thông ấy. Về phương cách hành động trong thực tế, hãy theo mọi hoàn cảnh thời gian, không gian và nhân sự được Giám Mục bản quyền khôn ngoan định đoạt, trừ khi Tòa Thánh hay Hội Đồng Giám Mục theo qui chế riêng ấn định thể khác.

9. Tìm hiểu nhau. Phải biết tâm trạng của các anh em ly khai. Vì thế, cần tìm hiểu họ trong chân lý và với lòng nhân hậu. Người công giáo đã được chuẩn bị đầy đủ cần phải tìm hiểu sâu rộng hơn về học thuyết và lịch sử, về đời sống tu đức và phụng tự, về tâm lý tôn giáo và văn hóa riêng của anh em ly khai. Để đạt được kết quả ấy, các buổi hội thảo song phương, nhất là khi bàn về các vấn đề thần học, sẽ giúp ích rất nhiều. Trong các cuộc hội thảo ấy, mọi người được bình đẳng bàn luận, miễn là những người tham dự, dưới sự giám sát của Giám Mục, thật sự là những nhà chuyên môn. Nhờ đối thoại như thế lập trường của Giáo Hội Công Giáo được nhận thức rõ ràng hơn. Rồi cũng như thế tư tưởng của anh em ly khai được am hiểu hơn và chúng ta có thể trình bày đức tin cho họ cách thích hợp hơn ^{25*}.

10. Sự huấn luyện trên phương diện hiệp nhất. Thần học và các môn học khác, nhất là sử học, cũng phải được trình bày theo chiều hướng hiệp nhất hầu đáp ứng với thực tại cách chính xác hơn.

Vậy các chủ chăn và linh mục tương lai phải am tường khoa thần học đã được trình bày xác đáng như thế, chứ đừng theo lối bút chiến ^{26*}, nhất là trong những vấn đề liên hệ đến những tương quan giữa Giáo Hội Công Giáo và các anh em ly khai.

Sự giáo dục và huấn luyện tu đức thiết yếu của các tín hữu và tu sĩ tùy thuộc rất nhiều ở nền giáo dục của các linh mục.

Người công giáo dẫn thân hoạt động truyền giáo trong những phần đất chung với các Kitô hữu khác, nhất là trong lúc này, phải am tường các vấn đề và các thành quả do phong trào hiệp nhất đem đến cho việc tông đồ của họ ^{27*}.

11. Cách thức diễn tả và trình bày đức tin. Phương pháp và cách diễn tả đức tin công giáo không được gây trở ngại cho việc đối thoại với những người anh em. Cần phải trình bày rõ ràng nguyên vẹn giáo lý. Không gì phá hoại hiệp nhất cho bằng chủ trương xu thời sai lệch ^{28*}, nó làm tổn thương giáo lý công giáo thuần túy và làm lu mờ ý nghĩa đích thực và chắc chắn của những giáo lý này.

Đồng thời, đức tin công giáo phải được giải thích sâu xa và chính xác hơn bằng cách thức và ngôn từ để các anh em ly khai có thể hiểu đúng nghĩa.

Hơn nữa, khi cùng các anh em ly khai tìm hiểu các mầu nhiệm của Thiên Chúa trong cuộc đối thoại hiệp nhất, các nhà thần học công giáo gắn bó với giáo lý của Giáo Hội, phải tiến hành với lòng yêu mến chân lý, bác ái và khiêm nhường. Khi so sánh các giáo lý với nhau, phải nhớ rằng có một "phẩm trật" ^{29*} trong các chân lý của giáo lý công giáo vì liên hệ giữa các chân lý ấy với nền tảng đức tin không đồng đều. Quan niệm như thế tức là đã vạch ra được một đường hướng để nhờ sự tranh đua thân hữu, tất cả được thúc đẩy tìm hiểu sâu rộng và biểu hiện rõ ràng hơn nguồn phong phú khôn lường của Chúa Kitô ³.

12. Cộng tác với anh em ly khai. Trước mặt muôn dân ^{30*}, toàn thể các Kitô hữu hãy tuyên xưng đức tin vào Thiên Chúa duy nhất và Ba Ngôi, vào Con Thiên Chúa nhập thể, cứu chuộc và là Chúa chúng ta; và trong sự tôn trọng lẫn nhau, hãy cùng nỗ lực làm chứng cho niềm trông cậy của chúng ta, niềm trông cậy không bao giờ luống công. Vì ngày nay sự hợp tác trong các hoạt động xã hội đang được thiết lập rộng rãi, nên hết mọi người đều được kêu gọi để chung lưng làm việc, hướng chỉ những người tin nơi Chúa nhất là các Kitô hữu, vì họ đã được mang danh Chúa Kitô. Sự hợp tác của tất cả các Kitô hữu nói lên cách hùng hồn tình liên kết đang thắt chặt họ lại với nhau và biểu dương khuôn mặt của Chúa Kitô Tôi Tớ cách rực rỡ hơn. Sự

hợp tác này đã được thiết lập trong nhiều quốc gia và cần được cải thiện thêm mãi, nhất là trong những vùng tiến bộ về mặt xã hội cũng như kỹ thuật bằng cách làm cho nhân phẩm được tôn trọng đúng mức, bằng cách cổ vũ hòa bình hoặc nỗ lực áp dụng Phúc Âm vào đời sống xã hội, bằng cách phát triển khoa học và nghệ thuật trong tinh thần Kitô giáo, bằng cách áp dụng đủ loại phương được chống các khổ nạn của thời đại chúng ta, như nạn đói ăn, thiên tai, mù chữ, nghèo túng, vô gia cư, bất bình đẳng trong việc phân phối phẩm vật. Nhờ sự cộng tác ấy, tất cả mọi kẻ tin vào Chúa Kitô có thể dễ dàng học hỏi cho biết cách tìm hiểu, tôn trọng nhau hơn và dọn đường tiến tới hiệp nhất các Kitô hữu.

Chú Thích:

19* Những cuộc nghiên cứu sử học và thần học có thể giảm thiểu các thiên kiến và chứng tỏ rằng đã xảy ra nhiều hiểu lầm, như vậy mối liên kết sẽ thêm dễ dàng hơn.

1 Xem Lateranô V, khóa XII (1517), Hiến chế Constituti: Mansi 32, 988 B.C.

20* Cách diễn đạt một chân lý mạc khải có thể thật rõ ràng trong môi trường lịch sử của nó, song lại rất khó hiểu trong một hoàn cảnh lịch sử khác. Trong trường hợp này nên tìm một công thức khác, nhưng không thay đổi ý nghĩa đã được mạc khải.

2 Xem Eph 4,23.

21* Tinh thần hiệp nhất là tinh thần hòa giải và bác ái với nhau. Do đó người công giáo và không công giáo phải tha thứ cho nhau những lỗi phạm chống lại tinh thần này.

22* Bằng nhiều cách khác nhau, trọn số này diễn tả một chân lý rất căn bản: để hiệp nhất các Kitô hữu, trước tiên tất cả mọi người công giáo hãy sống trọn vẹn và trung thành với tôn giáo của mình.

23* Công Đồng khuyến khích việc cầu nguyện chung giữa người công giáo và không công giáo khi tiện dịp. Những kinh nguyện chung có thể là Lạy Cha, Sáng Danh, các Thánh Vịnh hay bài đọc Thánh Kinh.

24* Có "thông dự vào sự thánh" khi một người công giáo tham dự vào sinh hoạt tôn giáo của một cộng đoàn không công giáo, hay trái lại. Lúc ấy người ta gọi những kinh nguyện chung như sự tham dự nào đó được ban phép và cổ vũ. Điều kiện để một hoạt động tôn giáo được chuẩn nhận là nó phải biểu hiệu được tính cách hiệp nhất của Giáo Hội và thực sự là một phương thể ban ân sủng. Điều kiện thứ nhất thường thiếu sót; trường hợp ấy, người công giáo không được phép tham dự. Cũng thế, lễ Tiệc Ly Tin Lành và Thánh Lễ Công Giáo không có cùng ý nghĩa; do đó người công giáo không được quyền tham dự vào Tiệc Ly Tin Lành. Vậy nên, các Giám Mục phải ban hành những tiêu chuẩn chính xác để các tín hữu biết rõ điều nào được phép, điều nào không trong vấn đề tế nhị này.

25* Để tán trợ tinh thần hiệp nhất, người công giáo và không công giáo phải tìm hiểu nhau. Một sự hiểu biết hỗ tương như thế quả thật rất cần thiết trước nhất cho các linh mục và các thừa sai (xem số 10).

26* Khi gặp những sai lầm về giáo lý, cần phải bình tâm và khách quan chứng tỏ căn nguyên của sai lầm, không nên buộc tội hay công kích những người chủ trương cách sai lầm ấy.

27* Tinh thần hiệp nhất không cho phép công kích những nhà thừa sai ngoài công giáo, song phải biểu lộ niềm tôn kính họ theo như đức ái đòi buộc, cho dù, tùy hoàn cảnh cũng cần phải gìn giữ các tín hữu tránh khỏi những sai lầm mà họ có thể truyền bá.

28* Danh từ "xu thời" (irenismus) phát xuất từ tiếng hy Lạp "eirene" có nghĩa "chủ hòa". Trong những tương giao với người không công giáo phải nhằm sự hòa hợp với nhau. Tuy nhiên nếu chúng ta che giấu một chân lý Công Giáo nào đó hoặc thay đổi ý nghĩa đích thực của một học thuyết Công Giáo cốt cho người không công giáo dễ chấp nhận hơn, quả thực đó là một phương thể giả tạo để đạt tới sự hòa hợp vừa nói. Đó cũng chính là chủ trương xu thời sai lệch bị Sắc Lệnh này ngăn cấm.

29* Danh từ "phẩm trật" ở đây hiểu theo nghĩa bóng, nó biểu thị một sự dị đồng về giá trị, về sự cần thiết về lợi ích của những chân lý khác nhau mà Giáo Hội Công Giáo truyền dạy. Trong Giáo Huấn ấy có những chân lý đức tin, nên bất biến và những chân lý khác không thuộc đức tin. Trong những chân lý đức tin, dù cần phải tin toàn thể tất cả, song cũng có một số chân lý buộc phải hiểu biết cách minh bạch. Khi đối thoại với người không công giáo, không được quên những dị biệt ấy để khỏi bó buộc họ phải tin tất cả giáo thuyết cùng một mức độ như nhau.

3 Xem Eph 3,8.

30* "Muôn dân" ở đây ám chỉ toàn thể những người ngoài Kitô giáo mà tất cả Kitô hữu công giáo hay không công giáo đều có bổn phận làm gương sáng hiệp nhất trong một số các chân lý nền tảng và trong đức bác ái qua việc cộng tác mật thiết với nhau nhất là trên bình diện xã hội.

VỀ MỤC LỤC

DỰ NGÔN TIỆC CƯỚI HOÀNG GIA

Nguồn: <http://kinhthanhvn.org/viewItem.jhtml?itemId=9189>

Chú giải và gợi ý suy niệm Chúa nhật 28 thường niên A: DỰ NGÔN TIỆC CƯỚI HOÀNG GIA

Bản văn có thể chia thành bốn phần: 1) Mở (22,1); 2) Dự ngôn Tiệc cưới thất bại (22,2-7); 3) Dự ngôn Tiệc cưới thành công (22,8-13): a) Mời mọi người (cc. 8-10), b) Vấn đề áo cưới (cc. 11-13); 4) Kết luận: Lời bình của Đức Giêsu (22,14).

Lm FX Vũ Phan Long, ofm:

1. Ngữ cảnh

Cả ba dự ngôn nối tiếp nhau – *Hai người con* (21,28-32), *Những người thợ vườn nho* (21,33-46) và *Tiệc cưới hoàng gia* (22,1-14) – đều được gửi đến cho các thượng tế và các kỳ mục của Dân (x. 21,23) và đều mang một sứ điệp rất giống nhau. Bằng các dự ngôn này, với một lời khuyên cáo lặt đi lặt lại, nghiêm túc, mạnh mẽ, Đức Giêsu muốn làm cho họ mở mắt ra để hiểu tương quan của họ với Thiên Chúa. Các thượng tế và các kỳ mục không được chạy theo ảo tưởng nào, nhưng phải thấy rõ tương quan đó trước khi quá muộn và phải điều chỉnh bản thân cho kịp thời.

Thật ra các dự ngôn và các lời khuyên cáo không phải chỉ được dành cho giới lãnh đạo Do Thái giáo, nhưng cũng được gửi đến cho thánh giả mọi thời. Thiên Chúa không ép buộc; Ngài ngỏ với chúng ta và chờ đợi chúng ta tự do quyết định. Các người con được mời đi làm việc trong vườn nho của cha; những người thợ vườn nho được nhắc nhở giao nộp hoa lợi thuộc về ông chủ; những khách được mời được kêu gọi đến dự tiệc cưới. Không một ai bị bó buộc phải xử

sự theo cách nào cả. Thiên Chúa kiên nhẫn và đại lượng ước muốn rằng lời mời của Ngài được đón nhận.

2. Bố cục

Bản văn có thể chia thành bốn phần:

- 1) Mở (22,1);
- 2) Dụ ngôn Tiệc cưới thất bại (22,2-7);
- 3) Dụ ngôn Tiệc cưới thành công (22,8-13):
 - a) Mời mọi người (cc. 8-10),
 - b) Vấn đề áo cưới (cc. 11-13);
- 4) Kết luận: Lời bình của Đức Giêsu (22,14).

3. Vài điểm chú giải

- *mở tiệc cưới cho con mình* (1): Hình ảnh bữa tiệc thiên sai có lẽ được mượn từ *Cựu Ước* (Is 25,6; 55,1-3). Nó diễn tả tính nhưng-không của ơn cứu độ được Thiên Chúa ban tặng cho Dân Ngài.

- *nhưng họ không chịu đến* (3): Dịch sát là “không muốn đến”. Mt dùng động từ “muốn” (*thelô*), là một động từ ngài ưa chuộng (x. 11,14; 16,24; 18,30; 19,17; 23,27b) để diễn tả một quyết định rõ ràng.

- *Vậy các người đi ra* (9): Công thức mệnh lệnh *poreuesthe* (các người hãy đi) *oun* (vậy) khiến chúng ta hướng tới công thức phân từ *poreuthentes oun* có giá trị như một mệnh lệnh ở Mt 28,19, khi Đức Giêsu sai phái các môn đệ đi đến với Dân ngoại (“muôn dân”).

- *các ngã đường* (9): Từ *diexodos* thuộc Bản LXX có nghĩa là điểm bắt đầu hay là điểm đến, phần xa nhất của một miền đất. Vậy dịch *diexodoi tôn [h]odôn* là “các ngã đường” dường như không chính xác. Đây là điểm mà từ đó con đường (*[h]odos*) bắt đầu hay kết thúc. Như thế các đường đi ra khỏi thành và tỏa ra khắp nơi cho đến tận biên cương của vương quốc.

- *bất luận xấu tốt* (10): Những người “xấu” này có thể là những người tội lỗi, một khi đã được kêu gọi nhưng-không, sẽ sửa mình khi đã vào trong Vương Quốc hoặc trong Hội Thánh; mà cũng có thể là những người xấu theo nghĩa tuyệt đối, sẽ bị loại trừ ngày nào đó khỏi Vương Quốc (hoặc khỏi Hội Thánh). Các câu 11-14 hiểu theo nghĩa thứ hai này.

- *quan sát* (11): Động từ *theamai* có nghĩa là “nhìn xem; chiêm ngưỡng; quan sát”. Bên Đông phương, các nhân vật quan trọng không ngồi ăn chung với các khách mời, nhưng chỉ xuất hiện vào một lúc nào đó để chào cách quan khách. Phần đoạn gồm cc. 11-13 hẳn là một bản văn áp dụng cho đời sống Hội Thánh (trong khi cc. 1-10 áp dụng cho lịch sử dân Do Thái), nay được

đưa vào đây để sửa chữa một lỗi giải thích quá tự do cc. 1-10. Quả thật, việc đi vào Hội Thánh là chuyện nhưng-không, nhưng cũng không được quên rằng đây là Hội Thánh của Đức Vua! Đã nhận ơn, thì phải sống theo chiều hướng của ơn đã nhận.

- *không có y phục lễ cưới* (12): Vào thời Thượng Cổ, không có tập tục các khách mời phải mặc một bộ y phục riêng cho tiệc cưới; chỉ cần một bộ y phục sạch sẽ, trang trọng, là được. Do đó, công thức “y phục lễ cưới” khiến độc giả phải nghĩ đến nghĩa ẩn dụ. Cụm từ “y phục lễ cưới” (*endyma gamou*) này hẳn cũng là thực tại được dụ ngôn Những người thợ vườn nho nói đến, đó là các hoa trái của Vương Quốc, phải có trước khi ra trước tòa phán xét. Đây là “sự công chính” thường được *TM Mt* nói đến (ch. 5-7: 5,20; 6,33...). Xem thêm: *Is* 61,10; *Ep* 4,24; *Gl* 3,27; *Kh* 19,6-8; 7,9-17.

- *kể được gọi thì nhiều, mà người được chọn thì ít* (14): Ngôn ngữ Híp-ri không có những hình thái đặc biệt cho các tính từ ở dạng so sánh (comparative: better; more) hay tối thượng cấp (superlative: best; most); do đó, người ta dùng cách kiểu nói quanh (paraphrases). Phải dựa vào ngữ cảnh thì mới xác định được nghĩa so sánh nằm ở dưới. Xem *Mc* 9,42; *Mt* 22,36; 26,24; *Lc* 10,42; 18,14...

4. Ý nghĩa của bản văn

* *Mở* (1)

Dụ ngôn này được nối với những thính giả đã được nói đến (“họ” = “các thượng tế và người Phariseu”, x. 21,45), những người phải gánh lấy tất cả trách nhiệm và tội lỗi, khi từ khước Đức Kitô.

Chính dụ ngôn gồm các câu 2-13. Câu 14 là một lời bình của người kể, tức Đức Giêsu. Sau lời giới thiệu ở c. 2, dụ ngôn được triển khai thành hai phần đoạn, cc. 3-7 và cc. 8-13. Mỗi phần đoạn bắt đầu bằng việc nhà vua sai các đầy tớ đi mời khách đến dự tiệc cưới. Lần mời thứ nhất thất bại; lần mời thứ hai thành công. Tuy nhiên, mỗi lần đều kết thúc bằng một tai họa. Trong trường hợp thứ nhất, tai họa đổ xuống trên những người được mời; trong trường hợp thứ hai, tai họa chỉ đổ xuống trên một người khách.

Ta thấy dụ ngôn này và dụ ngôn trước có những điểm giống nhau. Một bên, đó là ông chủ nhà có một vườn nho, ở đây là một vị vua. Ông chủ nhà sai đầy tớ hai lần đến vườn nho để nhận hoa lợi; đức vua sai các đầy tớ hai lần đi mời khách tới dự tiệc. Trong cả hai trường hợp, các tôi tớ đều thất bại vì những người họ đến gặp tỏ ra xấu xa. Trong cả hai trường hợp, có liên quan đến một “người con [trai]”. Những điểm song song đó cho hiểu rằng hai câu chuyện nhắm đến một số nhân vật như nhau. Ông chủ vườn nho và đức vua chỉ là một, đó là Cha trên trời; người con trai chắc chắn là Đấng đã tự gọi mình là “Người Con” (11,27). Các tôi tớ chính là các ngôn sứ. Còn những người được mời chính là Dân bất trung của Thiên Chúa.

Trong dụ ngôn Tiệc cưới, nhân vật duy nhất hành động tích cực là nhà vua. Chỉ một mình ông nói, chứ không có đối thoại. Ngoại trừ cc. 5-6 và c. 10, truyện hệ tại các hành vi hoặc các lệnh truyền của nhà vua.

* *Dụ ngôn Tiệc cưới thất bại (2-7)*

Tuy nhiên, hai dụ ngôn cũng có những điểm khác nhau. Trong dụ ngôn Những người thợ vườn nho, vấn đề là một đòi hỏi về công bình; ở đây là một lời mời, một vinh dự diễn tả cho một tai đó. Một bên là ông chủ đòi hỏi điều thuộc về ông, bên kia là vị vua quảng đại, muốn mời tối đa người ta đến thông phần vào niềm vui của ngày cưới hoàng tử. Trong trường hợp sau này, thái độ thiếu quan tâm càng đáng trách hơn, vì ở đây không còn chuyện vi phạm một quyền, nhưng là một xúc phạm nặng nề đến danh dự. Đã thế, thái độ thiếu quan tâm còn trầm trọng đến mức trở thành sự căm thù chẳng hiểu vì sao. Ngay ở đây cũng có thể đặt lại câu hỏi của dụ ngôn trước: “Khi ông chủ vườn nho đến, ông sẽ làm gì bọn tá điền kia?” (21,40). Câu trả lời không còn phải là một đe dọa, nhưng là một thành động trừng phạt. Như thế, từ dụ ngôn kia sang dụ ngôn này, có một sự tiệm tiến.

Những “người đã được mời” (*kekléménous*) là những người được báo tin về tiệc cưới đúng thời điểm. Đây là các bạn hữu, những người đang sống trong những tương quan thân tình với nhà vua. Việc nhà vua sai đầy tớ đến và mời thúc bách (c. 4) cho thấy cử chỉ tốt hậu của lòng tốt của nhà vua, nhưng đã không được đáp lại. Thế mà nhà vua chỉ nhận được một sự từ khước dứt khoát (“không muốn đến”, c. 3). Các động lực thâm sâu là họ có những mối quan tâm thực tiễn, những của cải vật chất (chủ đề của Mt. x. 8,18-22; 19,21). Dưới ánh sáng của dụ ngôn trước, qua việc nhà vua sai các đầy tớ lần đầu (c. 3), độc giả có thể nghĩ đến các ngôn sứ trong Cựu Ước; qua lần sai phái thứ hai (cc. 4-6), họ có thể nghĩ đến các tông đồ và các nhà thừa sai (x. 21,34-36). Các độc giả cũng đã biết Israel thường xử tệ và giết các ngôn sứ (x. 23,34-35). Còn những khách được mời, thoát tiên độc giả sẽ nghĩ đến các thượng tế và người Phariseu, vì các dụ ngôn được nói cho họ. Tuy nhiên, không nhất thiết chỉ nghĩ tới giới lãnh đạo Do Thái, bởi vì các sứ giả của Đức Giêsu được cử đến với toàn thể Israel (x. 10,5-6.23).

Câu 6 có vẻ đột ngột: đi từ “kẻ thì ... , người thì ...” (*hos men ... hos de*), ta không chờ đợi “còn những kẻ khác” (*hoi de loipoi*), nhất là một tội ác (giết các đầy tớ). Nhưng các độc giả đã quen với truyền thống Do Thái, thì hiểu rằng dụ ngôn đang nói về các thừa sai của họ, các vị này đã bị bách hại tại Israel (10,16-23) cũng như nói về các ngôn sứ Cựu Ước cũng đã bị bắt bớ trước rồi (5,12; 21,35-36). Nhưng c. 7 thì thật lạ, kể cả với các độc giả đã quen với truyền thống Do Thái. Không còn cỗ bàn, bò tơ, thú béo nữa. Nhà vua lên đường hành quân, chắc chắn đâu có thể làm một sớm một chiều. Dù sao, từ tư cách những người đầu tiên được ưu đãi, người Do Thái trở thành những đối thủ đầu tiên chống lại ơn cứu độ, và mục tiêu đầu tiên cơn giận Thiên Chúa nhắm tới. Họ bị đánh giá là “không xứng đáng” (c. 8) không phải vì họ có những thiếu sót hay sự ngu dốt nào tự nhiên, nhưng do họ từ khước.

Đức vua đã huy động quân lính đi “tru diệt bọn sát nhân và thiêu hủy thành phố của chúng” (c. 7). Các khách được mời nay được gọi đơn giản là “bọn sát nhân”. Tại sao sự việc lại trở nên gia trọng đến mức ấy? Dường như các khách được mời sống ngay trong thành phố nơi tổ chức lễ cưới. Các kẻ sát nhân chỉ là một vài người trong số khách được mời thôi. Chẳng lẽ mọi người khách mời khác đều đáng xử như những kẻ sát nhân? Đàng này, cả thành bị thiêu hủy, hẳn là với tất cả những người vô tội. Nếu muốn tiếp nối câu chuyện cho hợp lý, thì phải nói đến việc

mời những người khác. Tất cả các thắc mắc này khiến ta phải nhìn nhận rằng cc. 6-7 là một câu lạc lõng. Rất có thể tác giả đang nghĩ đến cuộc tàn phá Giêrusalem đã xảy ra vào năm 70. Chỉ điều này mới giải thích được vì sao tác giả gán một tầm quan trọng đặc biệt cho chuyến hành quân trừng phạt và cuộc thiêu hủy thành phố. Và những kẻ sát nhân không phải chỉ là một vài người tạo cơ cho tác giả viết dụ ngôn, nhưng là tất cả các thợ làm vườn nho đã giết người con sau khi bàn bạc với nhau (21,38-39). Như thế ở đây tác giả Mt không chỉ làm chứng trung thành về các lời của Đức Giêsu đã được truyền đạt cho ngài, nhưng còn cung cấp cho chúng ta cách thức giải thích các lời này cho các thành viên của các cộng đồng tiên khởi của Hội Thánh. Hai phương diện này được kết nối chặt chẽ với nhau. Chỉ lời được Hội Thánh phát xuất từ các tông đồ hiểu và giải thích đúng đắn mới có thể được coi như là Lời Chúa, được Chúa Thánh Thần linh hứng và buộc chúng ta tin nhận.

* *Dụ ngôn Tiệc cưới thành công (8-13)*

Phân đoạn này gồm hai truyện khác nhau được kết nối lỏng lẻo (cc. 8-10 và 11-13). Câu truyện có thể kết thúc ở c. 10. Chính cụm từ “xấu và tốt” ở c. 10 khiến độc giả nghĩ rằng câu truyện có thể còn tiếp.

Bây giờ các đầy tớ có nhiệm vụ ngỏ lời mời với những người khác, mà không chọn lựa. Họ có nhiệm vụ đưa tất cả những ai họ gặp trên đường khắp cùng bờ cõi vương quốc (*diexodoi tôn [h]odôn*) vào phòng tiệc. Tác giả Mt không nói là “người nghèo khó, tàn tật, đui mù, què quặt” như Lc 14,21, vì hiểu chữ “tất cả” (“mời hết vào”) theo nghĩa khác: kẻ xấu người tốt đều được mời. Làn mời này thành công. Chẳng mấy chốc phòng tiệc đã đầy một khối người đa tạp. Sự đa tạp này không do khác nhau về y phục, về địa vị xã hội hay về những yếu tố bên ngoài. Đây là một sự khác biệt bên trong, chủ yếu, giữa “người xấu và người tốt” (c. 10). Chúng ta chỉ hiểu được tình trạng này nếu khởi đi từ thực tế tác giả đang nghĩ tới. Lời mời đã được ngỏ với dân Israel, nhưng họ đã không muốn đón nhận; thế là lời mời được gửi đến một dân mới, Dân ngoại. Đây không còn phải là một dân gồm những người trong sạch và các thánh, mà là một xã hội đa tạp gồm những người xấu và những người tốt. Ta gặp thấy có cả hai hạng người này trong Hội Thánh, như cỏ lùng giữa lúa tốt (13,28; x. dụ ngôn Chiếc lưới: 13,47-50). Dù sao, phòng tiệc cũng đã đầy vì mọi người được tự do đi vào. Thế nhưng đến đây, bài dụ ngôn vẫn chưa kết thúc “có hậu”. Bởi vì sẽ có một cuộc biện phân quyết định: lời mời không khẳng định là người ta sẽ thực sự được tham dự vào lễ cưới. Trước tiên phải có một cuộc phán xét: phải tách cỏ lùng khỏi lúa tốt. Đây chính là mục tiêu của phân đoạn thứ hai (cc. 11-13).

Đến đây khung cảnh vẫn là bữa tiệc, nhưng sự chú ý lại xoay vào chiếc áo cưới. Ông chủ dường như không còn phải là vị vua trước đây nữa. Ông không đến để chiêu đãi một bữa tiệc linh đình nữa, mà đến để “quan sát” (*theasasthai*; x. 2 V 9,18) các khách dự tiệc. Ông đã thấy có một người không có “y phục lễ cưới” (*endyma gamou*). Nhà vua gọi anh ta là “này bạn” (*hetairos*), nhưng thái độ rất cứng rắn, không khoan nhượng. Dĩ nhiên người ta tự hỏi là làm thế nào người kia có thể có một cái áo cưới (và tất cả những người khác thì lại có sẵn áo cưới!) khi mà anh ta bị mời đột ngột giữa đường. Như thế là bất công trắng trợn! Chính điểm gây “sốc” này cho hiểu rằng đây không phải là vấn đề một cái áo theo nghĩa cụ thể. Chúng ta đã

được chuẩn bị cho cách giải thích này bởi vì dụ ngôn đã ghi trước đó là trong phòng có kẻ xấu người tốt. Rõ ràng người không có áo cưới thuộc về hạng kẻ xấu. Cũng chính điểm này mới giúp hiểu cách đối xử người ấy sẽ phải chịu: không phải là đuổi ra ngoài, nhưng “quăng ra chỗ tối tăm” (x. 8,12; 25,30), nơi sẽ phải “khóc lóc nghiến răng” (x. 8,12; 13,42.50; 24,51; 25,30), tức là người ấy bị tiêu vong. Sự “câm miệng” của người khách này chứng tỏ lời trách của ông chủ là đúng. Người này, cũng như những người đầu tiên, đã không hề quan tâm đến vinh dự đã nhận; họ đã đến tiệc cưới với đầu óc tầm thường, thô thiển, không trân trọng, không biết ơn.

Bữa tiệc là hình ảnh Nước thiên sai; chiếc áo tượng trưng cho các tư thế căn bản để được vào và ở lại đó. Trong Bài Giảng trên núi, Đức Giêsu đã yêu cầu các môn đệ phải có một “sự công chính dồi dào hơn” (x. 5,20); đây chính là tinh thần mới người ta phải có để sống các tương quan với Thiên Chúa.

Nhận được lời mời không đương nhiên là được cứu độ vĩnh viễn. Con số những người được kêu gọi thì nhiều, điều này có nghĩa là nhiều người được để cho đi vào, không phân biệt, không điều kiện. Họ không cần phải giữ luật Môsê, họ không cần phải chịu cắt bì. Nhưng khả năng đi vào không có nghĩa là một bảo đảm; đi vào trong sự hiệp thông Hội Thánh không có nghĩa là được đi vào trong Nước Thiên Chúa và lúc tận thế. Phải phân biệt giữa niềm cậy trông đầy tín thác và phó thác với sự tự phụ, tự hào không cơ sở là mình có ơn cứu độ.

* *Kết luận (14)*

Câu kết luận này là một lời bình của Đức Giêsu. Câu này, “Vì kẻ được gọi thì nhiều, mà người được chọn thì ít”, thường được giải thích theo hai cách. Cách thứ nhất cho rằng “những người được chọn” đây là những người được nhận một ơn đặc biệt khiến họ có thể sống gần kề hơn với những sự thuộc về Thiên Chúa và có thể cậy dựa nhiều hơn vào lòng từ bi thương xót của Thiên Chúa đối với họ. Dĩ nhiên con số này ít, còn đa số chỉ nhận được một ơn thông thường. Cách thứ hai, phổ biến hơn, giới hạn khẳng định của Đức Giêsu vào trường hợp những người Do Thái thời Người mà thôi: tất cả đều được gọi vào Nước Trời theo nghĩa là tin vào Người, nhưng tuyệt đại đa số đã từ khước đi vào Nước ấy khi loại trừ Đấng Mêsia.

Cả hai cách giải thích này đều có phần giá trị, nhưng không khớp với dụ ngôn. Cách thứ nhất giả thiết rằng người khách bất xứng đã bị quăng ra ngoài bởi vì đã lén đi vào một nhóm nhỏ gồm những người được ưu tuyển; nhưng bản văn nói rõ là người ấy bị loại bởi vì thiếu điều tối thiểu cần thiết cho sự đoan trang của bữa tiệc. Cách thứ hai cũng không thỏa đáng. Bởi vì người khách bị loại đã đi vào với nhóm thứ hai, nên người này là một người ngoại chứ không phải là một người Do Thái; thế nhưng lại chính vào lúc loại trừ người ấy mà Đức Giêsu mới công bố lời nói về nhóm nhỏ những người được chọn. Đàng khác, hiểu sát bản văn, chúng ta thấy câu này không phù hợp với các sự kiện: trên con số lớn các khách dự tiệc, chỉ có người bất xứng này bị loại trừ; làm sao có thể nói đến một số “ít” (nhỏ) những người được chọn?

Do đó, giải pháp đơn giản nhất nằm ở bình diện ngữ học (philologie): đây là hai công thức so sánh theo ngôn ngữ Sê-mít ở thể ngầm, mà ta có thể dịch ra như sau: “Những kẻ được gọi thì nhiều [hơn], nhưng những người được chọn thì ít hơn”. Hiểu như thế, chúng ta thấy phù hợp

với ngữ cảnh: con số người được gọi thì rất đông, nhưng rồi có những người từ khước và có người bị loại trừ. Quả thật, nhiều người được gọi, nhưng những người được chọn thì ít hơn. Do đó, điều hết sức quan trọng là để ý mà thực hiện những điều kiện cần thiết để cho việc chúng ta được kêu gọi đưa chúng ta đến chỗ được chọn vĩnh viễn (x. Lc 13.22-24 trong chiều hướng này).

+ Kết luận

Tầm nhìn của bản văn có thay đổi: Từ chỗ minh họa lời rao giảng của Đức Giêsu, dụ ngôn đã trở thành một minh họa đời sống của Hội Thánh. Đã là những người được thừa hưởng những lời hứa của Thiên Chúa, người Do Thái cũng là những người đầu tiên được đón nhận Tin Mừng, từ phía Đức Giêsu cũng như từ phía các tông đồ. Vậy mà họ vẫn không tin: thái độ cứng tin này quả là một mầu nhiệm, nhưng cũng không làm hỏng được các kế hoạch của Chúa quan phòng. Vào lúc tác giả Tin Mừng viết, thì Hội Thánh đã quy tụ lại nơi bàn tiệc thứ hai rồi. Các tín hữu thuộc về Hội Thánh cũng như các khách dự tiệc phải luôn luôn trong y phục chỉnh tề vì bất cứ khi nào vị thẩm phán cũng có thể xuất hiện và loại họ khỏi phòng tiệc vĩnh viễn. Cũng như dân Do Thái đã bị loại bởi vì họ đã tỏ ra bất xứng khi từ chối lời mời, người Kitô hữu cũng có thể bị loại trừ mặc dù đã đón nhận lời mời.

Tuy nhiên, chính chúng ta phải thấy mình được Thiên Chúa kêu gọi và chờ đợi chúng ta tự do quyết định. Thiên Chúa vẫn cứ nhắc lại các lời kêu gọi và tiếp tục gửi đến các sứ giả của Ngài.

5. Gợi ý suy niệm

1. Hoàn cảnh hiện tại có đặc điểm là Thiên Chúa kêu gọi qua trung gian các tội tớ, sự tự do của con người và sự đại lượng của Thiên Chúa. Từ hoàn cảnh này, ta không được rút ra những hậu quả sai lạc. Ta không được cho rằng tiếng gọi của Thiên Chúa là một đề nghị không quan trọng, rằng chúng ta có thể tùy nghi đón nhận hoặc từ khước, rằng chúng ta có một tự do không giới hạn có thể không những chọn lựa mà còn xác định được các hậu quả của sự chọn lựa, rằng sự tự do của Thiên Chúa là dấu cho thấy Ngài yếu đuối và dửng dưng. Bây giờ Thiên Chúa là Đấng kêu gọi và mời mọc; con người là những người hành động, đáp trả với khả năng quyết định tự do. Nhưng đến cuối, Thiên Chúa sẽ là Đấng hành động và xác định vĩnh viễn. Ai từ chối làm việc trong vườn nho sẽ bị loại khỏi Nước Trời (x. 21,31). Ai không giao nộp các hoa lợi của vườn nho và xử tệ với các tội tớ của ông chủ sẽ bị mất vườn nho và phải chịu một kết thúc thảm thương (21,41). Ai không đón nhận lời mời đến dự tiệc, sẽ bị loại trừ (22,8).

2. Chúng ta có thể chọn lựa tự do, nhưng chúng ta không còn tự do nữa đối với các hậu quả của sự chọn lựa của chúng ta, bởi vì chúng ta không thể tự do xác định chúng, nhưng chúng ta thuộc về cách do Thiên Chúa xác định. Chúng ta có thể nói không với tiếng gọi của Thiên Chúa, nhưng chúng ta không thể đạt được sự thể hiện tốt đẹp cuộc sống chúng ta với tiếng không này. Cần phải ý thức như thế để không xử sự cách phi lý, khi không đón nhận tiếng gọi của Thiên Chúa.

3. Bữa tiệc không chứa những yếu tố khiến có thể nghĩ đến tiệc Thánh Thể, nhưng chính hình ảnh vẫn có thể gợi ra những bữa tiệc agapê và các cuộc cử hành phượng tự thường xuyên trong Hội Thánh. “Các đầy tớ” (*douloi*) của dụ ngôn thứ nhất ở đây được gọi là “những người phục dịch” (*diakonoï*); từ ngữ *diakonoï* khiến ta nghĩ đến các thừa tác viên trong các cử hành phụng vụ. Áo cưới nêu bật tình trạng thánh thiện và ân sủng mà người ta phải có để được đến gần bàn tiệc của Chúa.

4. Trong các dụ ngôn Cỏ lùng và Lưới cá (13,37-43.49-50), Đức Giêsu cũng đã nói rõ rằng Hội Thánh cũng là một phần của tập thể pha trộn là thế giới, “thừa ruộng” của Con Người. Như thế, các thành viên của Hội Thánh phải để ý đừng thuộc về “những kẻ xấu” đứng đó mà không có y phục lễ cưới. Chỉ có một người trong dụ ngôn bị gạt vẫn có nghĩa là từng người phải trả lễ, chứ không thể cậy dựa vào người khác.

5. Vào ngày chúng ta được rửa tội, chúng ta đã được mặc mộtáo trắng, và vị chủ lễ đã chúc chúng ta giữ cho nó được tinh tuyền cho đến ngày Phán xét. Nếu chúng ta đã làm hoen ố bộ áo rửa tội này, chúng ta vẫn có thể đến trình diện trước tòa của lòng từ bi thương xót, đo là bí tích hòa giải. Tại đây Đức Giêsu lại giặt sạch bộ áo cưới của chúng ta và lại mời chúng ta vào tham dự bữa tiệc vương giả của Người, trong niềm vui của tình thân mật đã tìm lại được. Như thế, cũng đừng bao giờ tự hào rằng mình đã “tới nơi”, cũng đừng phê phán ai. Không phải vì ta đang “ở trong” mà ta đã được bảo đảm, và có quyền xét đoán những người “ở ngoài”, những người chưa biết mà đi vào, hoặc thậm chí những người đã từ khước. Cho dù có ở trong Hội Thánh hay Nước Thiên Chúa, chúng ta vẫn chỉ là “khách được mời”, do ân huệ nhưng không.

VỀ MỤC LỤC

Y PHỤC XỨNG KỲ ĐỨC



CHÚA NHẬT XXVIII THƯỜNG NIÊN A

Is 25:6-10a; Pl 4:12-14,19-20; Mt 22:1-14

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Câu chuyện dụ ngôn tiệc cưới tuần này (Mt 22:1-14) là câu chuyện cuối cùng trong ba câu chuyện liên tiếp của ba tuần nói về Chúa phán xét (bắt đầu ở 21:28) dân Israel, đặc biệt những người thủ lãnh. Chúng ta thấy có một liên hệ rõ ràng giữa ba dụ ngôn này. Mỗi chuyện đều nêu lên một “hình ảnh về *uy quyền*” (như người *Cha*, *Chủ vườn nho* và ông *Vua*). Hình ảnh “những người con” hay “một người con” đều có cả trong ba dụ ngôn. Riêng dụ ngôn 2 và 3 thì bàn về những người nô lệ cùng với những phán xét gầy gấu đối với những kẻ chống đối người con.

Trong bài dụ ngôn hôm nay, Vua tượng trưng cho Thiên Chúa; người Con là đức Giesu; và tiệc cưới, thời gian vui mừng giữa Thiên Chúa và Loài Người là biểu tượng của Vương Quốc Nước Trời. Hình ảnh vợ chồng tươi đẹp giữa Thiên Chúa (YHWH) và Israel (Hosea 2:19-20); Isaiah (54:4-8; 62:5) đưa ra một hậu cảnh kinh thánh khá phong phú. Câu chuyện hôm nay phối hợp rất tài tình hai hình ảnh của cựu và tân ước làm thành một dạ tiệc và cuộc hôn nhân rất huy hoàng.

Mathieu đã đưa vào câu chuyện nhiều nét đặc thù khá rõ ràng, như đốt cháy cả thị trấn của những khách được mời mà từ chối không đi (22:7). Hình ảnh này nói lên việc đền Jerusalem bị quân La Mã phá hủy năm 70AD. Cũng tương tự như dụ ngôn tuần trước về những tá điền sát nhân: Chủ vườn nho gửi hai toán đầy tớ đến để thu hoa lợi (22:3-4), đều bị kẻ sát nhân giết hết (22:6), những tên sát nhân bị hình phạt (22:7), và một nhóm mới vào thế chỗ của những kẻ được ưu tiên nhưng lại chứng tỏ là bất xứng (22:8-10). Câu chuyện kết thúc theo kiểu rất đặc thù của Mathieu (22:11-14) .

Hình thức câu chuyện của Mathieu xem ra rất khác với chuyện của Luca 14:16-24. Câu chuyện hôm nay rất có thể lấy từ “Q”, một nguồn giả thuyết cho Phúc Âm của Mathieu và Luca. “Q” (là viết tắt của chữ *Quelle* tiếng Đức, có nghĩa là nguồn) được coi như là nguồn tài liệu “chung” của Mathieu và Luca, nhưng không thấy trong Marco. Bản cổ này đúng ra phải là bản trích dẫn / logia từ chúa Giesu.

TIỆC CƯỚI HOÀNG GIA

Trong câu chuyện hôm nay, nhà vua đã chuẩn bị tiệc cưới cho hoàng tử rất linh đình, bò non bê béo đã giết, những món ăn tuyệt vời đã sẵn sàng cho cả hàng trăm thực khách. Thiệp mời đã được gửi đi bằng hai cách: Mời trước ngày cưới một thời gian dài; rồi vào đúng ngày tiệc mừng hay trước đó một ngày, một loạt giấy mời khác được gửi đi để nhắc nhở. Nhưng buồn thay, khách được mời không những từ chối không đến mà một số còn bắt cả sứ giả của vua mà giết. Tức giận, vua sai lính đốt hết cả thành, đoạn cho mời một loạt người khác, bất kể “xấu” “tốt” đều được vào dự tiệc cưới.

Hai đợt mời nói lên sự thật liên quan đến vương quốc Nước Trời và Con Một Thiên Chúa mà Người đã phán: trước nhất là cho dân Israel, sau là các quốc gia dân ngoại. Mathieu trình bày Vương Quốc dưới hai hình thức: Ngay lúc đó có những người được phép vào than dự liền (22:1-10), và trong tương lai là những người hiện diện lúc đó có thể vượt qua được những phán xét gay gắt vào ngày luận tội chung (22:11-14).

Y PHỤC XỨNG KỲ ĐỨC

Mathieu thêm vấn đề thực khách phải mặc y phục tiệc cưới (22:11-14) làm cho người đọc thắc mắc. Cảm tưởng đầu tiên của tôi khi đọc tới đây là tội nghiệp cho người không có y phục thích hợp trong bàn tiệc, và ai là ông vua mà lại hỏi con người tội nghiệp ấy: “*Bạn ơi, làm sao bạn vào đây mà lại không mặc áo dự tiệc cưới?*” Phải chăng nhà vua đã sai thần dân ra ngoài

đường phố, xa lộ, hang cùng ngõ hẻm, gặp bất cứ ai cũng mời vào cho dự tiệc cưới? Rồi bất ngờ nhà vua lại lạnh lùng, khó khăn với họ chỉ vì họ không có y phục đúng cách của tiệc cưới hoàng gia? Mà họ cũng đâu có đủ thời giờ để chuẩn bị y phục nhỉ?

Chúng ta nên nhớ đây là câu chuyện dụ ngôn, có tính tượng trưng, không nên hiểu theo nghĩa đen. Một số học giả kinh viện tin rằng nhà vua đã cung cấp cho thực khách đầy đủ y phục thích hợp rồi. Cho nên chẳng ngạc nhiên gì nhà vua nổi sùng khi thấy có người không chịu mặc y phục đúng tiêu chuẩn. Như vậy cho thấy người này đã từ chối không chấp nhận phong tục cung cách lễ nghi của hoàng gia.

Y PHỤC CÔNG CHÍNH VÀ Y PHỤC THÁNH

Câu chuyện dụ ngôn tiệc cưới không phải chỉ là một xác định phán xét

của Thiên Chúa về dân Israel mà còn là một cảnh cáo đối với Giáo Hội của Mathieu. Vào đầu thế kỷ II, Irenaeus coi áo cưới là những việc làm, hoạt động công chính, là sự ăn năn thống hối và cải đổi tâm hồn. Đây là điều kiện để được vào Vương Quốc Nước Trời và phải được tiếp tục suốt đời.

Lời nói: *“Người gọi thì nhiều, kẻ chọn thì ít”* (22:14) không nên hiểu theo nghĩa đen, tỷ lệ giữa người được cứu rỗi và kẻ bị luận phạt, mà nên hiểu là một khuyến khích phải phấn đấu chăm go, gian khổ và liên tục để sống một cuộc sống của người Kito hữu thực sự. Tiệc cưới không phải là Giáo Hội mà là thời đại sắp tới. Dụ ngôn của Mathieu cho chúng ta thấy cái nghịch lý giữa lời mời tham dự tiệc cưới miễn phí không một ràng buộc và đòi hỏi của Thiên Chúa phải có một cái gì xứng hợp với lời mời gọi. Ai thuộc trong đám “nhiều người” và ai thuộc đám “ít người” liên quan tới áo cưới? Có những người mà Chúa không chọn không? Người được chọn khác với người được gọi như thế nào?

ÁO CƯỚI TÌNH YÊU

Chúng ta thử áp dụng bài giảng của thánh Âu Tinh thành Hippo (#90) vào bài Phúc Âm hôm nay:

Áo cưới nói trong bài Tin Mừng hôm nay là cái gì? Dĩ nhiên là những gì mà chỉ những người tốt lành mới có, những người tham dự tiệc cưới... Nó có thể là những bí tích không? Phép Rửa chẳng?

Không phép rửa, không ai có thể đến được với Chúa, nhưng có những người đã nhận bí tích rửa tội mà không đến với Chúa... Có lẽ, đó là bàn thờ hay cái gì mà người đó nhận ở trên bàn thờ? Nhưng khi nhận mình thánh Chúa, có người đã ăn và uống chính án phạt của mình (1Cr 11:29). Vậy thì, đó là cái gì? Nhịn, không ăn không uống? Thiếu gì kẻ gian ác tội lỗi cũng nhịn. Đi nhà thờ thường xuyên chẳng? Kẻ gian ác cũng đi nhà thờ như nhiều người khác vậy.....

Vậy, áo cưới này là cái gì? Thánh Phaolô Tông đồ nói: *“Điều mà ta đang nhắm tới... là tình yêu, nó nảy nở từ cõi lòng trinh nguyên, một lương tâm trong sáng và niềm tin chân thành”* (1Tm 1:5). Cái đó chính là áo cưới. Phaolô không nói riêng về một loại tình yêu nào cả, cho bất cứ người nào thường xuyên thấy những kẻ bất lương yêu thương tha nhân..., nhưng cho những người không thấy giữa họ cái tình yêu thương đó *“nó đang nảy nở từ cõi lòng trinh nguyên, một lương tâm trong sáng và một niềm tin chân thật.”* Bây giờ, cái đó chính là tình yêu, là áo cưới.

Thánh Phaolô Tông đồ đã nói: *“Nếu như tôi nói được các thứ tiếng của loài người và của cả các thiên thần nữa mà tôi không có đức mến thì tôi cũng chẳng khác gì thanh la phèng phèng*

chùm chọe. Nếu tôi được ơn nói tiên tri và biết hết mọi điều huyền bí, mọi lẽ cao siêu, hay có được đức tin có thể chuyển núi rời sông, mà không có đức mến thì tôi cũng chẳng là gì cả (1Cr 13:1-2). Ngài nói: Ngay cả khi tôi có tất cả mọi sự đó mà không có Chúa Kito thì “Tôi cũng chẳng là gì cả”. Nó sẽ vô dụng, bởi vì tôi có thể hành động theo cách đó vì yêu danh vọng... “Nếu tôi không yêu, nó trở thành vô dụng.” Cái đó là áo cưới. Hãy tự xét mình: Nếu tôi có áo đó, tôi đi dự tiệc liên hoan của Chúa không ngần ngại gì cả.

MỜI TẤT CẢ MỌI NGƯỜI NGỒI VÀO BÀN TIỆC

Truyền giáo cũng là một hình thức dự tiệc cưới hoàng gia. Chúng ta thử đọc lại đoạn #22 nói về “Những người truyền bá Tin Mừng và những nhà giáo dục” trong LINEAMENTA của Thượng Hội Đồng các Giám mục năm 2012 về Tân-Phúc-Âm-Hóa:

Huấn luyện và những ưu tư cần thiết để bảo toàn những cam kết trong việc phúc âm hóa và tuyển chọn những nguồn lực mới có lẽ không nên giới hạn trong việc chuẩn bị thi hành dù là cần thiết. Thay vào đó, huấn luyện và săn sóc mục vụ phải là ưu tiên về mặt thiêng liêng, nhất là vấn đề đức tin, được soi sáng bởi Tin Mừng Chúa Giesu Kito và dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, thầy dạy muôn dân về những cảm nghiệm liên hệ tình Cha của Thiên Chúa. Giáo dân thì có thể rao truyền Tin Mừng chỉ khi nào họ đã được truyền dạy và tự mình chấp nhận để được truyền dạy, nghĩa là, tinh thần được đổi mới qua cuộc gặp gỡ cá nhân và sống hiệp thông với Chúa Kito. Những người như vậy mới có sức mạnh chuyển hóa niềm tin, như thánh Phaolô tông đồ đã nói: “Tôi đã tin, nên tôi đã nói”(2Cr 4:13).

Lúc bấy giờ, Tân Phúc Âm Hóa -một công tác phải được hoàn thành- chính là trách nhiệm của tất cả mọi Kito hữu muốn theo đuổi việc thánh thiêng một cách đứng đắn. Trong khung cảnh này và với sự am hiểu về huấn luyện, cần phải có thời gian để xem xét những cơ sở và phương tiện hiện có ở các Giáo Hội địa phương để dạy cho các tín hữu (những người đã chịu phép Thánh Tẩy) ý thức hơn về sứ mạng truyền giáo và phúc âm hóa của họ. Để lời chứng của chúng ta có giá trị, khi chúng ta trả lời cho một trong những phạm vi đòi hỏi việc tân phúc âm hóa này, chúng ta phải biết nói làm sao cho dễ hiểu, thích hợp với thời đại của chúng ta và tuyên xưng, trong những phạm vi này, những lý do để chúng ta hy vọng hầu bảo vệ lời chứng của chúng ta (cf 1Pt 3:15). Một bồn phận như vậy không thể hoàn thành được nếu không cố gắng, nhưng đòi hỏi phải chăm chú, học hỏi và ưu tư.

SUY NIỆM TRONG TUẦN:

1- Cộng đồng Công giáo chúng ta có kế hoạch hoạt động mục vụ đặc biệt nào với chủ đích giảng dạy để *thích ứng với Phúc Âm* hầu mang người ngoại trở lại Công giáo không?

2- Mỗi cộng đồng hay toán nhỏ chọn ưu tiên nào trong những phương pháp mới về việc phúc âm hóa? Sáng kiến nào thành công nhất để cho cộng đồng dễ dàng chấp nhận công tác truyền giáo?

3- Các xứ đạo có coi bồn phận tuyên xưng niềm tin là cần thiết và quan trọng để phát triển thêm niềm tin và chương trình Thánh Tẩy không?

4- Các cộng đồng Công Giáo chúng ta có nhận biết sự cần thiết và cấp bách phải chiêu mộ, huấn luyện và yểm trợ những người rao truyền Tin Mừng và huấn luyện viên qua chứng tá cuộc sống của họ không?

Fleming Island, Florida,

Oct 9, 2014

VỀ MỤC LỤC

Sứ điệp ngày Thế giới Truyền giáo 2014

(Bản tiếng Việt của Ủy ban Loan báo Tin Mừng / HĐGM Việt Nam)

Anh chị em thân mến,

Ngày nay vẫn còn rất nhiều người không nhận biết Chúa Giêsu Kitô. Thế nên, sứ mạng *ad gentes* vẫn còn hết sức cấp bách. Mọi thành viên của Hội Thánh được kêu gọi tham gia sứ mạng này, vì Hội Thánh tự bản chất là truyền giáo: Hội Thánh được sinh ra để “đi ra”. Ngày Thế giới Truyền giáo là giờ phút đặc biệt để các tín hữu trên khắp các châu lục dẫn mình cầu nguyện và có những hành vi liên đới cụ thể để nâng đỡ các Giáo hội trẻ tại các xứ truyền giáo. Đây là một cuộc biểu dương ân sủng và niềm vui. Một cuộc biểu dương ân sủng, bởi vì Chúa Thánh Thần được Chúa Cha sai đến đang ban phát sự khôn ngoan và sức mạnh cho những ai vâng theo hành động của Người. Một cuộc biểu dương niềm vui, vì Chúa Giêsu Kitô, Người Con được Chúa Cha sai đến Phúc Âm hoá thế gian, đang nâng đỡ và đồng hành với chúng ta trong các nỗ lực truyền giáo. Niềm vui này của Chúa Giêsu và các môn đệ truyền giáo là lý do để tôi đề nghị một biểu tượng Kinh Thánh mà chúng ta gặp thấy trong Tin Mừng Thánh Luca (xem 10,21-23).

1. Tác giả Tin Mừng kể lại cho chúng ta rằng Chúa sai 72 môn đệ từng hai người một đi vào các thành thị và làng mạc loan báo Nước Thiên Chúa đã gần, và chuẩn bị cho dân gặp Chúa Giêsu. Sau khi chu toàn sứ mạng rao giảng này, các môn đệ trở về lòng ngập tràn niềm vui: niềm vui là một chủ đề nổi bật của kinh nghiệm truyền giáo đầu tiên và khó quên này. Nhưng Thầy chí thánh nói với họ: “Anh em chớ mừng vì quỷ thần phải khuất phục anh em, nhưng hãy mừng vì tên anh em đã được ghi trên trời.” Ngay giờ ấy, được Thánh Thần tác động, Đức Giêsu hớn hờ vui mừng và nói: “Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha...” Rồi Ngài quay sang các môn đệ và bảo riêng các ông, “Phúc thay mắt nào được thấy điều anh em thấy!” (Lc 10,20-21.23).

Luca trình bày ba cảnh. Đức Giêsu trước tiên nói với các môn đệ, sau đó nói với Chúa Cha, rồi lại nói với các môn đệ. Đức Giêsu muốn chia sẻ cho các môn đệ niềm vui của Ngài, một niềm vui khác hẳn và lớn hơn bất cứ niềm vui nào họ đã trải nghiệm trước kia.

2. Các môn đệ *tràn trề niềm vui*, phấn khích vì họ có quyền năng giải thoát người ta khỏi ma quỷ. Nhưng Đức Giêsu cảnh giác họ đừng quá mừng vì quyền năng họ đã nhận được, nhưng mừng vì tình thương họ nhận được, “vì tên anh em đã được ghi trên trời” (Lc 10,20). Chúa cho các môn đệ trải nghiệm tình thương của Thiên Chúa, nhưng cũng cho họ khả năng chia sẻ tình thương ấy. Và trải nghiệm này là một lý do để Đức Giêsu biểu lộ tâm tình tạ ơn và niềm vui trong lòng Ngài. Luca nhìn niềm hoan lạc này trong ý nghĩa của sự hiệp thông giữa Ba Ngôi: “Được Thánh Thần tác động, Đức Giêsu hớn hờ vui mừng”, Ngài nhìn lên Chúa Cha và chúc tụng Người. Giờ phút vui mừng sâu xa này phát sinh từ mối tình con thảo của Đức Giêsu đối với Chúa Cha là Chúa Tể trời đất, Đáng che giấu những điều này đối với những người tài trí khôn ngoan, nhưng lại mặc khải cho những kẻ bé mọn (x. Lc 10,21). Thiên Chúa vừa che giấu vừa mặc khải, và trong lời kinh chúc tụng này, sự mặc khải của Người nổi bật lên. Thiên Chúa đã mặc khải và che giấu điều gì? Các mầu nhiệm Nước Chúa, sự tỏ lộ quyền làm Chúa của Đức Giêsu và chiến thắng Satan.

Thiên Chúa đã giấu điều này với những kẻ quá tự mãn và những kẻ tự phụ rằng đã biết mọi sự rồi. Họ bị thói tự mãn làm cho mù, và không còn dành chỗ nào cho Thiên Chúa. Ở đây, chúng ta có thể dễ dàng liên tưởng tới những người đương thời của Chúa Giêsu mà Ngài không ngừng cảnh cáo, nhưng đây cũng là mối nguy luôn luôn rình rập chúng ta. Về phần mình, những “kẻ bé mọn” là những người khiêm nhường, những người đơn sơ, những người nghèo, những người bị gạt ra bên lề, những người không có tiếng nói, những người nhọc mệt và gánh nặng, họ được Chúa Giêsu tuyên bố là “những người có phúc”. Chúng ta dễ dàng nghĩ tới Đức Maria, Thánh Giuse, các ngư phủ xứ Galilêa và các môn đệ được Chúa Giêsu gọi khi Ngài đi rao giảng.

3. “Vâng, lạy Cha, vì đó là điều đẹp ý Cha.” (Lc 10,21). Chúng ta phải hiểu những lời này của Chúa Giêsu là diễn tả *niềm hoan hỉ trong tâm hồn Ngài*. Chữ “đẹp ý” mô tả kế hoạch cứu độ và nhân từ của Chúa Cha đối với loài người. Chính lòng nhân từ này của Thiên Chúa làm cho Chúa Giêsu hoan hỉ, vì Chúa Cha muốn yêu thương loài người bằng cùng một tình yêu Người dành cho Con của mình. Luca đồng thời cũng ám chỉ một niềm hoan hỉ tương tự nơi Đức Maria: “Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa, thần trí tôi hớn hở vui mừng vì Thiên Chúa, Đấng cứu độ tôi” (Lc 1,47). Đây là Tin Mừng đem ơn cứu độ. Mang trong lòng mình Đức Giêsu, người rao giảng Tin Mừng tuyệt vời, Đức Maria đến thăm bà Êlisabét, và hoan hỉ trong Thánh Thần, Mẹ đã xướng lên bài *Magnificat*. Khi thấy các tông đồ mừng rỡ vì đã thành công trong sứ mạng, Đức Giêsu hoan hỉ trong Thánh Thần và dâng lời cầu nguyện lên Chúa Cha. Niềm vui trong cả hai trường hợp này là niềm vui vì ơn cứu độ, vì tình thương của Chúa Cha đối với Con của Người được ban xuống cho chúng ta, và nhờ Chúa Thánh Thần niềm vui ấy được đổ đầy lòng chúng ta và cho chúng ta chia sẻ sự sống của Chúa Ba Ngôi.

Chúa Cha là nguồn mạch niềm vui. Chúa Con là sự tỏ lộ niềm vui và Chúa Thánh Thần là Đấng ban phát niềm vui. Tác giả Tin Mừng Mátthêu cho chúng ta biết rằng, ngay sau khi ca tụng Cha, Đức Giêsu nói: “Tất cả những ai đang vất vả mang gánh nặng nề, hãy đến cùng tôi, tôi sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng. Anh em hãy mang lấy ách của tôi, và hãy học với tôi, vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường. Tâm hồn anh em sẽ được nghỉ ngơi bồi dưỡng. Vì ách tôi êm ái, và gánh tôi nhẹ nhàng” (Mt 11,28-30). “Niềm vui của Tin Mừng đổ đầy trái tim và cuộc sống của tất cả những ai gặp Chúa Giêsu. Những ai chấp nhận đề nghị cứu độ của Người thì được giải thoát khỏi tội lỗi, buồn phiền, trống rỗng nội tâm và cô đơn. Với Đức Kitô, niềm vui luôn luôn được tái sinh.” (*Evangelii Gaudium*, 1).

Đức Trinh Nữ Maria có một trải nghiệm độc nhất vô nhị về sự gặp gỡ này với Chúa Giêsu, vì thế Mẹ đã trở thành “*causa nostrae laetitiae*” (“nguyên nhân niềm vui của chúng ta”). Về phần các môn đệ, họ được Chúa Giêsu gọi đi theo Ngài và được Ngài sai đi rao giảng Tin Mừng (xem Mc 3,14), vì thế họ tràn ngập niềm vui. Tại sao chúng ta không cùng đi vào dòng thác của niềm vui này?

4. “Mối nguy lớn trên thế giới hôm nay, một thế giới hầu như thấm nhiễm chủ nghĩa tiêu thụ, đó là cảm giác cô đơn và lo lắng phát sinh từ một con tim tự mãn nhưng tham lam, sôi nổi chạy theo những thú vui phù phiếm, và một lương tâm chai lỳ” (*Evangelii Gaudium*, 2). Nhân loại rất cần nắm lấy ơn cứu độ do Đức Kitô đem đến. Các môn đệ ngài là những người để cho mình được xâm chiếm bởi tình yêu của Chúa Giêsu và được đóng dấu bởi ngọn lửa say mê Nước Thiên Chúa và nhiệt tình rao giảng niềm vui của Tin Mừng. Tất cả các môn đệ của Chúa được mời gọi nuôi dưỡng niềm vui rao giảng Tin Mừng. Là những người chịu trách nhiệm chính về việc rao giảng này, các Giám mục có nhiệm vụ cổ vũ sự hợp nhất của Giáo hội địa phương trong nỗ lực truyền giáo của mình. Họ được mời gọi nhìn nhận rằng niềm vui của việc thông truyền Đức Giêsu Kitô được biểu hiện trong mối quan tâm loan báo về Ngài tại những vùng đất xa xôi nhất, cũng như không ngừng vươn ra những vùng ngoại vi của giáo phận mình, ở đó có biết bao người nghèo đang mong đợi sứ điệp này.

Nhiều vùng trên thế giới đang trải qua tình trạng thiếu hụt ơn gọi linh mục và tu sĩ. Nguyên nhân thường là do thiếu một nhiệt tình tông đồ lan tỏa trong các cộng đoàn không có niềm phấn khởi khiến các cộng đoàn này không thể có sức hấp dẫn. Niềm vui của Tin Mừng phát sinh từ việc

gặp gỡ Đức Kitô và việc chia sẻ với người nghèo. Vì lý do này, tôi khuyến khích các cộng đoàn giáo xứ, các hội đoàn và các nhóm hãy sống một đời sống huynh đệ đậm đà, đặt nền trên tình yêu đối với Đức Kitô và quan tâm tới các nhu cầu của những người yếu thế nhất. Ở đâu có niềm vui, sự phấn khởi và ước muốn đem Đức Kitô đến với người khác, ở đấy sẽ phát sinh nhiều ơn gọi đích thực. Trong số các ơn gọi này, chúng ta không được quên các ơn gọi truyền giáo. Ngày càng có một ý thức gia tăng về căn tính và sứ mạng của tín hữu giáo dân trong Hội Thánh, cũng như một sự nhìn nhận rằng họ được gọi để gánh vác một vai trò ngày càng tăng trong việc truyền bá Tin Mừng. Do đó cần cố gắng hiến cho họ một sự đào tạo thích hợp để hoạt động tông đồ đạt hiệu quả.

5. “Ai vui vẻ dâng hiến, thì được Thiên Chúa yêu thương” (2 Cr 9,7). Ngày Thế giới Truyền giáo cũng là dịp để làm bùng cháy lên ước muốn và nghĩa vụ tinh thần của việc hân hoan tham gia vào sứ mạng *ad gentes*. Các cá nhân đóng góp tiền bạc là một dấu chỉ của sự hiến dâng, trước là cho Chúa và rồi cho đồng loại; bằng cách này, sự đóng góp của cải vật chất có thể là một phương tiện để loan báo Tin Mừng cho nhân loại dựa trên tình thương.

Anh chị em thân mến,

Trong Ngày Thế giới Truyền giáo này, tâm tư tôi hướng về tất cả các Giáo hội địa phương. Chúng ta đừng để mình bị tước mất niềm vui của việc loan báo Tin Mừng! Tôi mời gọi anh chị em đắm mình vào niềm vui của Tin Mừng và nuôi dưỡng một tình yêu có thể thấp sáng ơn gọi và sứ mạng của anh chị em. Tôi kêu gọi anh chị em, như thể đang làm một cuộc hành hương nội tâm, hãy nhớ lại “mối tình đầu” mà Đức Giêsu Kitô đã dùng để sưởi ấm lòng anh chị em, không phải vì tiếc nuối quá khứ, nhưng để kiên trì trong niềm vui. Các môn đệ của Đức Kitô luôn luôn vui mừng khi cảm nhận sự hiện diện của Ngài, khi thi hành ý Ngài và chia sẻ đức tin, đức cậy và đức ái Phúc Âm của mình cho người khác.

Nhờ lời chuyển cầu của Đức Maria, mẫu gương loan báo Tin Mừng một cách khiêm nhường và vui vẻ, chúng ta cầu xin cho Hội Thánh trở nên một mái nhà niềm nở tiếp đón, một người mẹ cho mọi dân tộc và nguồn suối tái sinh cho thế giới chúng ta.

Vatican, 8 tháng 6, 2014, Đại lễ Hiện Xuống

Đức giáo hoàng Phanxicô

(Nguồn WHĐ)

VỀ MỤC LỤC

Tuyên bố của Đức hồng y Thang Hán về tình hình ở Hong Kong

WHĐ (07.10.2014) – Đức hồng y Gioan Thang Hán, giám mục giáo phận Hong Kong, đã kêu gọi một giải pháp hòa bình cho các cuộc biểu tình đòi quyền bầu cử tự do đang xảy ra tại đây, ngài khuyến khích cả hai bên cần tránh bạo lực trong khi bày tỏ quan điểm của mình.

Trong một tuyên bố đưa ra hôm 29 tháng Chín, Đức hồng y Thang Hán kêu gọi: “Liên quan đến những sự kiện đáng tiếc ở Khu Trung tâm, Admiralty và Wanchai trong vài ngày qua, tôi chân thành kêu gọi Chính phủ Đặc khu Hành chính Hong Kong hãy đặt mối quan tâm về sự an toàn cá nhân của các công dân của mình lên hàng đầu”.

Ngài thỉnh cầu chính phủ “kiềm chế triển khai vũ lực để lắng nghe tiếng nói của thế hệ trẻ và của các công dân thuộc mọi tầng lớp xã hội”.

Đức hồng y cũng nói với cả những người biểu tình: “Tôi cũng chân thành mong rằng tất cả những ai đang muốn nói lên những bất bình của mình sẽ giữ được bình tĩnh. Nếu ta muốn, sẽ có cách”.



Tuyên bố của Đức hồng y Thang Hân được đưa ra sau khi cảnh sát dùng biện pháp mạnh chống lại cuộc biểu tình diễn ra hồi cuối tuần qua khiến cho 40 người bị thương, trong đó cảnh sát đã dùng hơi cay và đạn khói để giải tán sinh viên và những người biểu tình khác trước khi thực hiện nhiều vụ bắt giữ.

Phong trào biểu tình ở Hong Kong bắt đầu từ ngày 22/9 với đợt bãi khóa dài một tuần của hàng ngàn sinh viên, học sinh. Các cuộc biểu tình nhằm phản đối những hạn chế mà các nhà lãnh đạo Trung Quốc đặt ra đối với những người ứng cử vào chức vụ Trưởng Đặc khu Hành chính Hong Kong vào năm 2017.

Theo quyết định của chính quyền Trung Quốc, số ứng cử viên ứng cử vào chức vụ lãnh đạo cao nhất của Đặc khu Hành chính Hong Kong gồm từ 2 đến 3 người, và phải được được trên 50% uỷ viên của Uỷ ban đề cử ủng hộ. Những người biểu tình nói rằng quyết định này đã phủ nhận bảo đảm trước đây của Bắc

Kinh về quyền bầu cử tự do tại Hong Kong khi đặc khu này được Anh Quốc trao trả hồi năm 1997.

Ngoài việc phản đối các hạn chế mới đặt ra cho cuộc bầu cử vào năm 2017, những người biểu tình còn kêu gọi Trưởng Đặc khu Hong Kong, ông Lương Chấn Anh, từ chức. Họ còn đe dọa sẽ bao vây và chiếm giữ các toà nhà của chính phủ nếu ông Lương không từ chức. Bắc Kinh lên án hành động này là “bất hợp pháp”.

Tuyên bố của Đức hồng y Thang Hân viết: “Là Kitô hữu, chúng ta tin rằng có Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo, thế giới của chúng ta sẽ luôn mang lại cho chúng ta niềm hy vọng. Vì thế, tôi muốn kêu gọi mọi Kitô hữu tiếp tục cầu nguyện cho sự hoà giải giữa các bên xung đột tại Hong Kong, và cho hòa bình và hạnh phúc của cộng đồng xã hội chúng ta”.

(Theo CNA/EWTN News)

Minh Đức (WHĐ)

VỀ MỤC LỤC

BÀI GIÁO LÝ 7 CỦA ĐTC PHANXICÔ VỀ HỘI THÁNH: HỘI THÁNH CÔNG GIÁO VÀ TÔNG TRUYỀN

“Là một phần tử của một Hội Thánh Công Giáo và Tông Truyền... có nghĩa là quan tâm đến sự cứu rỗi của toàn thể nhân loại, không cảm thấy đứng đưng hoặc xa lạ với số phận của rất nhiều anh em mình, nhưng mở lòng và đoàn kết với họ....”

Dưới đây là bản dịch bài Giáo Lý của ĐTC Phanxicô được ban hành ngày 17 tháng 9 năm 2014 trong buổi Triều Yết Chung tại Quảng Trường Thánh Phêrô. Hôm nay ĐTC tiếp tục chu kỳ Giáo Lý mới về Hội Thánh. Ngài giải thích về Hội Thánh Công Giáo và Tông Truyền.

* * *

Anh chị em thân mến, chào anh chị em.

Tuần này chúng ta tiếp tục bàn về Hội Thánh. Khi tuyên xưng đức tin của mình, chúng ta khẳng định rằng Hội Thánh là “Công Giáo” và “Tông Truyền”. Nhưng ý nghĩa thực sự của hai từ này, hai đặc tính mà ai cũng biết đến của Hội Thánh, là gì? Và chúng có giá trị gì đối với các cộng đồng Kitô hữu và mỗi người chúng ta?

1. Công Giáo có nghĩa là phổ quát. Một định nghĩa đầy đủ và rõ ràng được một trong các Giáo Phụ của Hội Thánh, Thánh Cyrillô thành Giêrusalem, cung cấp khi ngài nói: “Hội Thánh chắc chắn là Công Giáo, nghĩa là phổ quát, bởi vì Hội Thánh đã lan tràn khắp nơi, từ đầu này cho đến đầu kia trái đất; và vì Hội Thánh dạy cách phổ quát và không sai lạc mọi chân lý mà con người có thể biết, cả về những sự trên trời và dưới đất” (*Giáo Lý XVIII*, 23).

Một dấu chỉ hiển nhiên về Công Giáo tính của Hội Thánh là Hội Thánh nói mọi thứ tiếng. Và điều này là không có gì khác hơn là hiệu quả của Lễ Hiện Xuống (Cv 2:1-13): thực ra, chính Chúa Thánh Thần đã ban cho các Tông Đồ và toàn thể Hội Thánh có khả năng để vang vọng Tin Mừng cứu độ và tình yêu của Thiên Chúa cho tất cả mọi người, cho đến tận cùng trái đất. Như thế, Hội Thánh được sinh ra là Công Giáo, là một “tấu khúc” ngay từ ban đầu, và chỉ có thể là Công Giáo và được tung ra để truyền giáo cùng gặp gỡ tất cả mọi người. Lời Chúa hôm nay được đọc bằng tất cả mọi thứ tiếng, tất cả mọi người đều có sách Tin Mừng bằng ngôn ngữ của mình, để đọc. Và tôi trở lại với cùng một ý niệm: việc mang theo với mình một sách Tin Mừng nhỏ luôn luôn là điều tốt, mang nó trong túi hay bóp của của anh chị em và đọc một đoạn trong ngày. Điều này thật tốt cho chúng ta. Tin Mừng đã lan rộng bằng tất cả các ngôn ngữ bởi vì Hội Thánh, vì việc rao giảng Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Chuộc, trên toàn thế giới. Và vì lý do này mà chúng ta nói Hội Thánh là *Công Giáo* bởi nó phổ quát.

2. Nếu Hội Thánh được sinh ra là Công Giáo, thì có nghĩa là Hội Thánh được sinh “để đi ra”, được sinh ra để truyền giáo. Nếu các Tông Đồ đã chỉ ở trong Phòng Tiệc Ly đó, mà không đi ra để mang Tin Mừng, thì Hội Thánh chỉ là Hội Thánh của dân ấy, của thành phố ấy, trong phòng Tiệc Ly ấy. Nhưng tất cả các ngài đã đi ra để vào thế giới, kể từ lúc khai sinh của Hội Thánh, từ lúc Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các ngài. Và vì thế mà Hội Thánh được sinh ra “để đi ra”, tức là để truyền giáo. Đó là điều mà chúng ta diễn tả bằng tinh từ *Tông Truyền*, vì các Tông Đồ là những người mang Tin Mừng về việc Phục Sinh của Chúa Giêsu. Thuật ngữ này nhắc nhở chúng ta rằng Hội Thánh, được xây trên nền tảng là các Tông Đồ và sự liên tục với các ngài – chính các Tông Đồ đã đi và đã thiết lập các Hội Thánh mới, đã hình thành các giám mục mới, và như thế trên khắp thế giới, trong sự liên tục. Ngày nay tất cả chúng ta nối tiếp nhóm Tông Đồ ấy là những vị đã nhận được Chúa Thánh Thần và sau đó “đi ra” để rao giảng - được sai đi để mang đến cho tất cả mọi người lời loan báo Tin Mừng này, kèm theo các dấu chỉ của sự dụ hiện và quyền năng của Thiên Chúa. Điều này xuất phát từ Lễ Hiện Xuống: Thực ra, chính Chúa Thánh Thần thắng vượt mọi chống đối, thắng vượt cảm dỗ khép kín nơi chính mình, trong số ít người được tuyển chọn, và được coi là những người duy nhất nhận được phúc lành của Thiên Chúa. Thí dụ, nếu một số Kitô hữu làm điều này và nói, “Chúng tôi là những người được tuyển chọn, chỉ có chúng tôi thôi” và cuối cùng họ chết. Chết trong linh hồn trước, sau đó sẽ chết trong thân xác vì họ không có sự sống, họ không có khả năng sinh ra sự sống, sinh ra những người khác: họ không phải là tông đồ. Và chính Chúa Thánh Thần dẫn chúng ta đến gặp gỡ anh em, ngay cả những người ở xa nhất theo mọi ý nghĩa, để họ có thể chia sẻ với chúng ta tình yêu, bình an và niềm vui mà Chúa Phục Sinh đã để lại cho chúng ta như một món quà.

3. Là một phần tử của một Hội Thánh *Công Giáo* và *Tông Truyền* có nghĩa gì đối với cộng đồng và mỗi người chúng ta? Trước hết, nó có nghĩa là *quan tâm đến sự cứu rỗi của toàn thể*

nhân loại, không cảm thấy dửng dưng hoặc xa lạ với số phận của rất nhiều anh em mình, nhưng mở lòng và đoàn kết với họ. Nó cũng có nghĩa là có *một cảm giác viên mãn, sự đầy đủ, sự hài hòa* của đời sống Kitô hữu, luôn luôn gạt bỏ những lập trường thiên vị, một chiều, là những điều đóng kín chúng ta nơi chính mình.

Là một phần tử của Hội Thánh *Tông Truyền* có nghĩa là ý thức được rằng đức tin của mình được bám chặt vào lời loan báo và chứng từ của chính các Tông Đồ của Chúa Giêsu - được neo ở đó, thuộc về một chuỗi nối dài từ đó; và do đó luôn luôn cảm thấy được sai đi, cảm thấy có nhiệm vụ rao giảng Đức Kitô và tình yêu của Người cho tất cả nhân loại, với một tâm hồn tràn ngập niềm vui, trong sự hiệp thông với những người kế vị các Tông Đồ. Và ở đây tôi muốn nhắc lại đời sống anh hùng của nhiều người, nhiều nhà truyền giáo, là những người đã từ bỏ quê hương để ra đi rao giảng Tin Mừng ở các nước khác nơi các châu lục khác. Một Đức Hồng Y người Ba Tây làm việc ở Amazon đã có lần nói với tôi rằng khi ngài đến một nơi, đến một quốc gia hay một thành phố của Amazon, ngài luôn luôn đến nghĩa trang để nhìn ngắm các ngôi mộ của các nhà truyền giáo, các linh mục, các thầy, các sơ là những người đã đi rao giảng Tin Mừng: các tông đồ. Và ngài nghĩ rằng, tất cả các vị ấy có thể được phong thánh ngay bây giờ vì đã từ bỏ tất cả để rao giảng Chúa Giêsu Kitô. Chúng ta hãy tạ ơn Chúa vì Hội Thánh của chúng ta có quá nhiều nhà truyền giáo, có rất nhiều nhà truyền giáo và cần nhiều hơn nữa! Chúng ta hãy cảm tạ Chúa vì việc này. Có lẽ trong số rất nhiều người trẻ, con trai và con gái đang ở đây, có ai đó muốn trở thành một nhà truyền giáo: Hãy tiến tới! Và mang Tin Mừng của Chúa Giêsu là điều xinh đẹp. Hãy dũng cảm và can đảm!

Như vậy chúng ta hãy xin Chúa làm mới lại trong chúng ta hồng ân của Chúa Thánh Thần, ngõ hầu mỗi cộng đồng Kitô hữu và từng người đã được rửa tội là một biểu hiện của mẹ Hội Thánh Công Giáo và Tông Truyền.

Phaolô Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ

<http://giaoly.org/vn/>

Nguyên bản: http://w2.vatican.va/content/francesco/it/audiences/2014/documents/papa-francesco_20140917_udienza-generale.html

VỀ MỤC LỤC

PHẢI SỐNG ĐẠO THỂ NÀO ĐỂ ĐƯỢC CỨU RỒI ?

Tôi cần phải nói lại một lần nữa về vấn đề rất hệ trọng này vì những lý do sau đây:

-1- Có nhiều người nghĩ rằng Thiên Chúa rất nhân hậu nên không cần thiết phải quan tâm đến việc cứu rỗi vì Chúa Giêsu đã chết thay cho mọi người rồi nên đương nhiên mọi người sẽ được cứu rỗi !

-2- Mặt khác, cũng có rất nhiều người cho rằng với sức riêng của mình thì chẳng ai có thể làm được điều gì đáng cho mình được cứu rỗi. Đây là quan điểm của đa số anh em Tin Lành, là những người chủ trương chỉ cần tin vào Chúa Kitô là đủ được cứu rỗi chứ không cần đòi hỏi thêm gì nữa về phía con người!

Chúng ta phải nghĩ thế nào cho quân bình và hợp lý về vấn đề cứu rỗi của mỗi người chúng ta ? Để trả lời cho câu hỏi này, trước hết chúng ta phải xác tín vào những điều sau đây:

1- Trước hết, phải xác tín rằng Thiên Chúa là tình yêu, là Cha nhân hậu ,Đấng tạo dựng mọi loài mọi vật vô hình và hữu hình, cách riêng tạo dựng con người và "**muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý.**" (1 Tm 2 : 4)

2- Con người đã phản nghịch Thiên Chúa từ đầu , nên đã mang tội lỗi và sự chết vào trần gian này.Nhưng Thiên Chúa là Cha nhân từ, "**Người có giận, giận trong giây lát, nhưng yêu thương, thương suốt cả đời.**" (TV 30 (29) : 6).Vì thế Người đã sai Con Một là Chúa Giêsu-Kitô đến trần gian làm Con Người để cứu chuộc cho nhân loại khỏi chết vì tội. Chúa Kitô đã cứu chuộc con người qua khổ hình thập giá : chết, sống lại và lên trời , ngự bên hữu Chúa Cha. Và sẽ trở lại để phán xét kẻ sống và kẻ chết.

Thật vậy, nếu Thiên Chúa không là tình yêu, thì không thể có con người sinh ra trên trần thế này được, vì Thiên Chúa tạo dựng con người chỉ vì tình yêu vô vị lợi của Ngài, chứ tuyệt đối Ngài không có lợi lộc gì - hay muốn tìm lợi lộc nào, mà phải tạo dựng con người trên trần gian này. Đây là điều chúng ta phải xác tín và không ngừng cảm tạ Chúa vì tình thương quá lạ lùng của Người khi tạo dựng và cứu chuộc nhân loại nhờ Chúa Cứu Thế Giêsu, Đấng cũng vì yêu thương con người mà đã vui lòng chịu mọi đau khổ, vác thập giá và chết trần trụi trên đó để "**hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người.**" (Mt 20: 28)

Như thế, nếu không cậy trông vào lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa và nhờ công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa Kitô, thì không ai có thể được cứu rỗi sau khi kết thúc hành trình con người trên trần thế này với cái chết trong thân xác mà không ai có thể tránh được..

Tuy nhiên, dù công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô là vô giá và đủ cho ta được cứu rỗi, nhưng Thiên Chúa vẫn đòi hỏi con người phải cộng tác vào ơn cứu độ này để xứng đáng được hưởng nhờ công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô.

Tại sao phải như vậy ? lý do là con người còn có ý muốn tự do (free will) mà Thiên Chúa luôn tôn trọng cho con người xử dụng, để hoặc chọn lựa sống theo đường lối của Chúa hay khước từ Chúa để sống theo ý riêng của mình và theo thế gian không tin có Chúa và sự thưởng phạt đời đời.

Nói khác đi, Thiên Chúa không bắt buộc ai phải yêu mến Người và bước đi theo Chúa Kitô là "**Con đường là Sự thật và là Sự Sống.**" (Ga 14: 6). Người chỉ mời gọi và tùy con người tự do đáp trả mà thôi.

Chính vì con người có tự do chọn lựa giữa Thiên Chúa và thế gian, giữa sự thiện và sự dữ, giữa gian tà và lương thiện, nên Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ xưa và tất cả chúng ta ngày nay là :

" **Không phải bắt cứ ai thưa với Thầy: Lạy Chúa ! Lạy Chúa là được vào Nước Trời cả đâu, nhưng chỉ những ai thi hành ý muốn của Cha Thầy, là Đấng ngự trên cao mới được vào mà thôi.**" (Mt 7: 21)

Nghĩa là nếu con người không thực tâm yêu mến Chúa và sống theo đường lối của Chúa, mà chỉ hời hợt nói qua miệng lưỡi, chỉ mang danh Kitô hữu , nhưng đời sống lại mâu thuẫn với niềm tin đó thì dầu có tuyên xưng trăm ngàn lần : Lạy Chúa !, Lạy Chúa !, Alleluia Alleluia ! thì cũng vô ích mà thôi. Chắc chắn như vậy.

Nhưng tại sao Cha trên trời lại muốn chúng ta thi hành ý muốn của Người, như Chúa Giêsu đòi hỏi ?

Câu trả lời chắc chắn trước hết là Cha trên trời không có lợi lộc gì khi muốn ta thi hành ý muốn của Người. Người mong muốn như vậy chỉ vì lợi ích đời này và nhất là đời sau khi ta chấm dứt hành trình con người trên trần thế này mà thôi.

Thật vậy, - trừ một số cha mẹ đã mất hết lương tri, đem bán con cái cho bọn bắt lương hành nghề buôn người cho kỹ nghệ mãi dâm và ấu dâm rất khốn nạn, như thực trạng đã và đang xảy ra ở bên nhà, nơi luân lý và đạo đức đã xuống cấp thê thảm, nhưng còn lại tất cả cha mẹ khác đều không ai có thể lại làm ngơ cho con cái mình đi vào con đường hư hỏng như bỏ học, gia nhập băng đảng trộm cắp, hút sách, hay làm nghề ma cô đưa đón khách đi tìm thú vui dâm dăng khốn nạn.

Cha mẹ không muốn con mình đi vào con đường tội lỗi trên là vì thương con cái và muốn cho chúng nên người tốt hữu ích cho xã hội và cho bản thân chúng sau này, chứ tuyệt nhiên không vì lợi ích nào của riêng cha mẹ.

Cũng vậy, Thiên Chúa là Cha trọn tốt trọn lành, yêu thương con cái loài người hơn bất cứ cha mẹ nào trên trần gian này. Người ban lề luật hay điều răn cho ta tuân giữ vì lợi ích của chúng ta, ngay trong cuộc sống trên đời này, trước khi được chiêm ngưỡng Thánh Nhan Ngài mai sau trên Nước Trời. Thiên Chúa tuyệt đối không được lợi lộc gì khi ta tuân giữ những thánh chỉ và giới răn của Người. Vì nếu không có lề luật của Chúa, để con người tự do giết người, trộm cắp, gian dâm, thay vợ đổi chồng, cờ bạc, gian tham, bóc lột và bắt công với người khác, thì xã hội loài người sẽ đi về đâu? Có lề luật hay các giới răn của Chúa mà con người ở khắp mọi nơi còn đã và đang làm những sự dữ như giết người, giết thai nhi, bán con cái cho bọn ma cô, tú bà hành nghề mãi dâm và ấu dâm (child prostitution) rất khốn nạn, như thực trạng ở rất nhiều nơi trong thế giới tục hóa, sa đọa ngày nay.

Như vậy, tuân giữ các giới răn của Chúa để sống công bằng, bác ái và trong sạch thì chỉ có lợi cho cá nhân, cho gia đình, cho xã hội và cộng đồng nhân loại chứ tuyệt đối không có lợi gì cho Chúa.

Riêng đối với người tín hữu Chúa Kitô trong Giáo Hội Công Giáo, thì việc tuân giữ các giới răn của Chúa là cách cộng tác hữu hiệu vào ơn cứu chuộc của Chúa Kitô để xứng đáng được hưởng nhờ ơn này hầu cho được vào Nước Trời vui hưởng hạnh phúc bất diệt với Chúa trên cõi vĩnh hằng mai sau.

Chúa Kitô đã hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho con người, và công ơn cứu chuộc này đủ cho con người được cứu độ. Nhưng nếu con người không cộng tác với ơn cứu chuộc đó bằng quyết tâm từ bỏ tội lỗi do ma quỷ gây ra với sự tiếp tay đắc lực của thế gian, thì Chúa không thể cứu ai được. Nghĩa là công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô sẽ trở nên vô ích cho những ai ỷ lại vào công nghiệp này để không làm gì về phần mình - hay tệ hại hơn nữa- là cứ tiếp tục sống theo ý riêng mình và làm những sự dữ, những điều ghê tởm như giết người, phá thai, gian dâm, thay chồng đổi vợ, gian manh, bắt công, bóc lột người khác và dửng dưng trước sự đau khổ, nghèo đói của anh chị em đồng loại. Sở dĩ Chúa không thể cứu họ được vì họ đã sử dụng ý muốn tự do (free will) để từ chối ơn cứu độ của Chúa và tự chọn con đường dẫn đến hư mất đời đời. Chính vì con người có tự do để chọn Chúa và ơn cứu độ của Người hay quay lưng lại với Chúa để sống đối nghịch với hạnh phúc Nước Trời, nên Chúa Giêsu, khi trả lời cho một người đến hỏi Chúa xem có phải rất ít người được cứu độ không, Chúa đã đáp như sau:

"Hãy chiến đấu để qua cửa hẹp mà vào, vì tôi nói cho anh em biết: có nhiều người sẽ tìm cách vào mà không thể được." (Lc 13: 24)

Tại sao Chúa không nói: anh em đừng lo lắng gì về việc đó (việc được cứu độ) và cứ tự do làm những gì anh em thích, khỏi cần phải chiến đấu, cố gắng thêm cho mệt? Ngược lại,

Chúa đòi hỏi phải chiến đấu để qua cửa hẹp mà vào, vì con người còn có tự do mà Thiên Chúa luôn tôn trọng cho con người sử dụng. Cho nên, qua cửa hẹp mà vào có nghĩa là khép mình vào khuôn khổ những đòi hỏi của Chúa về một đời sống công bằng, bác ái, lương thiện và trong sạch để được cứu độ. Nói khác đi, là cộng tác với ơn cứu độ bằng quyết tâm xa tránh tội lỗi và bước đi theo Chúa Kitô như Người đòi hỏi là :

" Ai muốn theo Thầy thì phải từ bỏ mình, vác thập giá mình mà theo..Ai muốn cứu mạng sống mình thì sẽ mất , còn ai liều mạng sống mình vì Thầy, thì sẽ tìm được mạng sống ấy. " (Mt 16: 24-25)

Vác thập giá mình mà theo Chúa có nghĩa là thông phần đau khổ với Chúa để được tham dự vinh quang phục sinh với Người trong Nước Hằng Sống.

Tóm lại, Chúa nhân hậu và giàu tình thương, tha thứ. Cộng nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô là vô giá và đủ cho con người được cứu độ. Nhưng Chúa vẫn cần sự cộng tác hay thiện chí của mỗi người chúng ta muốn sống theo đường lối của Chúa và xa tránh mọi tội lỗi và sự dữ như đã nói ở trên. Nếu không có sự cộng tác hay thiện chí đó, thì Chúa không thể cứu ai được, vì con người còn có tự do để chọn Chúa hay chọn thế gian và ma quỷ để làm nô lệ cho tội lỗi và tự ý đi tìm sự hư mất đời đời. Những ai muốn sống như vậy thì Chúa sẽ tôn trọng tự do của họ và họ sẽ phải lãnh chịu hậu quả do việc họ chọn lựa để làm khi sống trên trần gian này..

Cứ nhìn vào thực trạng sống của con người ở khắp nơi ngày nay thì đủ cho ta biết ai đang muốn được cứu rỗi và ai đang từ chối ơn cứu độ của Chúa bằng chính đời sống của họ.

Vậy, là người có niềm tin Chúa, chúng ta nghĩ sao về tự do của mình trong ước muốn được cứu độ để được sống hạnh phúc vĩnh cửu với Chúa trên Nước Trời mai sau ?

Lm Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huấn.

VỀ MỤC LỤC

Minh triết dân gian Việt Nam theo cái nhìn của cổ Cả (Léopold Cadière)

(tiếp theo ký trước)

2 – Việt Nam có triết lý hay không ?

2.0 – Một vấn đề gai góc

Như mới trình bày tóm tắt trước đây, cha Cadière đã viết ra khá nhiều trang về các phần trong thân thể người ta, nhất là về giác quan và nêu ra được nhiều kiểu nói rất hay, rất ý nhị. Có lẽ đặc sắc nhất là về cái miệng : miệng để nói (trang 119-123), miệng để ăn (trang 123-130), miệng để nếm (trang 130-132). Nhưng có lẽ rồi nhân đó « vui miệng », cha đã đưa ra một vài ý kiến tổng quát làm cho độc giả người Việt phải chột dạ.

Ví dụ như đoạn văn sau đây. Cha viết : « Thiết tưởng, từ những câu nói mà tôi vừa trưng dẫn ra đây, ta có thể rút ra một vài kết luận về đặc tính chung của nòi giống Việt Nam. Người Việt thường hay dùng chữ « ăn » và coi việc ăn là thật quan trọng, làm cho ta có thể kết luận

rằng nòi giống Việt Nam để tâm lo lắng về những cái vật chất nhiều hơn là về những cái tinh thần. Người Việt Nam coi việc ăn là một trong những mục đích quan trọng vào bậc nhất trong hoạt động của con người. Người Việt không suy xét riêng về nhân sinh. Đối với họ thì tất cả đời người, kể từ hoạt động trong hầu hết các ngành, cho đến cách thức cư xử đối với người khác, tất cả chỉ có một mục đích là để ăn, hay được cụ thể hóa ra trong cách nói cách ăn. Hình như dân Việt Nam có ý để dành cho các dân tộc khác tất cả lòng hào hiệp trong hoạt động, tận tâm trong việc nghĩa, hi sinh cho một lý tưởng ; họ chỉ làm để ăn mà thôi »[13].

Có lẽ cha đã nhận ra rằng nói như thế là nói quá lời, cho nên để vớt vát, cha giải thích rằng vì sống ở một nước nghèo cho nên người Việt ta rất bận tâm lo việc ăn. Cha cũng biết rằng có nhiều từ ngữ thuần túy Việt Nam đã được thêm ý nghĩa triết lý từ chữ Hán chuyển sang. Sau cùng thì cha viết thêm : « Đàng khác không phải là tôi không biết rằng người Việt cũng có tinh thần vô vị lợi, và những tình cảm và ý tưởng cao thượng ». Thực ra, cái minh triết dân gian thì đâu đâu cũng thế, vì nói cho cùng thì nếu ta tìm trong các kiểu nói bình dân của người Pháp, nhất là những kiểu nói không dùng đến những từ ngữ gốc Hi-lạp hay La-tinh, thì ta cũng có thể đi tới kết luận tương tự.

2.1 – Xét trong quá khứ

Trong câu trưng dẫn ở đầu bài này, ta đã thấy tác giả nhận xét rằng người Việt đã hấp thụ văn hóa và tư tưởng của người Tàu, nhưng kể là đã không đóng góp gì thêm vào đó. Các học thuyết, kinh điển, truyền sang thế nào, thì tiếp nhận như thế, mà không tranh luận gì cả, và thường thì không hiểu cho đúng[14], lại cũng chẳng đào sâu thêm nữa. Trừ mấy tác phẩm về luân lý ra, thì không có tác phẩm triết lý nào gốc từ Việt Nam mà ra. Nói thế có nghĩa là người Việt Nam không có một hệ thống triết lý, không có những học thuyết có thể xếp thành một bộ môn, không có một triết học có lý sự, tóm tắt được những nỗ lực tìm tòi, suy tư, ngưỡng vọng, của tâm hồn người Việt. Có chăng thì chỉ là thứ minh triết bình dân bộc phát ra trong ngôn ngữ thông thường.

Tôi không dám chắc hẳn một cách dứt khoát là như thế, vì cái học của tôi còn thiếu sót, không biết trong các sách cũ ở Việt Nam về Khổng học, về Đạo học hay Phật học trước thế kỷ XX, có những tư tưởng triết lý gì đặc biệt do người Việt Nam đóng góp hay không. Có điều chắc, là người mình đã bắt đầu học đọc học viết bằng chữ Hán, cho nên có lấy lại kinh điển bằng chữ Hán của tam giáo thì cũng là truyện thường. Rồi trong tám chín thế kỷ, sau khi độc lập ra khỏi Trung quốc, sách vở viết ra về đạo giáo, về lịch sử, về địa chí, về hình luật, thì cũng lại cứ dùng chữ Hán, chứ không mấy ai nghĩ đến việc dùng chữ nôm[15].

Nếu quả thực là người Việt không đóng góp bao nhiêu vào tư tưởng của người Hán tộc đưa sang, thì đó cũng là điều dễ hiểu. Thực vậy, người mình sống ở ngoài biên cương Trung quốc, cứ nơm nớp sợ người ta lấy thịt đè người, sợ mất nước, cho nên sĩ phu không có nhiều cơ hội tiếp xúc với người Tàu ; mà người Tàu, nếu không có tham vọng đồng hóa thì cũng chẳng có lý do gì để truyền cho người mình cái học thuật của họ. Ngược lại, nhà Minh đã thừa cơ nhà Trần và nhà Hồ yếu thế, mà chiếm đóng nước ta và tịch thu sách vở của ta. Rốt cục thì không tham gia được vào các trào lưu tư tưởng của Tàu, lại ít trao đổi, cho nên chỉ biết được một ít sách Tàu mà thôi, chứ không biết nhiều, thành ra biết gì thì giữ nấy, thế thôi. Còn về mặt tư tưởng triết lý, nếu đã dùng chữ Hán thì tất nhiên là tư tưởng theo như người Tàu.

Nhưng cho dù có tham gia được một cách tích cực và rộng rãi vào các trào lưu tư tưởng bên Trung quốc, thì kết quả cũng chưa chắc đã đi đến đâu. Vì rằng về cuối bài, để kết luận, cha Cadière có nói đến tư tưởng Tàu như sau : « Để tìm hiểu hệ thống vũ trụ luận của các triết gia Trung quốc, chúng tôi vấp phải cái khó khăn, cũng như khi muốn nói lên cho rõ những tư tưởng thông thường ở Việt Nam, có đơn sơ hơn thật, nhưng cũng vẫn rối rắm như thế, về bản tính con người và về bản tính vũ trụ. Triết lý của học giả trong các môn phái thì cũng vẫn giữ lại cái đặc tính của minh triết dân gian ; tư tưởng người Tàu có biến chuyển, nhưng rồi rốt cục thì

cũng đi tới một chỗ tương tự như khởi điểm vậy »[16]. Về điểm này tôi xin phép bàn rộng ra : có lẽ chính triết lý của người Tàu, dù có uyên thâm, cũng không đi xa được lắm, là vì xã hội phong kiến chưa có ý thức dân chủ, bình đẳng, như người Hi-lạp cổ, cho nên ai có uy quyền thì coi là cũng có uy tín, như thần dầy thánh phán, cho nên không ai được phê bình.

Đàng khác, cái học bằng chữ Hán của người mình khi xưa lại là cái học từ chương, để thi đỗ ra làm quan trị dân, hay là để làm văn làm thơ tiêu khiển. Những suy tư về vận mệnh con người thì lấy ở sách Tàu, chứ có lẽ không có ai nghĩ đến việc trao đổi với cái vốn liếng minh triết của lớp bình dân nói tiếng Việt. Văn chương thi phú thì thật có dùng chữ Nôm, để « mua vui một vài trống canh », nhưng cũng vẫn còn dùng khá nhiều chữ Hán, nhất là thơ Thiền. Thường thì lấy lại những tư tưởng về định mệnh, duyên kiếp, về sự đời chóng qua, như « vó câu qua cửa sổ », đưa đến thái độ nhẫn nại, chịu đựng. Vì thế cũng không phát triển cái minh triết bình dân cho nó thành ra lối suy tư có lý sự, có hệ thống, thành triết lý Việt Nam. Thiết tưởng đó là tình trạng tư tưởng Việt Nam mà cha Cadière đã quan sát thấy.

2.2 – Nhìn về tương lai

Nhưng từ đó mà chủ trương rằng người Việt, với cái ngôn ngữ như thế, thì chỉ có cái minh triết bình dân, chứ không có triết lý, thì tôi trộm nghĩ là nói hơi quá lời. Có lẽ nên dè dặt hơn mà nói là thời xưa chưa có hệ thống triết lý. Nếu có cái thiếu sót, thì thiết tưởng là vì thiếu điều kiện văn hóa chính trị và thiếu người triết lý, chứ không phải tại ngôn ngữ. Thực ra, ngôn ngữ nào cũng có cái lý sự riêng, cái minh triết của nó. Đó là điều người Hi Lạp đã nhận ra khi họ dùng một từ ngữ « logos », vừa để chỉ cái « Lý sự », vừa để chỉ « lời nói », « từ ngữ » : từ ngữ dùng để phân loại sự vật cho có *thứ tự*, rồi có văn pháp để chấp nối từ ngữ cho ra câu cú, làm cho người ta tư tưởng có *mạch lạc*. Nói lên được *thứ tự và mạch lạc* là tìm ra cái lý sự trong sự vật. Nhưng nếu chỉ có thế, thì chưa đi tới triết lý có hệ thống.

Muốn đi tới triết lý, – cũng như đi tới khoa học, kỹ thuật, luân thường đạo lý, v.v. – thì cần phải đi thêm mấy bước nữa. *Một là* : phải có người đứng ra đặt vấn đề suy nghĩ xa hơn cái trông thấy trước mắt, ví dụ như về nguồn gốc, về tương lai hay là về nền tảng của vũ trụ và vận mệnh con người. *Hai là* : vì suy tư triết lý ăn rễ vào một cộng đồng ngôn ngữ, với những kiểu nói và minh triết đã có sẵn, cho nên nó không phải của riêng một cá nhân nào ; mình dùng ngôn ngữ chung, để riêng mình suy tư, nhưng căn bản và kết quả là của chung, nói lên thì người khác nghe hiểu được và có thể bàn luận được. *Ba là* : vì phải đi xa hơn cái kinh nghiệm trực tiếp, cho nên phải đặt cho từ ngữ có sẵn đó một ý nghĩa mới, nếu không thì phải đặt ra từ ngữ mới. *Bốn là* : phải có óc phê bình, để tự mình nhận ra chân lý, chứ không phải cứ người trên hay là ông thầy nói sao thì mình nói lại như thế. Và thiết tưởng đây là điểm quan trọng nhất. Chế độ quân chủ của ta đã bị chế độ thực dân chặt hết chân tay vây cánh, rồi sau cùng đã bị chế độ cộng hòa truất phế, đó là hoàn cảnh thuận lợi để tư tưởng triết lý phát triển.

Như thế triết lý là một phạm vi có từ ngữ chuyên môn, mà chuyên môn hoặc là vì có thêm ý nghĩa mới, hoặc là vì sáng tạo ra hay vay mượn được từ ngữ mới, từ văn hóa khác đưa tới. Trong cuộc giao lưu văn hóa thì các dân tộc thường vay mượn từ ngữ và tư tưởng của nhau, đem vào văn hóa của mình, rồi phát triển thành tư tưởng của mình.

Xin đan cử ra đây một ví dụ về triết lý Âu châu. Trước đây hơn 25 thế kỷ, khi có một số người Hi Lạp bắt đầu suy tư một cách có lý sự, có đầu đuôi, có thứ tự mạch lạc, thì họ lấy từ cái vốn liếng từ ngữ và minh triết sẵn có, mà tạo ra từ ngữ mới. Họ có các danh từ để *gọi tên* sự vật, có các tính từ để nói sự vật là *thế nọ thế kia*, nhưng phải tìm từ ngữ mới để nói lên rằng sự vật *có thực đó*[17]. Và thay vì dùng chữ « có » như chúng ta, thì họ dùng chữ « là » (*einai/esti*) : chữ này vốn dùng để nối hai sự vật tương đồng, nhưng nếu dùng cụt ngữn về một sự vật, thì nó có nghĩa là « có thực đó ». Người La-tinh cũng theo đó mà dùng chữ « là » (*esse/est*) như thế.

Rồi sau khi đế quốc Rôma sụp đổ thì các bộ lạc Âu châu chưa có chữ viết, liền học lấy tiếng La tinh và văn hóa cổ điển. Cách đây chừng 7, 8 thế kỷ, – cũng vào thời kỳ mà ông cha chúng ta bắt đầu dùng các bộ gốc chữ Hán, sáng chế ra chữ Nôm để viết tiếng Việt – thì người Âu châu đang thắm nhuần văn học cổ điển, bắt đầu có ý thức dân tộc, và họ dùng mẫu tự La-tinh để viết tiếng nói của dân tộc họ, nhưng trong việc học vấn họ vẫn còn dùng tiếng La-tinh cho đến thế kỷ XIX. Khi đi vào triết lý thì họ cũng bắt chước người xưa mà dùng động từ « là », trong tiếng nói của họ, để chỉ cái « có thực đó » ; người Pháp nói : « être/est », người Đức nói « sein/ist » còn người Anh thì nói « to be/is », v.v. Cũng như người Hi-lạp và người La-tinh đã biến thể cho chữ « einai » và « esse » thành các từ ngữ như « on » và « ens » để chỉ các « vật (có thực) », như « ousia » và « essentia » để chỉ « yếu tính » hay « bản tính », thì người Pháp, Đức, Anh cũng làm theo kiểu đó mà gọi « vật » là « être/étant », là « Seiende », hay là « being », và gọi « bản tính » là « essence » hay « Wesen », v.v.

Trong suốt thời Trung cổ, người Âu châu học tập và triết lý bằng tiếng La-tinh, họ trao đổi với nhau mà không biết đến ranh giới các nước. Vào quãng thời Phục Hưng thì một đảng thì họ vẫn dùng tiếng La-tinh, nhưng đảng khác thì họ bắt đầu viết bằng tiếng của dân tộc, như Ý, Pháp, Anh, Đức, và vay mượn rất nhiều từ gốc tiếng La-tinh và tiếng Hi-lạp. Nếu nhân vật ký tên là « Cartesius » chỉ viết sách triết lý bằng tiếng La-tinh, chứ không viết gì bằng tiếng Pháp, thì chưa có thể nói đó là triết lý Pháp. Nhưng khi cũng chính nhân vật đó viết sách bằng tiếng Pháp và ký tên là « Descartes », thì mới kể là có triết lý Pháp. Tôi không thể quan niệm là có triết lý Pháp hay Đức, nếu không bao giờ có ai viết sách triết lý bằng Pháp văn hay Đức văn. Cũng thế, nếu ông cha chúng ta chỉ viết sách bằng chữ Hán, thì dĩ nhiên là để tham gia ít nhiều vào cuộc trao đổi tư tưởng với những người biết chữ Hán. Như thế hỏi có liên quan gì đến những người nói tiếng Việt ?

Nay lại nói về triết lý ở Việt Nam. Ta biết kinh điển của tam giáo có nhiều chất triết, nhưng lại viết bằng chữ Hán, và trong khá nhiều thế kỷ không thấy ai phiên dịch ra tiếng Việt (chữ Nôm). Từ mấy chục năm nay, tôi đọc sách thấy nói là đạo Phật vào Luy Lâu ở đất Việt trước khi vào Lạc Dương và Bành Thành ở đất Tàu. Tuy vậy, có điều làm cho tôi thắc mắc, là nếu có sách vở gì nhắc tới, thì hình như là bằng chữ Hán cả, chỉ có người Tàu di cư sang đất Giao Chỉ và một số thật ít người Việt đọc được mà thôi. Không biết vào thời đó có ai nói ra tiếng Việt cho đại chúng nghe hay không. Cho nên không biết có gây ra truyền thống nào không. Chắc một điều là sau đó, các vua Việt Nam đã cho người sang Tàu rước võ sổ kinh Phật bằng chữ Hán đem về chép.

Trong hoàn cảnh đã trình bày trước đây, người mình kể là không tham gia vào các trào lưu triết lý và đạo giáo trong khu vực văn hóa chữ Hán, biết gì thì giữ nấy, lại cũng không khai thác cái mình triết gắn liền với ngôn ngữ riêng của mình. Chứ nếu đã có ai nghĩ đến việc phiên dịch ra tiếng Việt, viết ra chữ Nôm, thì tôi dám chắc là đã có nhiều thời gian, để khai thác cái vốn liếng mình triết có sẵn của mình, nhờ vào ảnh hưởng của văn hóa và tư tưởng ngoại lai, kể cả Trung quốc, mà phát triển thành một luồng tư tưởng triết lý Việt Nam. Cũng như đúng vào thời ấy, người Âu châu đã nhờ vào triết lý Hi-lạp và La-tinh cổ điển, mà phát triển triết lý riêng, có in dấu dân tộc của họ, viết ra bằng ngôn ngữ riêng của họ. Nhưng đây chỉ là giả thuyết về cái quá khứ không trở lại nữa.

Nếu không có sách vở bằng tiếng Việt, viết theo lối chữ Nôm, hay lối chữ quốc ngữ dùng mẫu tự La-tinh, thì thiết tưởng tư tưởng Việt Nam khó mà phát triển được cái quốc học, như trong thế kỷ XX. Yếu kiến của cha Cadière chỉ có thể đúng trong phạm vi quá khứ, chứ chưa chắc đã đúng vào lúc sau này, khi mà người Việt đã học hỏi nơi thiên hạ tứ chiếng, hấp thụ triết lý của người nước ngoài, rồi đã viết sách triết lý bằng tiếng Việt theo mẫu tự La-tinh, nghĩa là bằng chữ quốc ngữ như ngày nay, cho người mình đọc. Dĩ nhiên là trong buổi đầu thì phải phiên dịch sách giáo khoa. Cái khó khăn của những bậc tiền bối trước đây hơn nửa thế kỷ là phải mò mẫm tìm cho được từ ngữ để dịch cho đúng ý, đồng thời dịch cho ra tiếng Việt. Nếu không thông hiểu ngoại ngữ, không am tường vấn đề triết, lại không thạo tiếng . . . Việt, thì làm

sao phiên dịch cho đúng ý ? Có người cho rằng cứ dùng những từ ngữ triết học do người Nhật hay người Tàu đã chọn để phiên dịch từ các tiếng Âu châu. Cũng đúng một phần, nhưng ta nên biết rằng người phiên dịch thì thường không phải là người chuyên môn, cho nên dịch lấy được, và vì thế chưa chắc là bao giờ cũng hiểu rõ vấn đề và dịch cho đúng ý. Về vấn đề chọn từ ngữ triết lý cho tiếng Việt, thì có nhiều người đã có công đóng góp từ hơn nửa thế kỷ nay, nhưng tôi chỉ xin nhắc đến tên hai vị đồng nghiệp có cái học vấn nghiêm túc, mà nay đã quá cố, đó là Cao Văn Luận và Trần Thái Đình.

Còn về sau này, thì tương lai triết lý Việt Nam là ở trong tay lớp người « hậu sinh khả úy »[18]. Nhưng không phải chỉ có thế mà thôi. Trước đây người ta bảo là phải biết kính trọng các vị bề trên, như quân sư phụ, hay là Phật Tiên Thánh, bề trên nói sao thì mình chấp nhận như thế, thì ta thấy chính trong cái minh triết bình dân, tuy rằng chưa có óc hệ thống, nhưng cũng không đến nỗi thiếu cái óc phê bình. Không phải là phê bình bừa bãi một cách bất kính, nhưng dám phê bình từ những bậc thầy đã học chữ thánh hiền, nhưng đôi khi không giữ được đạo thánh hiền, cho đến những bậc tu hành lén lút phá giới. Chính cái óc phê bình như thế đã được cổ võ bên Âu châu, làm cho tư tưởng Âu châu phát triển, không những phê bình về mặt tư tưởng triết lý, như Descartes (1596-1650), Kant (1724-1804), mà cả về mặt thực hành tôn giáo, khi người ta lẫn lộn tín ngưỡng với mê tín, không phân biệt tôn giáo với chính trị, lấy cái này làm hậu thuẫn cho cái kia.

Nói tóm lại : cái minh triết vẫn còn đó và vẫn được tiếp tục phát triển. Nhưng cái triết lý là ở trong tay những người chịu khó suy nghĩ.

Huế, ngày 07-09/09/2010

[1] *Anthropos* II (1907), tr. 116. – *Croyances et Pratiques ...* III, tr. 41. Sau đây sẽ trưng dẫn theo sách *Croyances ...*

[2] Chú thích của TVT : Nói thế khác, dùng một ngôn ngữ cũng tức là đi vào một đường lối tư tưởng, vì ngôn ngữ định hình cho tư tưởng. Người Đức có lối chơi chữ rất thần tình, không dịch ra tiếng khác được. Họ nói rằng ngôn ngữ không phải là « bản chép » (ab-bilden) lại tư tưởng, nhưng nó là cái « định hình » (bilden) cho tư tưởng. Xem : Adam Schaff, *Sprache und Erkenntnis (Ngôn ngữ và Tri thức)*, Europa Verlag, Wien-Frankfurt-Zurich, 1964, tr 37-46. Tuy có nói là ngôn ngữ « lên khuôn » cho tư tưởng, nhưng xem chừng cha Cadière không có ý đào sâu thêm về điểm này,

[3] Lối giải thích này đã được cha Cadière trình bày tỉ mỉ trong bài « Le titre divin en annamite », đăng trong tạp chí *Revue d'Histoire des Missions. Supplément au numéro de décembre 1931*, tr. 1-27.

[4] Tôi còn nhớ khi ăn tết ở Huế có lần có một giáo sư đồng nghiệp mời đến chơi nhà, nhưng trước khi giao thừa thì ông đã khẩn khoản mời chúng tôi ra về, vì bà thân mẫu không muốn có người lạ ở lại nhà vào lúc đó.

[5] Hiện nay trong nước ta cụ Hồ cũng có tượng thờ như một vị phúc thần trong một số đền chùa.

[6] Cũng nên chú ý là chữ Hán có cái đặc biệt lạ lùng là : chữ « ma », chữ « hồn », chữ « phách », cả ba chữ đều có gồm bộ « quỷ » ở trong ! Tôi không có sở trường để tán chữ xem viết như thế có ý nghĩa gì rõ rệt về ba bốn thứ ấy, hay chẳng qua đó là chỉ đưa ra một cái trực giác mập mờ vậy thôi. Tôi cũng không dám bàn tới kiểu nói : « ba hồn bảy vía (hay : chín vía) ».

[7] Cũng như người Âu châu đã dịch là « Theos », « Deus », « Dieu », « Dios », « Dio », « Gott », « God », v.v.

[8] A. de Rhodes dùng chữ « bụt » để dịch chữ « idolum » (Pháp : idole) là « ngẫu tượng », hay « thần tượng ». Ngoài ra chúng ta còn nói đến « bụt mọc », « bụt ốc », chứ không nói riêng về Phật.

[9] Có điều đáng chú ý, là : cũng hai chữ Hán Việt « thanh linh » thì đọc ra Nôm là « thiêng liêng » để dịch chữ « spirituel », mà khi đảo ngược ra « linh thanh » thì lại đọc ra Nôm là « linh thiêng » để nói lên tính cách hữu hiệu của vị thần. Thế nhưng trong chữ « linh sàng », thì chữ « linh » lại có nghĩa khác.

[10] Ví dụ như trong câu : Minh với ta tuy hai mà một, Ta với mình tuy một mà hai.

[11] Vì chữ *khí* có nghĩa khá rộng cho nên nhà Phật khi nói về « tứ đại » thì hiểu là *địa thủy hỏa phong* (*phong* là *gió*, chứ không nói là *khí*), còn các giáo sĩ Tây phương thì dịch là *không khí*, là *khí a-rê* (Pháp : *air*, Latinh : *aer*). Còn kiểu nói bình dân : « cái anh *khí gió* này », thì tôi không hiểu nguyên do từ đâu mà ra.

[12] Dù không minh bạch cho lắm, nhưng kể là vẫn còn không đến nỗi rối rắm như trong *Nam Việt Dương Hiệp Tự Vị – Dictionarium Anamitico-Latinum* của Giám mục Bá Đa Lộc soạn cuối thế kỷ XVIII, rồi do Giám mục Taberd cho in tại Serampore (Ấn độ) năm 1838, và sau cùng thì do Viện Quốc Học tái bản tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh năm 2004. Thực vậy, trong tự vị này thì : « Hồn » là « anima » (tức là linh hồn) ; « Phách » là « corpus inanimatum » (cái xác không hồn), nhưng « thất phách » lại dịch là « septem passiones » ; « Vía » là « spiritus vitalis » (gần như « principe vital ») ; nhưng « bảy vía » cũng lại dịch là « septem passiones », mà ta biết hai chữ này còn dùng để dịch hai chữ « thất tình », nghĩa là : hỉ/vui, nộ/giận, ai/ buồn, cụ/sợ, ái/yêu, ó/ghét dục/muốn ! – Cũng xin xem thêm : Trần Văn Toàn, « Từ môn *psychologie* đến khoa *tâm lý học*. Những chặng đường nghiên cứu con người », *Định Hướng*, số 52, mùa Hè 2008, trang 4-25.

[13] *Croyances et Pratiques ... III*, EFEO, MCMLVII, trang 128.

[14] Không những vì cái học khoa cử, cốt để ra làm quan, mà còn vì cái thói thi nhau xem ai biết ít hay nhiều chữ, cái tạt tán chữ suông. Một ví dụ : vào thế kỷ XVIII các giáo sĩ đạo Ki-tô khi tìm hiểu Phật giáo tại Việt Nam thì đã gặp một cuốn sách viết về Phật giáo bằng chữ Hán, tên là *Tâm Đẳng*, xuất bản năm Canh Tý, 1720, không biết là ai viết, nhưng chắc là một nhà nho. Tôi xin phép trích một đoạn văn, để thấy người ta áp dụng vào Phật giáo cái tư tưởng về vũ trụ quan âm dương, bát quái, của người Tàu như thế nào. Khi muốn giải thích hai chữ *Nam-mô* (chữ Hán viết là *Nam vô*), thì tác giả viết như sau :

« Nam giả thiên hạ chi thể nhân dã, Vô giả thượng đĩnh hư không phật dã, hựu Nam giả thị phạm phu viết thử ngạn dã, Vô giả thị chư phật xưng vi bỉ ngạn ; cổ viết : Nam Vô nghĩa dã, hựu thiên phù, viết Nam địa tải, viết Vô đầu địa, viết Nam đĩnh lễ, viết Vô đầu điển thần, xưng vi Nam, đầu liên khô thần, xưng vi Vô, Nam vi thiên phù, Vô vi địa tải, Nam vi phụ, Vô vi mẫu, Nam vi thủy, Vô vi hỏa, Nam vi tâm, Vô vi tính, Nam vi tinh phụ, Vô vi tính mẫu (hay là : huyết mẫu ?), Nam vi khảm, Vô vi ly, Nam âm, Vô dương, Nam càn, Vô khôn, Nam vi nhật, Vô vi nguyệt, Nam vi thể, Vô vi dụng, Nam vi sắc thân, vô vi pháp thân, cổ viết nội ngoại, nam vô, thiên địa, nhất thiết tâm tính, thể dụng, kim cương, âm dương, càn khôn, nhật nguyệt, thủy hỏa, phụ mẫu, nam nữ, tinh huyết, khảm ly, sắc pháp, nội ngoại, bản thân nhược liễu » (Viện Hán Nôm, Hà Nội, mã số A-2481, trang 9b).

Thú thực là đọc xong đoạn đó và đọc tiếp nữa, tôi chịu, không biết tác giả hiểu *Nam mô* hay *Nam vô* ra sao. Cúi xin các bậc cao minh chỉ dẫn.

[15] Riêng người công giáo Việt Nam thì tuy rằng có dùng một vài cuốn sách giáo lý bằng chữ Hán mà các giáo sĩ Tây phương đưa từ bên Tàu sang, nhưng ngay từ đầu thế kỷ XVII thì đã dùng thẳng chữ Nôm để viết sách về tư tưởng đạo giáo, kinh sách, thơ văn, và đã có một tủ sách chữ Nôm khá quan trọng (hơn một trăm cuốn, tàng trữ tại Paris, trong Thư viện Quốc gia và nhất là trong Văn khố Hội thừa sai nước ngoài (Missions Etrangères de Paris), có cả văn xuôi lẫn văn vần ; sau này một phần đã được phiên âm ra chữ quốc ngữ.

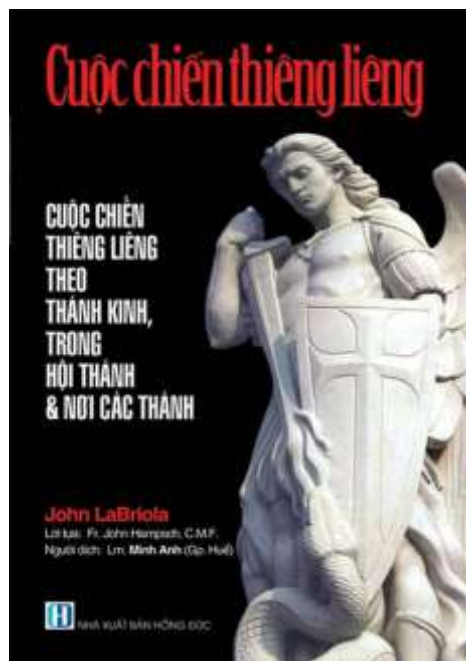
[16] *Croyances et Pratiques ...*, t. III, EFEO, MCMLVII, trang 205.

[17] Người Việt dùng chữ « có », đặt sau danh từ để nói về sự vật thuộc về cái mình gọi đó, ví dụ : cây đa có thần; và dùng chữ « có » trước danh từ để nói lên rằng cái đó « có thực », ví dụ : có thần trong cây đa. Trong hai trường hợp, người Tàu cũng dùng chữ « hữu » như thế.

[18] Xem : Trần Văn Toàn, « Le problème de la Philosophie au Vietnam », đăng trong : *Approches – Asie*, Université de Nice-Sophia Antipolis, số 15, 1997, trang 17-31.

VỀ MỤC LỤC

CUỘC CHIẾN THIÊNG LIÊNG THEO THÁNH KINH, TRONG HỘI THÁNH & NƠI CÁC THÁNH - ONWARD CATHOLIC SOLDIER



Chương 2

CUỘC CHIẾN HOÀNH HÀNH

Đức Giêsu đáp: “Anh em hãy coi chừng, đừng để ai lừa gạt anh em, vì sẽ có nhiều kẻ mạo danh Thầy đến nói rằng: ‘Chính Ta đây là Đấng Kitô’, và họ sẽ lừa gạt được nhiều người. Anh em sẽ nghe có giặc giã và tin đồn giặc giã; coi chừng, đừng khiếp sợ, vì những việc đó phải xảy ra, nhưng chưa phải là tận cùng. Quả thế, dân này sẽ nổi dậy chống dân kia, nước này chống nước nọ. Sẽ có những cơn đói kém và những trận động đất ở nhiều nơi. Nhưng tất cả những sự việc ấy chỉ là khởi đầu các cơn đau đớn” (Mt 24, 4-8).

Dường như phạm vi ảnh hưởng và cường độ của cuộc chiến thiêng liêng trong thế giới hôm nay đang gia tăng một cách rõ rệt. Hẳn một phần trách nhiệm có thể quy cho Satan vì sự bất tuân và khinh thị Thiên Chúa của nó, nhưng đằng khác, một phần cũng do trách nhiệm của những ai theo Người. Vì thế,

buộc tội Satan mà không nhìn kỹ vào chính mình vẫn là không trung thực và tự phụ. Bước đầu để trở nên một chiến sĩ thiêng liêng mạnh mẽ là nhận ra sự yếu đuối của bạn.

Đừng bao giờ chiến đấu với ma quỷ như thể nó là một cái gì hoàn toàn dấy lên bên ngoài con (Thánh Augustinô).

Trước hết, con hãy thanh tẩy chính mình khỏi tội, chạy trốn khỏi gông cùm của Satan; rồi sau đó, nói đến Thiên Chúa (Thánh Catarina Siêna).

Không phải ma quỷ đóng đinh Đức Giêsu; chính con đã đóng đinh Ngài và vẫn đang đóng đinh Ngài khi con vui thỏa trong nét xấu và tội lỗi (Thánh Phanxicô Assisi).

Trong Hội Thánh hôm nay, quá nhiều người dè dặt khi nói đến chân lý, cách riêng khi nhìn nhận thực tại hiện hữu của Satan. Sự im lặng này chỉ giúp Satan bành trướng vương quốc của nó mà thôi. Bằng nhiều cách, sức mạnh tương đối của Satan có thể trực tiếp liên quan đến sự

sợ hãi và yếu đuối chung của các Kitô hữu trong việc họ sống và rao truyền đức tin của mình.
Ví dụ:

Niềm tin vào Bí tích Thánh Thể đang giảm sút; vậy mà bí tích này ẩn tàng quyền năng và sự hiện diện của Chúa Giêsu Kitô: Thịt, Máu, Linh hồn và Thần tính. Chính Thiên Chúa đang hiện diện ở đây, ngay lúc này; ấy thế, nhiều người nhún vai. Máu Ngài là máu cứu độ; Thịt Máu Ngài là sức mạnh vô song. Satan sẽ nản lòng khi một linh hồn được nuôi dưỡng và trở nên mạnh mẽ bằng việc rước Thánh Thể.

Thánh Thể là một trong những động lực chính của sự thánh thiện nơi các thánh tử đạo, các vị tuyên tín và các thánh đồng trinh. Bởi lẽ, đó chính là suối nguồn can đảm và sức mạnh đầu tiên giúp họ vượt thắng thế gian, xác thịt và ma quỷ (Chân Phước Louis Granada).

Ở đâu có máu của Đức Giêsu, ở đó ma quỷ trốn chạy và các thiên thần quy tụ lại (Thánh Gioan Kim Khẩu).

Từ bàn tiệc Thánh Thể, hãy lên đường; như sư tử phà lửa, ma quỷ phải khiếp sợ (Thánh Gioan Kim Khẩu).

Một cách tương đối, không mấy Kitô hữu biết hưởng nhờ ơn ích của Bí tích Hoà Giải. Vậy mà, bí tích này có đủ năng lực để củng cố ý chí, đồng thời bẻ gãy quyền lực Satan, một quyền lực vốn không có cách nào khác để bẻ gãy. Không sám hối cũng như không dám đi xưng tội, bạn không chỉ mở rộng cửa cho Satan nhưng còn để nó soi đường nữa. Nếu bạn ngã, hãy chỗi dậy. Nếu lỡ tha hiệp, ý chí bạn có thể trở nên mạnh mẽ bởi ân sủng được ban ngang qua Bí tích Hoà Giải.

Ma quỷ chỉ có một cửa đi vào; với linh hồn con, cửa đó được gọi là ý chí. Không có cửa nào bị che khuất cả (Thánh Piô Pietrelcina).

Ma quỷ không bao giờ giang vút vồ chụp một ai cho đến khi nó thấy người ấy nằm sóng soài trên đường; ý chí họ đã gục ngã (Thánh Tôma More).

Với một vài người, phụng vụ của Hội Thánh đã rời xa cái siêu phàm so với cái thế tục. Những việc phải làm riêng tư của họ dẫn đến những lạm dụng mang tính phụng vụ; thế tục thay cho thiêng thánh. Sự bối rối kéo theo dẫn đến xa cách, tội lỗi và gương xấu gương mù - là tất cả thương hiệu của quỷ dữ. Chỉ khi nào bạn thờ phượng Thiên Chúa như cách thức Hội Thánh quy định, bạn mới được vững mạnh trong đức tin và trong cuộc chiến chống lại ma quỷ.

Hiện nay, sự thánh thiện của điều thiêng đang bị coi thường; vẻ uy nghi của việc thờ phượng Thiên Chúa không chỉ bị chê bai nhưng còn mất tính thiêng thánh và bị nhạo báng bởi những người tội lỗi. Từ chỗ này, giáo lý đúng đắn bị hiểu sai và rõ ràng, mọi lệch lạc lan tràn (Giáo Hoàng Grêgôriô XVI).

Ai thờ phượng Chúa nhân danh Hội Thánh, nhưng cách nào đó, đi ngược những gì Hội Thánh dạy theo năng quyền thông thường của mình, người ấy lạc đạo (Thánh Tôma Aquinô).

Tôi tin chắc rằng, những khủng hoảng của Hội Thánh mà chúng ta trải qua hôm nay phần lớn là do sự không đồng nhất về phụng vụ (Hồng Y Joseph Ratzinger).

Ngày nay, cả trong Giáo Hội, nguy cơ tục hoá tai hại có thể biến việc tôn thờ Thánh Thể dù vẫn rất trang trọng nhưng lại rỗng tuếch trong các buổi cử hành khi thiếu sự tham dự của con tim vốn được bộc lộ qua việc tôn kính và trân trọng luật phụng vụ (Giáo Hoàng Bênêđictô XVI).

Đức Maria, Mẹ rất thánh, bị xếp vào hạng tranh tượng nghệ thuật. Vậy mà chính lời “Xin vâng” của ngài chống lại tiếng “Không” của Eva, tiếng “Xin vâng” đó đối nghịch lời “Tôi không làm” của Satan. Satan thù ghét và sợ hãi Đức Maria hơn cả mọi tạo vật vì sự khiêm hạ của ngài. Đơn sơ, khiêm tốn, Đức Maria rất thánh đánh bại Satan và binh lực của nó với chỉ một lời. Kiêu ngạo và tự phụ của Satan vượt quá quyền hạn của nó. Nó thực sự khiếp sợ khi đến gần Đức Maria và con cái ngài.

Ai hững hờ với Đức Maria, sẽ chết trong tội của mình (Thánh Bonaventura).

Ôi Mẹ Cao Sang, khi linh hồn con được giải thoát khỏi sự giam cầm của xác thịt, xin Mẹ cầu bầu cho con dễ dàng vượt qua mọi mưu chước quỷ dữ (Thánh Gioan Đamascene).

Ma quỷ run sợ khi vừa nghe danh thánh Đức Maria (Thánh Alphonsô Liguôri).

Các hình thức đạo đức truyền thống như chuỗi Mân Côi giờ đây xem ra chỉ còn là biểu tượng thời trang hơn là để cầu nguyện, thậm chí còn bị nhạo báng là lạc hậu và mê tín. Vậy mà yêu mến Đức Maria với tràng hạt là một phương tiện mạnh mẽ để được ngài chở che. Nó còn là lối an toàn vững chắc dẫn đến thiên đàng, con đường mà các thánh và các đấng tử đạo đã đi.

Thật dễ dàng để thấy rằng, nhiều người đã ngấm phải độc tố của hoả ngục cũng như đã bị mê hoặc bởi Satan. Không ai có thể lên án lòng sốt sắng với chuỗi Mân Côi mà không lên án luôn tất cả những gì thánh thiêng nhất trong đức tin công giáo (Thánh Louis Monfort).

Nếu con trung thành đọc kinh Mân Côi cho đến chết, ta bảo đảm với con rằng, dù tội con nặng đến đâu, con vẫn nhận được triều thiên vinh quang không bao giờ phai (Thánh Louis Monfort).

Chuỗi Mân Côi là vũ khí của tôi (Thánh Piô Pietrelcina).

Các vật thánh như áo Đức Bà, xương thánh, ảnh tượng thánh, nước thánh, muối thánh, .v.v.. xem ra đã mất hết vẻ uy nghi. Chúng được xếp trên chiếc kệ cao nhất của một tủ đứng áp tường hiếm khi dùng đến. Chúng được coi như những gì sót lại của một kỷ nguyên đã qua. Vậy mà những vật thánh ấy vẫn khiến Satan sợ hãi. Đó là những vật có thể làm cho ý chí bạn mạnh mẽ và tha các tội nhẹ.

Bất cứ ai mang áo Đức Bà sẽ không chịu khổ trong lửa đời đời (Lời Đức Mẹ nói với thánh Simon Stock).

Phép lành Giám mục, nước thánh, bất cứ loại dầu thánh nào hoặc lời nguyện chuyên dụng của Hội Thánh đều có hiệu năng tha thứ các tội nhẹ, bên trong lẫn bên ngoài (Thánh Tôma Aquinô).

Niềm vui của con khi đón nhận các xương thánh tương đồng với những đón đau các ngài đã chịu, các ngài lia bỏ chúng và gửi đến con. Đừng bàn cãi cũng đừng nghi ngờ. Ở đây, con đã có một anh hùng bất khả chiến bại. Các xương cốt này được chia sẻ từ cuộc chiến của một linh hồn thánh thiện chiến đấu cho Đức Giêsu. Ngài sẽ dùng các xương này làm vương miện đội lên đầu các linh hồn đó trong ngày ân thưởng (Thánh Basiliô Cả).

Vậy mà những ai gấn bó và khuyến khích các giá trị đạo đức theo truyền thống công giáo này lại bị giễu cợt như là chưa giác ngộ và lạc hậu. Các chân lý Phúc Âm không còn được đón nhận và trong vài trường hợp, trở nên bất hợp pháp. Cuộc tấn công của Satan vào những ý niệm hôn nhân và gia đình theo truyền thống Thánh Kinh thật tàn khốc vì nó biết rằng, nếu có thể định nghĩa lại hôn nhân và phá vỡ gia đình, nó có thể huỷ diệt xã hội... đang khi một tiến trình đúng đắn chỉ có thể đạt được khi phù hợp với ý muốn của Thiên Chúa.

Một xã hội mất trật tự là kết quả của việc mất trật tự trong các gia đình (Thánh Angela Merici).

Suy đồi đạo đức kéo theo suy đồi xã hội (Chân Phước Giáo Hoàng Gioan Phaolô II).

Cách tự nhiên, khủng hoảng gia đình cho thấy một thách đố lớn lao cho Giáo Hội khi đặt lại vấn đề thủy chung vợ chồng và hơn thế nữa, các giá trị đạo đức mà trên đó, xã hội đặt nền móng (Giáo Hoàng Bênêđictô XVI).

Bác ái được quảng bá như một cái gì trở nên bất lợi cho chân lý, chẳng hạn việc ly thân vợ chồng. Yêu thương người khác được thay thế bằng việc chấp nhận họ như thể điều lành đúng đắn nhất là chịu đựng. Yêu mình được coi như giáo điều, còn yêu Chúa thì tùy lựa chọn của mỗi người. Sự kính trọng và lòng hiếu trung được thay thế bằng sự thân tình và lễ thường. Gương mù gương xấu và sự bất đồng quan điểm ngăn cản một số người nói lên điều gì là đúng, điều gì là chân thật. Vậy mà chân lý không bao giờ thay đổi. Một số người không ý thức bước theo con đường làm lạc quân thù mở ra cho họ đang khi lẽ ra họ phải đi theo con đường dẫn đến chân lý.

Linh hồn nào muốn tận hưởng ơn ích trong đời sống thiêng liêng phải luôn luôn đi ngược với con đường kẻ thù vạch sẵn (Thánh Ignatiô Loyola).

Không ai trên trần gian này có thể thay đổi chân lý. Những gì chúng ta có thể làm là tìm kiếm và sống chân lý (Thánh Maximilian Kolbê).

Đang khi có những kẻ cho rằng, gương xấu là một tội thuộc đời sống thiêng liêng tương đương với tội giết người thì những ai gây nên gương xấu, những kẻ để gương xấu huỷ hoại đức tin lại mang tội tự sát thiêng liêng (Thánh Phanxicô Salêsiô).

Thông thường, khiêm tốn, kính sợ Chúa, nhiệt tâm với các linh hồn, .v.v.. được coi như những nhân đức lạ thường của một thời đại xa xưa thay vì được coi như những hoa trái và quà tặng của Thánh Thần. Thế mà chính những nhân đức này là những gì thiết yếu nhất cho bạn nếu bạn muốn bắt chước Đức Giêsu và rao giảng Tin Mừng của Ngài cho thế giới. Mọi Kitô hữu, cách riêng những ai áp ủ ơn gọi của mình như một chiến sĩ thiêng liêng, cần đến mỗi một quà tặng và ân sủng này biết bao.

Những lúc phải thương tích trong cuộc chiến thiêng liêng, thực hành khiêm tốn là một điều tuyệt đối cần thiết (Thánh Phanxicô Salêsiô).

Không của lễ nào đáng Chúa chấp nhận hơn lòng nhiệt thành vì các linh hồn (Giáo Hoàng Grêgôriô Cả).

Trong cuộc chiến thiêng liêng, cần thiết biết bao một lòng dũng cảm! (Thánh Têrêxa Avila).

Đừng sợ ma quỷ. Với lòng kính sợ Chúa, con sẽ thắng nó, nó không có quyền gì cả (Trích trong *The Shepherd of Hermas*).

Đau khổ và linh thánh xem ra chẳng ích gì trong thế giới hậu hiện đại của những chọn lựa tức thời và những thái độ thiếu kiên trì. Bởi một hành động thoái thác trách nhiệm của con người, Ngài bị loại trừ và đó là đau khổ cùng với cách thức Ngài chịu đựng nó vì phần rỗi nhân loại. Đau khổ của Ngài mở ra những dòng thác ân sủng và lòng thương xót. Hiệp thông với bao thống khổ của Ngài, những gì bạn chịu đựng cho phép bạn uống lấy dòng nước ân sủng và lòng thương xót đó. Hãy ôm lấy thánh giá, giương cao nó khi bạn xông vào cuộc chiến.

Để đến với Chúa, phải đau khổ. Chân lý này thường bị lãng quên (Thánh Madeleine Sophia Barat).

Hơn bất cứ điều gì khác, chính đau khổ dọn đường cho ân sủng đến biến đổi linh hồn. Vì sự cứu độ thế giới, Hội Thánh cảm nhận sự cần thiết phải nhờ đến các giá trị của đau khổ (Chân Phước Giáo Hoàng Gioan Phaolô II).

Ân sủng và quà tặng cao cả nhất của Thánh Thần mà Đức Kitô trao lại cho con cái Ngài là chiến thắng bản thân, sẵn sàng chịu đau khổ, tổn thương, xúc phạm và ưu phiền vì tình yêu Ngài (Thánh Phanxicô Assisi).

Tất cả mọi lý do đưa đến việc coi thường những gì thiêng thánh trên đây đã mở rộng cửa cho Satan. Cửa mở là cửa mời tên trộm linh hồn đột nhập. Cửa đóng là cánh cửa đơn sơ, vậy mà thật hiệu quả trong việc chống lại nó. Cánh cửa đóng cho phép bạn giữ lấy ân sủng Thiên Chúa và đáp trả theo ý muốn Người. Cánh cửa đóng giữ lại ân sủng ở trong linh hồn, mặc cho ma quỷ bên ngoài.

Một khi được nhận biết và được chấp nhận, chân lý sẽ đóng cửa linh hồn. Chân lý đơn sơ đầu tiên là nhận thức Satan có thật, nó muốn giết chết linh hồn bất tử của bạn. Không lý do gì để sợ hãi, không lý do gì để giả vờ không biết, không lý do gì để chối nhận những gì là thật. Hãy mang sự thật ra ánh sáng. Cuộc chiến toàn thắng, chiến thắng thuộc về Thiên Chúa và bạn được giải thoát khỏi quyền lực bóng tối. Đừng nản lòng, bạn được hỗ trợ trên mọi nẻo đường. Bạn không lẻ loi. Nhiều Kitô hữu vẫn trung thành với Giáo Hội và các truyền thống thánh thiện của Giáo Hội. Nhiều người sẵn sàng hiến thân vì những cam kết từ Bí tích Rửa Tội đã tham chiến chống lại tội lỗi và sự dữ. Giờ đã đến, bạn là chiến sĩ.

Nhu cầu lớn nhất hiện nay của Giáo Hội là gì? Chúng ta đừng ngạc nhiên với câu trả lời của mình, cũng đừng khờ khạo loại bỏ nó hay thậm chí cho là mê tín dị đoan: một trong những nhu cầu lớn lao nhất của Giáo Hội hiện nay là chống lại sự dữ, điều mà chúng ta gọi là ma quỷ (Giáo Hoàng Phaolô VI).

Chúng ta đang đứng trước một cuộc đối đầu lịch sử lớn lao nhất mà nhân loại đã và đang trải qua. Tôi không nghĩ những phạm vi hoạt động rộng lớn của xã hội Hoa Kỳ cũng như bao phạm vi hoạt động lớn lao của Kitô Giáo nhận ra điều này một cách đầy đủ. Chúng ta đang chứng kiến cuộc chạm trán chung kết giữa Hội Thánh và thế lực Chống Lại Hội Thánh, giữa Tin Mừng và Đối Nghịch với Tin Mừng (Hồng

Y Karol Wojtyła).

Còn tiếp nhiều kỳ

LTS. Lm. Minh Anh, TGP Huế có một tài sản rất lớn và quý báu, đồng thời sẵn sàng trao tặng cho bất cứ ai muốn nhận, đó là 13 bản dịch của những tác phẩm uy tín và giá trị. Quý vị có thể chọn lựa tên tác phẩm và xin nhận qua email bằng file, hoặc tham khảo tại đây (tải về máy dễ dàng):

<http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=module2&id=69>

CUỘC CHIẾN THIÊN LIÊNG THEO THÁNH KINH, TRONG HỘI THÁNH & NƠI CÁC THÁNH - ONWARD CATHOLIC SOLDIER

“Đừng sợ những mưu chước, những công kích của ma quỷ, kẻ có thể đến cướp phá và chiếm cứ thành phố linh hồn con. Không, đừng sợ, nhưng hãy như những chiến sĩ đang dàn quân trên mặt trận, võ trang bằng thanh kiếm đức ái của Thiên Chúa. Thanh kiếm này là ngọn roi quất vào chúng” (Thánh Catarina Siena). [...File kèm ▶](#)

Tìm Kiếm và Giữ Lấy Bình An - Searching for and Maintaining Peace

Cần biết rằng, con đường dẫn đến Thiên Chúa, dẫn đến sự trọn lành mà Thiên Chúa đòi hỏi nơi chúng ta thì ngắn hơn, hiệu năng hơn và thật hiển nhiên, dễ dàng hơn khi chúng ta học biết dần dần cách thức giữ lấy bình an thắm sâu trong tâm hồn ở bất cứ hoàn cảnh nào. Vì lẽ, lúc bấy giờ, tâm hồn đã phó mặc cho sự dẫn dắt của Thánh Thần, và với ân sủng của Người, Thiên Chúa có thể hành động nhiều hơn những gì mà tâm hồn có thể thực hiện bằng sức riêng của mình. [...File kèm ▶](#)

TỰ DO NỘI TÂM - La Liberté intérieure (Jacques Philippe)

Cuốn sách này nói đến chủ đề nền tảng của đời sống Kitô giáo: tự do nội tâm. Mục đích của nó thật rõ ràng. Mọi Kitô hữu cần khám phá ra rằng, ngay trong những hoàn cảnh bên ngoài bất ưng nhất, bên trong chúng ta vẫn có một khoảng không tự do mà không ai có thể lấy đi, bởi Thiên Chúa là nguồn mạch và là bảo chứng của tự do đó. Không có khám phá này, chúng ta sẽ luôn luôn bị giới hạn cách nào đó và sẽ không bao giờ nếm hưởng được hạnh phúc đích thực. Nhưng nếu chúng ta học cách để cho khoảng không tự do nội tâm này mở ra, thì dù cho bao điều làm chúng ta đau khổ, vẫn không gì thực sự có thể đàn áp hay nghiền nát chúng ta. [...File kèm ▶](#)

CẨM NANG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH KITÔ CỦA D. WAHRHEIT

CẨM NANG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH KITÔ của **D. Wahrheit** được hiệu đính từ một tập sách rất khó đọc dạng ronéo. Sau một thời gian dài tìm tác giả cũng như người dịch, tôi được Đức Ông Phêrô Nguyễn Văn Tài, Giám Đốc Đài Chân Lý Á Châu, cho biết: các sách có tên tác giả D. Wahrheit là những tác phẩm của Đài Chân Lý Á Châu đã phát thanh, được thính giả ghi lại trong thời gian khó khăn khi chưa có internet (D: Đài; Wahrheit: Chân Lý); và nay, được phép ngài cho phổ biến, tôi chân thành giới thiệu tập sách bổ ích **CẨM NANG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH KITÔ** này cùng các bạn trẻ, cách riêng những bạn trẻ sắp bước vào đời sống hôn nhân. Lễ Thánh Monica, 27.8.2009. Lm. Minh Anh (Gp. Huế) [...File kèm ▶](#)

Thầy Dạy Khát Khao - Le Maître du désir

Con người muốn sống. Con người được tạo dựng để sống. Không chỉ tự nhiên tìm cách bảo tồn sự sống, nhưng chúng ta còn muốn phát triển nó, làm cho cuộc sống của mình hạnh phúc hơn, tươi đẹp hơn, thanh cao hơn, mạnh mẽ hơn; tắt một lời, sống động hơn. “Vì chưng, gánh nặng nề nhất là tồn tại mà không sống” (Victor Hugo). Sống có ý nghĩa gì nếu không có niềm vui sống? [...File kèm ▶](#)

HOA TRÁI THINH LẶNG - Thoughts in Solitude

Những lời ghi chép trong tập này được viết vào những năm 1953 và 1954 vào thời điểm mà tác giả, nhờ ân sủng của Thiên Chúa và nhờ sự rộng lượng của các Bề Trên, có thể tận dụng những cơ hội đặc biệt dành cho việc tĩnh tâm và suy niệm; từ đó, mới có đề tựa tập sách như trên. Điều này không muốn nói rằng, những lời ghi chép đó mang tính chủ quan hay tự thuật. Chúng không hề được nhắm đến như một tường trình về những cuộc phiêu lưu tinh thần. Đối với tác giả, không có cuộc phiêu lưu nào để viết, và nếu có, nó cũng sẽ không phó mặc cho việc in ấn trong bất kỳ trường hợp nào. Đây chỉ là những suy tư về đời sống chiêm niệm, những hiểu biết bằng trực giác mà dường như có một tầm quan trọng cơ bản vào một lúc nào đó trong quá khứ. [...File kèm ▶](#)

Một Quan Điểm Công Giáo về Tác Phẩm Sống Theo Đúng Mục Đích - “A Catholic Perspective on The Purpose Driven Life”

Là một linh mục Công giáo Rôma, từ hơn 50 năm nay, tôi vẫn thường lướt qua những phim ảnh và những cuốn sách được yêu chuộng như là nguồn tài liệu khả dĩ có thể sử dụng cho việc giảng dạy và viết lách. Sự hiểu kỳ đó đã dẫn tôi đến với quyển sách của Mục sư Rick Warren.

[...File kèm ▶](#)

Sống Theo Đúng Mục Đích - The Purpose-Driven Life

Ngày nay, ta biết quá nhiều thứ, nhưng lại ít biết về chính mình, theo đuổi nhiều thứ nhưng không biết cái gì là chính. Ta quay cuồng và bị lôi kéo, bị xô đẩy giữa biết bao khuynh hướng, trào lưu mà không biết đi về đâu. Biết mình, biết mục đích đời mình và sống đúng mục đích, điều quan trọng bậc nhất trong đời sống này sẽ giúp đời sống ta thay đổi, có ý nghĩa và triển nở đến vô tận. (TGM Giuse Ngô Quang Kiệt, giới thiệu) [...File kèm ▶](#)

BÀI CA CỦA BÌNH MINH - THE SONG OF THE DAWN

Người ta có thể ngạc nhiên khi những ý tưởng sâu sắc lại được tìm thấy trong những tác phẩm thi ca của các nhà thơ hơn là của các triết gia; bởi lẽ, nhà thơ vận dụng hết mọi nỗi niềm và khai thác tối đa khả năng tưởng tượng. Như đá lửa, trong chúng ta, có những hạt giống của ánh sáng. Qua lý trí, triết gia khơi dậy chúng, đang khi nhà thơ làm cho chúng chiếu toả rạng ngời hơn nhờ đặc ân tưởng tượng. Descartes, Cogitationes Privatae [...File kèm ▶](#)

ĐI TRÊN NƯỚC - WALKING ON WATER

Cầu nguyện, yêu thương, đời sống tinh thần, đời sống đạo đức sắp giải thoát bạn khỏi những ảo giác. Một khi đời sống đức tin triển nở, thật tuyệt vời, tuyệt vời! Nhưng khi nó trệch hướng, thì đó là bệnh hoạn, một dịch tễ phải tránh. Khi ảo giác rơi rụng, con tim không còn bị tắc nghẽn, tình yêu sẽ nở hoa. Đó cũng là lúc hạnh phúc chợt đến và bắt đầu có sự đổi thay. Và rồi, chỉ khi đó, bạn mới biết Thiên Chúa là ai... [...File kèm ▶](#)

TAKING FLIGHT - BAY LÊN ĐI!

Đã một thời, Tony de Mello, một linh mục dòng Tên dạy hàng thiêng liêng không ngừng đánh động tâm hồn bao người khắp năm châu; bởi lẽ, ngài quá yêu đời, yêu cuộc sống - một cuộc sống thực tế, sôi nổi và tràn đầy niềm vui. Những chuyện kể đầy mê hoặc, đầy nhiệt huyết, đậm nét hài hước và những hiểu biết sâu sắc của ngài về bí quyết hạnh phúc, về việc khám phá bản ngã đích thực của mỗi người - tất cả đã tạo nên một tác động đầy phấn khích cho bất cứ ai đã từng nghe ngài. Ngài đến cho những tâm hồn được giải thoát, cho người vô cảm biết yêu thương, đem ý nghĩa cho tất cả những gì làm nên một nẻo đường thiêng liêng trên đó bao người đang tiến bước. [...File kèm ▶](#)

SADHANA - MỘT NẸO ĐƯỜNG DẪN TỚI THIÊN CHÚA - Linh Thao Kitô Giáo Theo Lối Đông Phương

Nguyên bản tiếng Anh chúng ta đang có là Sadhana toàn tập, không rút gọn, như tác giả đã lưu ý (complete and unabridged). Vì thế, bạn sẽ có một bản dịch đầy đủ. Ước mong sao, chúng ta cùng khám phá những chiều kích mới mẻ của kho tàng hiểu biết và tinh thần bên trong chính mình, qua việc ý thức đem *toàn thể* con người - thân xác, linh hồn, con tim, lý trí, ký ức và tưởng tượng - đi vào cầu nguyện, đi vào chiêm ngắm Đấng đang ngự ở đó. [...File kèm ▶](#)

HUẾ CỔ VẾT TÍCH ĐẠO VÀ ĐÒI

“**Vestiges Religieux et Profanes du Vieux Hué**” của Cố Ngôn (J. B. Roux) được chuyển dịch như một đóng góp nhỏ nhân dịp Kỷ Niệm 15 Năm Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II tôn phong 117 Hiển Thánh Tử Đạo Việt Nam (1988-2003) với tựa đề “Vết Tích Chứng Nhân Đức Tin Của Huế Cổ”. Nay, nhân Kỷ Niệm 20 Năm Tôn Phong Các Thánh Tử Đạo Việt Nam (1988-2008), một lần nữa tập sách được tái bản với đề tựa mới, “Vết Máu Trên Huế Cổ”.

[...File kèm ▶](#)

VỀ MỤC LỤC

TÂN PHÚC ÂM HÓA BẢN THÂN TU SĨ - TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC

Phần Một

TÂN PHÚC ÂM HÓA BẢN THÂN TU SĨ

B. TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC

Tất cả mọi sự đều có tiến trình của nó, và phải tiệm tiến đi như thế trong trật tự, đi sai nhịp là sẽ bị đảo lộn, rối tung lên và có nguy cơ thất bại. Ơn gọi cũng thế, không thể đòi hỏi anh em mới vào Dòng phải giống như anh em sắp ra trường, cũng như không thể chấp nhận anh em năm cuối mà cũng dậm chân tại chỗ như khi mới vào. Vì thế, việc nói về tiến trình sống ơn gọi này hữu ích không phải chỉ riêng cho các anh em mới bắt đầu, mà cả những anh em lớp lớn, và thậm chí cả những người đã chịu chức vẫn còn cần thiết để sống tốt và thành công trong đời sống và sứ vụ ơn gọi của mình cho đến cùng.

Sống tiến trình ơn gọi năm bước này là một công trình hợp tác của mọi thành phần Giáo Hội với ơn Chúa. Nhưng việc đầu tiên phải làm là cầu nguyện, vì việc theo đuổi ơn gọi là điều Chúa muốn chứ không phải con người muốn mà thành. Chính Chúa Giêsu đã cầu nguyện suốt đêm cùng Chúa Cha trước khi chọn 12 tông đồ từ giữa các môn đệ: “*Trong những ngày ấy, Đức Giê-su đi ra núi cầu nguyện, và Người đã thức suốt đêm cầu nguyện cùng Thiên Chúa. Đến sáng, Người kêu các môn đệ lại, chọn lấy mười hai ông và gọi là Tông Đồ*”¹. Và cũng chính Chúa Giêsu dạy phải cầu nguyện cho có thêm thợ gặt, như thánh Luca viết: “*Lúa chín đầy đồng mà thợ gặt lại ít. Vậy anh em hãy xin chủ mùa gặt sai thợ ra gặt lúa về*”²; còn thánh Matthêu thì nói chi tiết hơn: “*Đức Giê-su thấy đám đông thì chạnh lòng thương, vì họ làm than vất vưởng, như bầy chiên không người chăn dắt. Bấy giờ, Người nói với môn đệ rằng Lúa chín đầy đồng, mà thợ gặt lại ít. Vậy anh em hãy xin chủ mùa gặt sai thợ ra gặt lúa về*”³. Giáo Hội cầu nguyện, Giáo phận cầu nguyện, Hội Dòng cầu nguyện, giáo xứ cầu nguyện, gia đình cầu nguyện, những người thân quen cầu nguyện, nhất là chính ứng sinh cầu nguyện để mình được Chúa thương chọn gọi: “*Dạ, con đây, xin sai con đi*”⁴.

Việc thứ hai là phải vun trồng và bảo vệ ơn gọi: phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ơn gọi được triển nở, phải cất đi hay tránh xa những môi trường, những mối quan hệ gây hại cho ơn gọi, nhất là các tương quan với người khác phái trong thế giới tục hóa và hưởng thụ hôm nay.

1. BƯỚC THỨ NHẤT: CHÚA GỌI

(Gọi tên con)

Chúa gọi trực tiếp từ trong sâu thẳm cõi lòng hay gián tiếp qua người nọ kẻ kia, hoặc Chúa phối hợp cả hai cách để nói lên kế hoạch yêu thương quan phòng của Chúa cho mỗi người, với từng bối cảnh cụ thể của cuộc sống mỗi người. Ứng sinh trong giai đoạn quan trọng này cần có người đồng hành cùng tìm kiếm và phân định ý Chúa.

Chúng ta thử ngắm nhìn một số ơn gọi điển hình trong Thánh Kinh. Trước hết là câu chuyện **Ơn gọi của cậu bé Samuel**. Chắc anh em đã nhiều lần đọc đoạn sách này: “*Cậu bé Sa-mu-en phụng sự Đức Chúa, có ông Ê-li trông nom. Thời ấy, lời Đức Chúa thì hiếm và thị kiến cũng không hay xảy ra. Một ngày kia, ông Ê-li đang ngủ ở chỗ ông, mắt ông đã bắt đầu mờ, ông không còn thấy nữa. Đèn của Thiên Chúa chưa tắt và Sa-mu-en đang ngủ trong đền thờ Đức Chúa, nơi có đặt Hòm Bia Thiên Chúa. Đức Chúa gọi Sa-mu-en. Cậu thưa: “Dạ, con đây!” Rồi chạy lại với ông Ê-li và thưa: “Dạ, con đây, thầy gọi con.” Ông bảo: “Thầy không gọi con đâu. Con về ngủ đi.” Cậu bèn đi ngủ. Đức Chúa lại gọi Sa-mu-en lần nữa. Sa-mu-en dậy, đến với ông Ê-li và thưa: “Dạ, con đây, thầy gọi con.” Ông bảo: “Thầy không gọi con đâu, con ạ. Con về ngủ đi.” Bấy giờ Sa-mu-en chưa biết Đức Chúa, và lời Đức Chúa chưa được mặc khải cho cậu. Đức Chúa lại gọi Sa-mu-en lần thứ ba. Cậu dậy, đến với ông Ê-li và thưa: “Dạ, con đây, thầy gọi con.” Bấy giờ ông Ê-li hiểu là Đức Chúa gọi cậu bé. Ông nói với Sa-mu-en: “Con về ngủ đi, và hễ có ai gọi con thì con thưa: ‘Lạy Chúa, xin hãy phán, vì tôi tớ Ngài đang lắng nghe.’” Sa-mu-en về ngủ ở chỗ của mình. Đức Chúa đến, đứng đó và gọi như những lần trước: “Sa-mu-en! Sa-mu-en!” Sa-mu-en thưa: “Xin hãy phán, vì tôi tớ Ngài đang lắng nghe”⁵. Ai đã giúp anh em nhận ra lời mời gọi của Chúa?*

Câu chuyện thứ hai là **Tiến trình ơn gọi của Đức Mẹ**⁶: Thiên Chúa đi bước trước sai sứ thần vào nhà trinh nữ và nói: “*Mừng vui lên, hồi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà.*”

1 Lc 6, 12-13.

2 Lc 10, 2.

3 Mt 9,36-38.

4 Is 6, 8.

5 1 Sm 3, 1-10.

6 Lc 1, 26-38.

Thoạt đầu Đức Mẹ băn khoăn: *Nghe lời ấy, bà rất bối rối, và tự hỏi lời chào như vậy có ý nghĩa gì.* Sứ thần liền giải thích: *“Maria, xin đừng sợ, vì bà đẹp lòng Thiên Chúa. Và này đây bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, và đặt tên là Giêsu. Người sẽ nên cao cả, và sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao. Đức Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng vua Đavít, tổ tiên Người. Người sẽ trị vì nhà Giacóp đến muôn đời, và triều đại của Người sẽ vô cùng vô tận.”* Đức Mẹ phản bác lại vì trái với quyết ý và kế hoạch của Mẹ cho cuộc đời mình, cũng như Mẹ nghĩ theo cách tự nhiên của con người: *“Việc ấy làm sao xảy ra được, vì tôi không biết đến việc vợ chồng!”* Sứ thần lại giải thích: *“Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế, Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa.”* Sứ thần còn nêu bằng chứng thuyết phục: *“Kìa bà Élisabét, người họ hàng với bà, tuy già rồi, mà cũng đang cưu mang một người con trai: bà ấy vẫn bị mang tiếng là hiếm hoi, mà nay đã có thai được sáu tháng. Vì đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được.”* Bây giờ Đức Mẹ từ bỏ, hay đúng hơn lụy phục ý muốn và kế hoạch riêng của Mẹ cho ý muốn và kế hoạch của Chúa: *“Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói.”* Chúng ta thấy Thiên Chúa không hành động nghịch lại tự do của con người, mà Ngài cần đến sự ưng thuận tự do của tạo vật của Ngài: Cả trời và đất, cả thiên đàng và trần thế, cả chính Thiên Chúa đều chờ đợi lời đáp trả của Mẹ Maria. Mẹ trở nên mẫu gương cho chúng ta trước lời mời gọi của Chúa. Mẹ có ý muốn và kế hoạch cho cuộc đời của Mẹ. Nhưng một khi thiên sứ giải thích và thuyết phục, Mẹ nhận ra ý muốn và kế hoạch của Chúa trên cuộc đời Mẹ thì Mẹ liền mau mắn lụy phục ý muốn và kế hoạch của Mẹ cho ý muốn và kế hoạch của Chúa. Ai trong chúng ta cũng có ý muốn và kế hoạch riêng cho đời mình, liệu ý muốn và kế hoạch đó có phù hợp với ý muốn và kế hoạch của Chúa cho mình không; và nếu không thì chúng ta có dám lụy phục ý muốn và kế hoạch của mình cho ý muốn và kế hoạch của Chúa không, vì chúng ta chỉ thực sự triển nở và hạnh phúc trong ý muốn và kế hoạch của Chúa cho mình?

Câu chuyện thứ ba là **Ơn gọi của bốn Tông đồ đầu tiên**: *“Một hôm, Đức Giê-su đang đứng ở bờ hồ Ghen-nê-xa-rét, dân chúng chen lấn nhau đến gần Người để nghe lời Thiên Chúa. Người thấy hai chiếc thuyền đậu dọc bờ hồ, còn những người đánh cá thì đã ra khỏi thuyền và đang giặt lưới. Đức Giê-su xuống một chiếc thuyền, thuyền đó của ông Si-môn, và Người xin ông chèo thuyền ra xa bờ một chút. Rồi Người ngồi xuống, và từ trên thuyền Người giảng dạy đám đông. Giảng xong, Người bảo ông Si-môn: “Chèo ra chỗ nước sâu mà thả lưới bắt cá.” Ông Si-môn đáp: “Thưa Thầy, chúng tôi đã vất vả suốt đêm mà không bắt được gì cả. Nhưng vâng lời Thầy, tôi sẽ thả lưới.” Họ đã làm như vậy, và bắt được rất nhiều cá, đến nỗi hầu như rách cả lưới. Họ làm hiệu cho các bạn chài trên chiếc thuyền kia đến giúp. Những người này tới, và họ đã đổ lên được hai thuyền đầy cá, đến gần chìm. Thấy vậy, ông Si-môn sấp mặt dưới chân Đức Giê-su và nói: “Lạy Chúa, xin tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi!” Quả vậy, thấy mẻ cá vừa bắt được, ông Si-môn và tất cả những người có mặt ở đó với ông đều kinh ngạc. Cả hai người con ông Dê-bê-đê, là Gia-cô-bê và Gio-an, bạn chài với ông Si-môn, cũng kinh ngạc như vậy. Bây giờ Đức Giê-su bảo ông Si-môn: “Đừng sợ, từ nay anh sẽ là người thu phục người ta.” Thế là họ đưa thuyền vào bờ, rồi bỏ hết mọi sự mà theo Người”⁷.*

Là những người đánh cá chuyên nghiệp mà suốt cả đêm các ông không bắt được con cá nào, dù là thời gian thuận tiện cho việc đánh bắt, vì ban đêm các phiêu sinh vật nổi lên mặt nước và cá theo đó mà tìm thức ăn. Ấy thế mà khi có Chúa Giêsu ở cùng trên thuyền và vâng lời Ngài, dù Ngài không từng trải nghề cá, các ông được một mẻ cá lạ lùng. Và chính mẻ cá lạ lùng này đã thúc đẩy các tông đồ mau mắn theo Chúa. ĐTC Phanxicô khuyến khích giới trẻ: *“Hãy tin tưởng vào Chúa Giêsu. Chúa luôn luôn ở với chúng ta. Người ở bên bờ của cuộc đời, Người đến gần những thất bại của chúng ta, những yếu đuối của chúng ta, những tội lỗi của chúng ta, để biến đổi chúng”⁸.*

⁷ Lc 5,1-11.

⁸ Trích bài giảng trong chuyến Viếng Thăm Mục Vụ Cagliari Chủ Nhật 22/9/2013.

Lời mời gọi của Chúa thật đa dạng và phong phú, đến như bất ngờ và dường như không thể. Chúng ta có thể kể đến lời mời gọi Matthêu bên bàn thu thuế⁹, Mai-đê-liên gái điếm¹⁰ hay Phaolô bắt đạo¹¹ và bao nhiêu kỳ tích ơn gọi của các thánh, cùng những người mà chúng ta có thể biết được... Nhìn vào câu chuyện đời với những biến cố nổi bật của chính mỗi người chúng ta, thành công hoặc thất bại, thánh thiện hoặc tội lỗi, các nhà đào tạo, nhất là vị linh hướng, có thể giúp chúng ta đọc được dấu chỉ lời mời gọi của Chúa, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp bởi ai đó gợi ý thúc đẩy. Có thể là cha mẹ, cha xứ, thầy xứ, bạn bè... giống như Gioan Tẩy Giả giới thiệu Chúa Giêsu cho hai môn đệ mình, hoặc như Anrê dẫn em mình là Simon, Philipphê dẫn Nathanael đến với Chúa Giêsu... Hôm nay, Chúa vẫn luôn tiếp tục gọi và đổi mới lời mời gọi của Ngài qua từng biến cố cuộc đời của chúng ta, chúng ta đừng để đánh mất cơ hội đáp trả.

Những ngày thường huấn này là cơ hội thuận tiện để mỗi người chúng ta đọc lại lịch sử ơn gọi của mình, và nghiêm túc bắt đầu việc lượng sức để quyết định dứt khoát ơn gọi của mình, càng sớm càng tốt, ích lợi vừa cho bản thân vừa cho Giáo Hội và Nhà Dòng. Dù đã ở trong Dòng một thời gian, lâu mau tùy người, chúng ta cũng vẫn đang tìm hiểu ơn gọi mỗi ngày cho chín chắn hơn, bằng việc kiểm tra chính mình và các ân ban của mình xem có phù hợp với đời sống và sứ vụ tu sĩ linh mục không. Chúng ta phải phân định và đánh giá các ân huệ ấy xem có ăn khớp với kế hoạch chung và nhu cầu của Giáo Hội và Hội Dòng hay không. Dĩ nhiên phải có hòa điệu trong việc sống các ân ban đa dạng ấy mới sống ơn gọi một cách vui tươi hạnh phúc được.

Bên cạnh đó, những người có trách nhiệm đào tạo cũng tìm hiểu và đánh giá để đón nhận và thăng tiến chúng ta, như Chúa Giêsu đã thẩm định ông Nathanael là “*người đích thực, lòng dạ không có gì gian dối*” và đã tiếp nhận ông vào hàng ngũ tông đồ của Chúa¹². Các ngài cũng xem xét tính tình, khả năng, lòng đạo đức, ý hướng và động lực của chúng ta có phù hợp với ơn gọi tu sĩ linh mục không. Trong thư gửi người công giáo Á Nhĩ Lan về những tổn thương đau đớn do nạn lạm dụng tình dục của hàng giáo sĩ, ĐTC Biển Đức XVI qui kết là “*do các thủ tục thiếu sót trong việc ấn định ra tư cách xứng đáng của các ứng viên chức linh mục và cuộc sống tu trì; thiếu sót trong việc đào tạo nhân bản, luân lý, tri thức và thiêng liêng trong các chủng viện và tập viện.*”¹³ Tuy nhiên, cơ hội vẫn chưa đóng lại và chúng ta được mời gọi khẩn trương hơn trong việc học hỏi, trao đổi và linh hướng để quyết định thật sự lật sang trang đời mới trước khi quá muộn, vì *tội thì tha lỗi thì sửa, mỗi vị thánh đều có một quá khứ và mỗi tội nhân đều có một tương lai*. Người chưa phạm lỗi gì chưa chắc đã “bảo đảm” hơn người có lỗi mà đã sửa được và dứt khoát không tái phạm: *tiên cũng có khi đọa, thánh cũng có khi làm*, huống chi là con người mỏng dòn hèn yếu như chúng ta! Đào tạo đích thực boe61n người làm lỗi thành người không còn làm lỗi, biến người xấu thành người tốt, người tốt thành người tốt hơn để đi đến sự hoàn hảo thánh thiện.

Việc phân định ơn gọi này không thể thiếu, dù bước đầu có thể rất may mắn như cậu bé Ba Tây dịp ĐTC Phanxicô đến chủ sự Đại Hội Giới Trẻ Thế Giới lần thứ 28, sau khi vượt qua rào cản nhảy lên xe ĐGH, thì thẩm với ngài: “*Tâu Đức Thánh Cha, con muốn trở thành một linh mục của Chúa Kitô*”. Đức Thánh Cha Phanxicô trả lời: “*Cha sẽ cầu nguyện cho con, nhưng cha xin con cũng cầu nguyện cho cha*”, Ngài cảm động rơi nước mắt và ôm cậu: “*Từ hôm nay, ơn gọi của con được thiết lập*”¹⁴. “Được thiết lập” hôm nay không có nghĩa là được bảo đảm mãi về sau, nhưng phải gìn giữ và phát triển tích cực hơn lên mỗi ngày mới được.

9 Mt 9,9.

10 Ga 8, 2-11.

11 Cv 9, 1-18.

12 Ga 1,35-50.

13 Thư ĐTC Biển Đức XVI gửi Người Công giáo Á Nhĩ Lan, Vatican ngày 20/3/2010.

14 Đó là cậu Nathan de Brito ở Rio de Janeiro trong bộ áo của đội bóng quốc gia Brazil, được Phóng viên CNA thuật lại.

Trong những giờ suy niệm cá nhân trước Thánh Thể, chúng ta hãy tạ ơn Chúa vì đã kêu gọi chúng ta, đồng thời xin cho chúng ta được kiên trì cộng tác với ơn Chúa, dù chúng ta không tốt hơn và nhiều khả năng hơn nhiều anh em đồng tuổi khác, để tỏ rõ tình thương vô điều kiện và quyền tự do chọn gọi của Chúa, như Ngài đã nói: *“Không phải các con chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn các con”*. ĐTC Biển Đức XVI khích lệ hơn 6.000 chủng sinh, những người ao ước trở nên linh mục của Chúa Kitô để phục vụ Giáo Hội và con người, đến từ khắp nơi trên thế giới trong thánh lễ ngày 20/8/2011: *“Các con đã nghe theo tiếng gọi của Chúa Kitô, và được cái nhìn đầy yêu thương của Ngài lôi cuốn. Các con hãy hướng mắt lên Ngài: qua việc Nhập thể, Ngài mang lại cho thế giới mạc khải sau cùng về Thiên Chúa, và nhờ sự Phục sinh, Ngài đã trung thành thực thi lời hứa. Hãy tạ ơn Chúa vì dấu chỉ yêu mến đánh dấu mỗi người trong các con”*¹⁵.

Còn ĐTC Phanxicô trong cuộc gặp các chủng sinh và tập sinh hôm 6/7/2013 nhắc nhở: *“Trở thành linh mục, tu sĩ hay nữ tu, không phải là một lựa chọn chúng ta thực hiện hoàn toàn bằng bản thân mình. Tôi không tin tưởng một chủng sinh, hay một tập sinh nói với tôi ‘Con đã chọn con đường này’. Tôi không thích nói như vậy! Điều đó không đúng. Câu trả lời của chúng ta được kích hoạt bởi một lời mời gọi tình yêu. Đó là một cái gì bạn cảm thấy bên trong. Cái gì đó làm chúng ta không yên. Và bạn đáp trả lại ‘Vâng.’ Xin Mẹ Maria luôn đồng hành nâng đỡ chúng ta.*

1 Xem bài dịch của Cha Tiến in trong website Xuân Bích <http://xuanbichvietnam.wordpress.com/2011/08/20/duc-thanh-cha-voi-chung-sinh/>

VỀ MỤC LỤC

BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT EBOLA

“God save my life”!!

Đó là lời nói đầu tiên của bác sĩ Kent Brantly, 33 tuổi, cư dân của thành phố Forth Worth, Texas, khi rời bệnh viện Emory tại Atlanta ngày 21 tháng 8 năm 2014 sau gần 20 ngày điều trị bệnh Ebola.

Ông và chuyên viên vệ sinh Nancy Writebol là hai người Hoa Kỳ nhiễm bệnh này trong khi tình nguyện chăm sóc người mắc bệnh Ebola tại châu Phi. Cả hai đều làm việc cho tổ chức thiện nguyện Samaritan's Purse được thành lập tại Hoa Kỳ từ thập niên 1800 để giúp đỡ những người nghèo khó, đau ốm, khốn khổ trên thế giới, theo đúng ý của Thiên Chúa

Vì là công dân Mỹ cho nên tin tức về hai bệnh nhân kể trên đã được báo chí, đài phát thanh và truyền hình liên tục loan tin trong gần 2 tháng nhất là sau khi bác sĩ Brantly được điều trị hết bệnh với một loại thuốc đặc biệt.

Trong khi đó, vào cuối tháng 7 năm 2014, một công chức cao cấp Mỹ gốc Liberia là Patrick Sawyer làm việc tại bộ Tài Chánh Liberia bị nhiễm virus Ebola mà không biết. Trên đường trở về Mỹ để tham dự sinh nhật con gái ở Minnesota, ông phải ghé Lagos, Nigeria để tham dự một hội thảo. Khi bước ra khỏi phi cơ, ông té ngã và được đưa vào bệnh viện để điều trị và đã thiệt mạng vì bệnh.

Tới đầu tháng 10, 2014 Thomas Eric Duncan người Mỹ gốc Liberia mắc bệnh Ebola được nhận vào điều trị tại một bệnh viện ở Dallas đã không may mất qua đời dù đã được điều trị với một loại thuốc chống virus đang trong vòng nghiên cứu. Đã có nhiều câu hỏi được nêu ra về cái chết này nhưng chưa được làm sáng tỏ, như là bệnh nhân không có hảo hiểm, uống thuốc đang trong thời kỳ nghiên cứu quá trễ hoặc không cùng loại ZMap, lịch sử bệnh không rõ ràng, đã không khai báo khi nhập cảnh Hoa Kỳ là có tiếp xúc với người mắc bệnh Ebola trong thời gian sống tại Liberia...

Kể từ tháng 3, 2014 cho tới nay, dịch bệnh Ebola tại Tây Phi châu đã gây ra 7500 ca bệnh ở người với 3499 tử vong ở Guinea, Sierra Leone và Liberia.

Các tổ chức y tế trên thế giới kể cả Việt nam đều đặc biệt theo dõi nghiên cứu dịch bệnh và đưa ra những biện pháp phòng ngừa. Riêng CDC Hoa Kỳ đã gửi thêm 50 chuyên viên y tế sang các quốc gia ở Phi châu bị dịch bệnh để giúp kiểm soát bệnh.

Vậy bệnh Ebola là gì mà quan trọng như vậy?

Xin cùng tìm hiểu.

1. Nguyên nhân

Virus gây bệnh được tìm thấy lần đầu vào năm 1976 tại một ngôi làng ven lưu vực sông Ebola, tại quốc gia trước đây là Zaire nay đổi tên thành Cộng Hòa Dân Chủ Congo. Do đó tên Ebola được dùng để chỉ virus gây dịch sốt xuất huyết này.

Nguồn chứa tự nhiên của virus Ebola dường như là những con dơi ăn quả (fruit bat), khi hoặc vượn.

Virus Ebola được xếp vào nhóm A của danh sách các **tác nhân khủng bố sinh học** ([class A bioterrorism agent](#)) vì khả năng gây ra sốt xuất huyết. Sốt này là một trong những bệnh gây tử vong nhiều nhất trên thế giới với tỷ lệ cao tới 90%.

Danh sách này gồm có các tác nhân gây bệnh với đặc tính như sau:

- Dễ dàng phân tán và truyền bệnh từ người sang người;
- Đưa tới tử vong cao và có thể trở thành vấn đề ý tế công cộng;
- Có thể tạo ra hốt hoảng, xáo trộn trong xã hội; và
- Cần các biện pháp y tế công cộng để đối phó.

Các tác nhân khủng bố sinh học gồm có:

- [Anthrax](#) (bệnh Than với vi khuẩn *Bacillus anthracis*)
- [Botulism](#) bệnh ngộ độc thực phẩm với vi khuẩn *Clostridium botulinum*
- [Plague](#) bệnh dịch hạch với vi khuẩn *Yersinia pestis*
- [Smallpox](#) bệnh đậu mùa (*variola major*)
- [Tularemia](#) với vi khuẩn *Francisella tularensis*
- [Bệnh sốt xuất huyết hemorrhagic fevers](#) với virus Ebola

2. Dấu hiệu bệnh

Virus Ebola gây ra Bệnh Sốt Xuất Huyết với các triệu chứng như sốt, nhức đầu trầm trọng, đau cơ bắp, ói mửa, tiêu chảy, đau bụng và chảy máu trong và ngoài cơ thể hoặc bầm da không lý do.

Triệu chứng thường xuất hiện từ 2 tới 21 ngày sau khi tiếp xúc với virus Ebola.

Xét nghiệm máu thường cho biết bạch huyết cầu và tiểu huyết cầu giảm, men gan tăng.

Bệnh nhân bình phục vẫn còn có thể truyền virus trong tinh dịch tới 7 tuần lễ.

3. Cách truyền bệnh

Virus lây lan do **tiếp xúc trực tiếp** giữa các vết thương trên da, niêm mạc mũi, mắt, miệng với máu hoặc chất lỏng như nước tiểu, nước miếng, phân, tinh dịch của người bệnh hoặc đụng chạm tới các vật dụng như kim chích có dính virus Ebola.

May mắn là Ebola **không lan truyền qua không khí, nước uống hoặc qua thức ăn**. Tuy nhiên tại châu Phi, con người có thể nhiễm bệnh trong khi săn bắn, làm thịt hoặc tiêu thụ thịt súc vật bị bệnh.

4. Điều trị

Hiện nay chưa có dược phẩm để điều trị bệnh này. Bệnh nhân thường bị mất nước vì xuất huyết và cần được tận tình điều trị, được tiếp các dung dịch điện giải qua uống hay truyền tĩnh mạch. Nhờ đó nhiều bệnh nhân đã khỏi bệnh sau khi được chăm sóc y tế thích hợp.

Riêng bác sĩ Brantly được đặc biệt chữa với một loại kháng thể ZMapp đang được nghiên cứu thử nghiệm của một công ty sản xuất dược phẩm. ZMapp chưa được cơ quan FDA Hoa Kỳ thừa nhận nhưng vì nhu cầu khẩn cấp và bác sĩ Brantly tình nguyện dùng thuốc, cho nên FDA đặc biệt cho phép. Và bệnh nhân này đã khỏi. Ông nói, *“Thật là một kỳ diệu! Thượng Đế đã cứu sống tôi”!!*

5. Những ai có thể nhiễm Virus Ebola?

Nhân viên y tế, thân nhân và người tiếp xúc trực tiếp với máu và chất lỏng của bệnh nhân đều dễ dàng lây bệnh. Tuy nhiên, rủi ro nhiễm khi ngồi cạnh bệnh nhân rất hiếm.

Nên nhớ, người mới nhiễm bệnh mà chưa có triệu chứng không truyền bệnh cho người khác. Họ chỉ truyền bệnh khi nào có triệu chứng.

6. Nguy hại của dịch bệnh năm nay

Trong dịch bệnh hiện nay, có mấy điều mà bây giờ mới được biết.

- Thứ nhất là bệnh xuất hiện ở một nơi tại Phi châu mà trước đây bệnh chưa bao giờ có.

- Thứ hai là bệnh xảy ra quá nhanh tại cả vùng nông thôn lẫn thành thị. Bệnh đã vượt qua biên giới và xâm nhập nhiều địa phương của 4 quốc gia lân cận là Sierra, Liberia, Nigeria và Guinea. Do đó, việc kiểm soát bệnh trở nên khó khăn hơn, vì dân chúng nghèo khó, điều kiện vệ sinh kém....

7. Phòng ngừa

Hiện nay chưa có vaccin chích ngừa bệnh sốt xuất huyết Ebola cho nên cách phòng ngừa hữu hiệu nhất là cần phải tránh tiếp xúc với máu và chất lỏng của bệnh nhân hoặc với tử thi người bệnh.

1. Khi chăm sóc bệnh nhân:

- Tách riêng người bệnh để khỏi tiếp xúc với người lành.
- Mặc quần áo bảo vệ, mang khẩu trang, mang bao tay cao su, áo choàng và kính che mắt;
- Áp dụng cách khử trùng dụng cụ y khoa cũng như dùng chất diệt tác nhân gây bệnh.

2. Du lịch tới vùng có dịch bệnh, cần làm các việc như sau:

- Áp dụng vệ sinh tối đa, không tiếp xúc với máu và chất dịch của bệnh nhân.
- Không sờ mó vào các vật dụng có dính máu và chất lỏng của bệnh nhân.
- Tránh tham dự ma chay chôn cất và không sờ mó vào người chết vì bệnh.
- Tránh tiếp xúc với các loại dơi, vượn khỉ hoặc máu, dịch lỏng của chúng.
- Tránh tới các bệnh viện đã điều trị bệnh sốt xuất huyết Ebola.

Sau khi trở về từ vùng có dịch bệnh, cần để ý tới sức khỏe của mình trong vòng 21 ngày và tới bác sĩ ngay nếu có các triệu chứng của bệnh Ebola.

Các biện pháp trên có mục đích tránh sự tiếp xúc với máu và dịch của bệnh nhân.

Nếu bệnh nhân chết, không nên tiếp xúc trực tiếp với tử thi.

Ngày 24 tháng 8, 2014 vừa qua, giới chức y tế tại các quốc gia có dịch bệnh đã đưa ra quyết định là tất cả tử thi của bệnh nhân Ebola đều được nhân viên công lực thu lượm và hỏa táng, để tránh lan bệnh khi gia đình chôn cất.

Ngăn ngừa bệnh tại Hoa Kỳ

Tại các phi trường ở Hoa Kỳ, nhân viên đều được huấn luyện kỹ càng để khám phá ra các triệu chứng sớm nhất của bệnh, như là sốt, đau cuống họng và suy nhược cơ bắp, đặc biệt tại các phi trường có nhiều hành khách du lịch từ các quốc gia bị ảnh hưởng của virus Ebola như New York's JFK International Airport, Washington-Dulles, Newark, N.J., Chicago-O'Hare and Hartsfield ở Atlanta, Ga.

Nếu phi hành đoàn thấy một hành khách có dấu hiệu nhiễm Ebola, họ sẽ thông báo cho nhà chức trách ở phi trường hay. Nhân viên kiểm dịch sẽ lên máy bay kiểm tra coi xem người đó có cần phải chờ riêng bằng xe cấp cứu tới bệnh viện để theo dõi tình trạng bệnh trong vài ngày hay không.

Kết luận

Hiện nay, sốt xuất huyết do Ebola chưa là rủi ro cấp bách tại Hoa Kỳ.

Bệnh không lây lan qua không khí, nước uống và thức ăn.

Nhưng bệnh chỉ xảy ra khi tiếp xúc trực tiếp với máu, chất lỏng của người bệnh hoặc tử thi người bệnh hoặc các dụng cụ như kim chích dính virus Ebola.

Mà Hoa Kỳ thì quá xa với vùng dịch bệnh. Cho nên, mặc dù dao động bà con chúng ta cũng an tâm phần nào.

Tuy nhiên cũng nên lưu ý đề phòng.

Cẩn tắc vô ưu mà!

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe

Vài hàng giới thiệu : Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

<http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

VỀ MỤC LỤC

SAU LƯNG ANH ĐÒN ÔNG

Sách "Cổ Học Tinh Hoa" có truyện rằng :

Án Tử làm tướng nước Tề, một hôm đi việc quan, có tên đánh xe theo hầu.

Vợ tên đánh xe dòm qua khe cửa, thấy chồng tay cầm cái dù, tay cầm dây cương, mặt vác lên trời, dương dương tự đắc.

Lúc chồng về nhà, nàng xin từ bỏ nhà ra đi. Chồng hỏi :

- Tại làm sao ?

Nàng nói :

- Án Tử người gầy thấp và bé nhỏ, nhưng làm đến tướng nước Tề, danh tiếng lừng lẫy khắp thiên hạ, thế mà thiếp xem ông ấy vẫn có ý chín chắn và khiêm nhường, như chưa bằng ai. Chớ như chàng cao lớn đầy đà, mới chỉ làm được một tên đánh xe tầm thường và hèn hạ, thế mà thiếp xem chàng đã ra dáng lầy lăm vinh hạnh, tưởng không ai bằng. Thiếp xin bỏ chàng, thiếp đi.

Từ hôm ấy, tên đánh xe bỏ được cái bộ vênh váo, chưa được cái tính nông nổi. Án Tử thấy thế, lầy lăm lạ, bèn hỏi. Tên đánh xe bèn đem việc nhà mà kể lại. Án Tử bèn cất cho làm đại phu.

Qua câu chuyện trên, gã bèn nhớ tới một câu nói, được xếp vào hàng "ranh ngôn", như sau :

- Mặc dù vợ không có công sinh ta ra, nhưng lại có công nuôi dưỡng và dạy dỗ ta nên người.

Câu ranh ngôn này, được một tác giả nào đó ngẫu hứng làm thành một bài thơ với tựa đề là “Sợ Vợ” :

- Dù không sinh đẻ ra ta,
Nhưng công nuôi dưỡng thật là lớn lao.
Khi ta đau ốm xanh xao,
Vợ lo chăm sóc hồng hào khỏe ngay.
Sợ ta đi trật đường rầy,
Vợ liền theo dõi, kéo ngay về nhà.
Khi ta tán tỉnh ba hoa,
Vợ liền “quát nạt”, để mà răn đe.
Vợ mà dạy, phải lắng nghe,
Mai sau “khôn lớn”, mà khoe mọi người.
Nói ra xin hãy chớ cười,
Vợ ta, ta sợ! Vợ người...còn lâu!

Câu ranh ngôn này còn được chứng thực bằng những kinh nghiệm đời thường.

Bên cạnh nhà gã có một anh chàng mới lớn, tính tình rất ngang bướng, lại thích làm đại ca, nên hễ có chỗ nào đánh nhau, hấn liền vác búa, vác dao tới tham dự, cho dù chỉ là đánh hội, đánh chùa... Vì thế, hấn được coi là một đại họa cho bà con lối xóm.

Trong một lần “đánh hội đồng”, phe hấn gây thương tích hơi bị nặng cho một anh chàng ở làng khác. Đàn em bỏ chạy, hấn đứng ra chịu tội, nên được ưu ái mời vào nhà tù mấy năm.

Trong trại cải tạo, hấn được tôn làm đại bàng vì thái độ ngông nghênh coi trời bằng vung. Hết thời gian ngồi bóc lịch, hấn trở về quê cũ. Chẳng hiểu ông già bà già hấn tí tê, dỗi ngon dỗi ngọt thế nào, mà bỗng dưng hấn bằng lòng đi lấy vợ.

Và cũng kể từ khi có bà xã kè kè bên cạnh, hấn như người được lột xác, được thuần hóa, trở nên hiền hòa, chí thú làm ăn, dễ thương và dễ mến, khiến bàn dân thiên hạ phải tấm tắc ngợi khen.

Thành thử, mỗi khi có người cha hay người mẹ nào than phiền về đứa con ngỗ nghịch của mình, các cụ trong dân đều góp ý :

- Cứ bắt cái vợ cho nó là xong ngay. Chỉ mình vợ nó mới trị được nó mà thôi.

Sự dạy dỗ của chị vợ tuy âm thầm mà lại kết quả, tuy êm dịu mà lại thành công, đúng với kế sách :

- Mưa dầm, thấm đất.

- Mật ngọt chết ruồi.

Hay như bàn dân thiên hạ thường nói :

- Người ta bắt được nhiều ruồi bằng một giọt mật, còn hơn bằng cả một thùng dấm chua!

Cũng vì thế, mà gã mới nghiệm ra rằng :

- Sau lưng anh đờn ông đức độ, đều có bóng dáng một chị đờn bà.

Sách “Cổ Học Tinh Hoa” cũng có truyện rằng :

Đời nhà Đường, giặc Lý Hy Liệt đã đánh được Châu Biện, kéo đến đánh huyện Hạng Thành. Quan huyện Hạng Thành là Lý Khản, muốn chạy trốn. Bà huyện, người họ Dương, bèn nói :

- Giặc đến cướp thành thì phải hết sức giữ thành. Giữ mà không được, thì phải liều chết với thành. Nay ông lại chực chạy trốn, nghĩa là làm sao ? Bây giờ cứ mộ quân cho nhiều, khao thưởng cho to, thiết tưởng còn có thể giữ được thành.

Nói rồi, chính bà huyện hội họp cả nha lệ, sĩ dân lại mà hiểu dụ rằng :

- Quan huyện là chủ của các người thật đấy, song chẳng qua chỉ ở đây độ dăm ba năm, rồi cũng thiên di nơi khác, không liên can lắm bằng cách người sinh trưởng ở đất này, gây dựng cơ nghiệp ở đất này, mồ mả cha ông ở đất này. Vậy sống chết, các người cũng phải hết sức mà giữ lấy thành thì mới được.

Ai nấy nghe đều cảm động, rơm rớm nước mắt và đoan xin liều chết để cố giữ thành. Bà huyện hạ lệnh rằng :

- Ai lấy gạch đá đánh được giặc, thưởng tiền một nghìn. Ai lấy gươm giáo giết được giặc, thưởng tiền một muôn.

Tất cả được hơn một trăm người kéo nhau ra giữ thành, chống lại với giặc. Bà huyện thân đi trông nom lương thực cho quân lính. Khi giao chiến, quan huyện trúng phải một mũi tên lui về, ý không muốn đánh nữa. Bà huyện giận mà nói :

- Ông không ở đây, thì ai chịu liều chết ? Cho dù ông giữ thành mà chết, lại chẳng hơn là chết ở xó giường ư ?

Ông huyện nghe cảm kích, hăng hái hơn trước, lại chạy lên thành, liều đánh một trận nữa. Quân giặc túng thế phải kéo đi. Huyện Hạng Thành nhờ vậy mà được an toàn.

Câu truyện trên thật đúng với kinh nghiệm của các cụ ta ngày xưa :

- Gái ngoan làm quan cho chồng.

Trong công việc làm ăn, không phải lúc nào anh chồng cũng gặp được cảnh thuận buồm xuôi gió, trái lại nhiều lúc đã phải cắn răng chịu đựng những cảnh xất bất xang bang, cũng như những thất bại ê chề.

Vì vậy, anh chồng rất cần đến sự góp ý của chị vợ, để đánh giá đúng mức tình hình, có được một cái nhìn sáng suốt và đưa ra những giải pháp vừa hợp tình lại vừa hợp lý, bởi vì :

- Hai cái đầu bao giờ cũng hơn một cái đầu.

Hay như ca dao cũng bảo :

- Chồng khôn vợ được đi hài,

Vợ khôn chồng được nhiều bài cây trồng,

Hơn thế nữa, trong những lúc thất vọng nản chí, anh chồng rất cần đến những lời an ủi và khích lệ của chị vợ, để lấy lại sự bình tĩnh và can đảm.

Và nếu như cả hai vợ chồng đều cộng tác với nhau, thì quả thật là trên cả tuyệt vời :

- Chồng như đó, vợ như hom.

- Trên đồng cạn dưới đồng sâu,

Chồng cày vợ cấy, con trâu đi bừa.

Với sự cộng tác như vậy, gã thâm nghĩ : Khó khăn nào cũng có thể vượt qua, thử thách nào cũng có thể giải quyết. Hay như tục ngữ đã nói :

- Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn.

Sau đây gã xin đưa ra hai thí dụ chứng thực cho kinh nghiệm gã vừa mới trình bày.

Đầu tiên là trường hợp của cặp vợ chồng bác học, ông bà Curie.

Ông đã phải ba năm đeo đuổi mới đạt được mục tiêu. Bí quyết của họ là yêu thương nhau trong sự cộng tác. Về tài năng, có thể nói ông tám lạng thì bà cũng nửa cân, nhưng cả hai đều biết tôn kính và nể trọng nhau. Cùng học và cùng làm việc trong phòng thí nghiệm. Bằng chứng là ghế giáo sư vật lý tại đại học đã được dành cho bà, là người phụ nữ đầu tiên, thế chỗ cho ông sau khi ông mất.

Lúc nhận chức, bà chỉ khiêm tốn nói :

-Tôi thử cố gắng dạy.

Và quả nhiên, bà đã thành công không kém gì ông.

Tiếp đến là trường hợp của bà Nixon.

Sự nghiệp của ông tổng thống nước Mỹ này phần lớn là do bà vợ. Bà luôn ở bên ông trong mọi việc và trong mọi lúc để chia sẻ những cực nhọc thuở hàn vi, cũng như phụ giúp đắc lực cho ông trong việc tranh cử, soạn diễn văn, tiếp đón quan khách. Bà là người đầu tiên xứng đáng để cho ông giới thiệu với các ký giả lúc tuyên thệ nhận chức tổng thống.

Thảo nào mà các vị quan lớn, mỗi khi đi đâu cũng kéo theo cái “rờ mọc” là bà xã của mình, để tạo nên mình hình ảnh hài hòa và đẹp đẽ trước mặt bàn dân thiên hạ.

- Chồng sang vợ được đi giày,

Vợ sang chồng được nhiều ngày cây trồng.

Ngay cả Clinton, tổng thống của nước Mỹ, mặc dù đang bị báo chí làm rùm beng vì chuyện leo tẹo tình cảm với cô tập sinh Monica, còn Hilary, mặc dù đang giận thâm gan tím ruột vì chuyện ăn...phở của đức ông chồng, thế mà cả hai người vẫn cứ đàng hoàng khoác tay nhau trong những chuyến công du, như chẳng hề có những ngọn sóng ngầm trào dâng trong cõi lòng.

Từ những sự việc cụ thể kể trên, một lần nữa gã lại nghiệm ra rằng :

- Sau lưng anh đờn ông thành công, đều có bóng dáng một chị đờn bà.

Tuy nhiên, như một đồng tiền có hai mặt : mặt phải và mặt trái, đã nói đi thì cũng phải nói lại. Nếu sau lưng anh đờn ông đức độ và thành công, đều có bóng dáng một chị đờn bà, thì sau lưng anh đờn ông bị thất bại te tua, cũng đều có bóng dáng một chị đờn bà.

Chắc hẳn tận đáy lòng, chị vợ nào mà lại chẳng muốn cho anh chồng của mình gặt hái được những thành quả tốt đẹp trên bước đường công danh và sự nghiệp, thế nhưng lắm khi chỉ vì những lời nói và những thái độ của mình, một cách hữu ý hay vô tình, đã tích cực góp phần đẩy anh chồng của mình vào một tình trạng thê thảm.

Dĩ nhiên là có rất nhiều cách hại chồng, nhưng trong phạm vi bài viết này, gã chỉ xin trình bày một “độc chiêu” mà thôi. Đó là có những chị vợ đã vô tình “chặt chân tay của chồng”, bằng cách làm cho chồng mất hết bạn bè, cũng như mất hết người cộng tác trong công việc giao dịch và làm ăn.

Đối với anh chồng, bạn bè cùng phái là một nhu cầu rất cần thiết cho cuộc sống, như tục ngữ đã xác quyết :

- Giàu vì bạn, sang vì vợ.

Có những anh chồng còn mạnh dạn tuyên bố :

- Nhiều chuyện tớ chỉ dám nói với bè bạn, chứ không thể nào nói với bà xã được.

Dĩ nhiên, có những người bạn mà vừa nhìn mặt, chị vợ đã thấy ghét, chẳng hạn như bạn ăn nhậu, bạn cờ bạc...Đó là điều rất bình thường và chính đáng, vì chị vợ không muốn anh chồng sa đà vào những chốn chơi bời, đề rồi trở thành hư thân mất nét lúc nào cũng không hay.

Thế nhưng, có những chị vợ muốn chiếm giữ độc quyền anh chồng bên mình. Hết giờ làm việc là phải trở về nhà với vợ con, không được cà kê dề ngỗng chỗ ở này hay chỗ khác, với anh nọ và anh kia. Thậm chí, chị vợ còn tỏ ra bực bội mỗi khi bạn bè của anh chồng tới nhà chơi.

Bạn bè cùng lớp mỗi năm có thói quen họp mặt một lần và năm nay, mọi người đều nhất trí và đồng ý sẽ gặp nhau tại nhà anh. Anh vui vẻ nhận lời vì cho đó chỉ là chuyện nhỏ.

Tuy nhiên, khi về nhà bàn với chị vợ, thì chị vợ lại đưa ra đủ thứ lý do để từ chối, không muốn “đăng cai” tổ chức, nào là nhà cửa chật chội, nào là ăn uống bày bày và tốn kém...

Anh chồng ra sức thuyết phục :

- Điều chính yếu không phải là chuyện ăn uống phủ phê hay nhà cửa tiện nghi, mà là một không gian ấm cúng để được thoải mái sống cái tình bè bạn và nhớ lại những kỷ niệm xa xưa.

Bất đắc dĩ chị vợ phải chấp nhận. Tới ngày gặp gỡ, mặt mũi chị vợ lạnh tanh lạnh ngắt như bánh bao chiều. Không nói một lời, không cười một tiếng, làm cho bầu khí bỗng trở nên nặng nề và ngột ngạt, mặc dù anh chồng đã ra sức cứu vãn bằng những cái bắt tay và những câu chuyện cười, đồng thời chữa cháy bằng những ly rượu mời...

Khi ra về, một tên bạn ghé tai và nói nhỏ với anh:

- Chắc là tụi này cách đến già, hông dám tới nhà bạn nữa đâu.

Mới đây, hôm mồng hai tết, một anh bạn dẫn con tới chúc tuổi. Trong lúc anh chồng vui vẻ tiếp bạn, thì chỉ vợ đi qua đi lại, nói xiên nói xỏ, đại khái rằng :

- Tôi không muốn những hạng người như anh giao du với nhà tôi.

Thấy hoàn cảnh không được thuận lợi để ngồi uống với nhau ly rượu mừng xuân, anh bạn bèn bỏ cửa chạy lách người, dẫn con ra về cái một. Và khi anh bạn vừa đi khỏi, thì liền diễn ra cảnh vợ chồng đóng cửa...dạy nhau. Thế là những ngày đầu năm đang vui bỗng biến thành buồn và mất toi một cái tết.

Đối với những bạn bè cùng phái mà còn như vậy, huống nữa là đối với những bạn bè khác phái của anh chồng. Việc kiểm soát lại càng trở nên gắt gao và nghiêm ngặt, còn hơn cả lệnh giới nghiêm.

Ai cũng phải công nhận điện thoại di động thật tiện lợi và hữu ích, vì mình có thể liên lạc được với nhau ở mọi nơi và trong mọi lúc. Thế nhưng, đối với anh chồng thì lại khác. Kể từ khi được chị vợ sắm cho một “con dế nhỏ nhỏ xinh xinh”, anh chồng cảm thấy sự tự do của mình bị cắt xén và lúc nào cũng nhận ra sự canh chừng của chị vợ ở sát ngay bên mình.

Bất kỳ lúc nào chị vợ cũng có thể gọi để kiểm tra xem anh chồng có mặt trong sở hay là lại đang vi vút ở đâu và với ai...Nếu trong giờ làm việc, mà điện thoại “tạm thời không liên lạc được”, hay “ở ngoài vòng phủ sóng”, thì chị vợ bèn tức tốc chạy thẳng tới sở hay gọi tới gọi lui cho đám bè bạn để điều tra về sự...mất tăm mất tích đột xuất này.

Giữa đêm hôm khuya khoắt mà bỗng có tiếng dế kêu, thế nào chị vợ cũng hỏi xem ai gọi và gọi để làm gì. Nếu anh chồng trả lời ngập ngừng thì hẳn là có vấn đề. Còn nếu anh chồng trả lời trơn tru, thì lại bị cho là dẻo mép, quen thói dối vợ có bài bản dọn sẵn.

Nắm vững tình hình của hai vợ chồng là như vậy, đám bè bạn “trời đánh thánh vật không chết” lâu lâu lại cất một thang thuốc, bày ra một trò chơi, bằng cách “phệu” một tin nhắn thật lâm ly và bi đát, cho chui tọt vào máy của anh chồng...Rồi chờ xem chiến sự xảy ra như thế nào?

Nếu chẳng may chị vợ khám phá ra một tin nhắn được lưu lại trong máy với những lời lẽ những nhẽo hay ngọt ngào, thì anh chồng chỉ còn nước từ chết đến bị thương mà thôi.

Những giận hờn triền miên không biết đến bao giờ mới hết, những day dứt kéo dài tưởng chừng như vô tận, mặc cho anh chồng ra sức thanh minh thanh nga. Và dù anh chồng có thể sống thề chết, thì cũng chẳng tạo được một chút niềm tin nơi chị vợ.

Mặc dù không được huấn luyện hay trải qua trường lớp, chị vợ vẫn cứ nghiễm nhiên là một nhà thám tử. Và dưới mắt chị vợ, thì hình như mọi phụ nữ đều có thể trở thành tình địch, trở thành người thứ ba, sẵn sàng chớp lấy anh chồng của mình.

Người ta thường bảo, có yêu thì mới ghen, như tục ngữ đã diễn tả :

- Ớt nào là ớt chẳng cay,

Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng,

Vôi nào là vôi chẳng nong,

Gái nào là gái có chồng chẳng ghen.

Một cái ghen sáng suốt, nhẹ nhàng có thể làm cho tình yêu thêm mặn nồng, nhưng trái lại một cái ghen mù quáng và điên cuồng có thể giết chết tình yêu và dẫn tới những hậu quả thảm khốc. Gã đã từng thấy có chị vợ đã nổi máu ghen khi anh chồng gặp gỡ, chào hỏi và nói chuyện với đám học học trò mình.

Sống trong cảnh bị “kìm kẹp” như vậy, anh chồng không bị suy sụp tinh thần mới là chuyện lạ, bởi vì chẳng còn ai muốn giao du và đi lại với anh ta nữa.

Còn rất nhiều những “độc chiêu” khác nữa. Chẳng hạn như vì tiêu xài theo kiểu con nhà lính tính nhà quan, bóc ngắn cắn dài, khiến tình trạng tài chánh trong gia đình bị thâm thủng nặng nề, hay vì lòng tham không đáy của mình, chị vợ chỉ mong sao anh chồng kiếm được nhiều tiền lắm bạc bằng những lời tỉ tê. Và thế là anh chồng cũng liều nhắm mắt đưa chân, nhận phong bì hối lộ, còn chị vợ thì mở cửa sau để nhận quà cáp. Rồi tới một ngày ông chồng bị công an sờ gáy và mời vô khám nằm bóc lịch...

Chẳng hạn như cái tật phát ngôn bừa bãi, thích nói hành nói tỏi người này người nọ, thậm chí sẵn sàng kể ra những thói hư của chồng, để mua vui cho bàn dân thiên hạ, bất chấp sự ngượng ngùng, tủi hổ của anh chồng...

Những “độc chiêu” này, khi có dịp gã sẽ bàn tới sau. Còn bây giờ xin lặp lại lời đã nói ở trên như một kết luận :

- Nếu sau lưng anh đồn ông thành công rực rỡ, đều có bóng dáng một chị đồn bà, thì sau lưng anh đồn ông thất bại te tua, cũng đều có bóng dáng một chị đồn bà.

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA